

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP

Tư tưởng Hồ Chí Minh

Dành cho sinh viên đại học các ngành không chuyên lý luận chính trị

Hồ Chí Minh Thought — a bilingual study guide

Độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội · Đảng và Nhà nước · Đại đoàn kết · Văn hóa, đạo đức,
con người

Bài tập vận dụng có lời giải · Tự luận có dàn ý · Trắc nghiệm có đáp án

Song ngữ Việt – Anh · Vietnamese – English

Phiên bản 1.0 — Tháng 10 năm 2026

<https://globalmarket.vn>

M U C L U C

CONTENTS

Chương 1. Khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn Tư tưởng Hồ Chí Minh — Chapter 1. Concept, subject matter, research methods and significance of studying Hồ Chí Minh Thought	4
1.1. Khái niệm tư tưởng Hồ Chí Minh — <i>The concept of Hồ Chí Minh Thought</i>	4
1.2. Đối tượng nghiên cứu và quan hệ với các môn học khác — <i>Subject matter and relation to other courses</i>	13
1.3. Phương pháp nghiên cứu — <i>Research methods</i>	16
1.4. Ý nghĩa của việc học tập môn Tư tưởng Hồ Chí Minh — <i>Significance of studying Hồ Chí Minh Thought</i>	22
1.5. Bài tập vận dụng có lời giải — <i>Applied exercises with solutions</i>	25
1.6. Câu hỏi tự luận và dàn ý trả lời — <i>Essay questions and answer outlines</i>	28
1.7. Câu hỏi trắc nghiệm — <i>Multiple-choice questions</i>	30
Chương 2. Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh — Chapter 2. Foundations, formation and development of Hồ Chí Minh Thought	33
2.1. Cơ sở thực tiễn hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh — <i>The practical foundations of Hồ Chí Minh Thought</i>	33
2.2. Cơ sở lý luận: truyền thống dân tộc, tinh hoa văn hóa nhân loại, chủ nghĩa Mác – Lênin — <i>Theoretical foundations: national tradition, the best of world culture, Marxism–Leninism</i>	38
2.3. Nhân tố chủ quan Hồ Chí Minh — <i>Hồ Chí Minh's subjective factor</i>	45
2.4. Quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh — <i>The process of formation and development of Hồ Chí Minh Thought</i>	48
2.5. Giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh — <i>The value of Hồ Chí Minh Thought</i>	60
2.6. Bài tập vận dụng có lời giải — <i>Applied exercises with solutions</i>	63
2.7. Câu hỏi tự luận và dàn ý trả lời — <i>Essay questions and answer outlines</i>	65
2.8. Câu hỏi trắc nghiệm — <i>Multiple-choice questions</i>	68
Chương 3. Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội — Chapter 3. Hồ Chí Minh Thought on national independence and socialism	72
3.1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề độc lập dân tộc — 3.1. <i>Hồ Chí Minh Thought on the question of national independence</i>	72
3.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về cách mạng giải phóng dân tộc — 3.2. <i>Hồ Chí Minh Thought on national liberation revolution</i>	81
3.3. Quan niệm của Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội — <i>Hồ Chí Minh's conception of socialism</i>	97
3.4. Xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam: mục tiêu và động lực — <i>Building socialism in Vietnam: goals and driving forces</i>	104
3.5. Thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam — <i>The period of transition to socialism in Vietnam</i>	111

3.6. Mối quan hệ giữa độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội — <i>The relationship between national independence and socialism</i>	117
3.7. Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội hiện nay — <i>Applying Hồ Chí Minh Thought on independence linked with socialism today</i>	122
3.8. Bài tập vận dụng có lời giải — <i>Applied exercises with solutions</i>	126
3.9. Câu hỏi tự luận và dàn ý trả lời — <i>Essay questions and answer outlines</i>	132
3.10. Câu hỏi trắc nghiệm — <i>Multiple-choice questions</i>	138

Chương 4. Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân — Chapter 4. Hồ Chí Minh Thought on the Communist Party of Vietnam and the State of the people, by the people, for the people

4.1. Tính tất yếu và vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam — <i>The necessity and leading role of the Communist Party of Vietnam</i>	144
4.2. Đảng là đạo đức, là văn minh; Đảng của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và dân tộc — <i>The Party as morality and civilisation; a party of the working class, the working people and the nation</i>	147
4.3. Xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh: nguyên tắc tổ chức, sinh hoạt và đội ngũ cán bộ, đảng viên — <i>Building a clean, strong Party: organisational and working principles, cadres and members</i>	152
4.4. Nhà nước dân chủ: bản chất giai cấp; Nhà nước của dân, do dân, vì dân — <i>The democratic State: class nature; a State of, by and for the people</i>	157
4.5. Nhà nước pháp quyền; Nhà nước trong sạch, vững mạnh — <i>The rule-of-law State; a clean and strong State</i>	164
4.6. Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào xây dựng Đảng và xây dựng Nhà nước hiện nay — <i>Applying Hồ Chí Minh Thought to building the Party and the State today</i>	171
4.7. Bài tập vận dụng có lời giải — <i>Applied exercises with solutions</i>	173
4.8. Câu hỏi tự luận và dàn ý trả lời — <i>Essay questions and answer outlines</i>	176
4.9. Câu hỏi trắc nghiệm — <i>Multiple-choice questions</i>	179

Chương 5. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế — Chapter 5. Hồ Chí Minh Thought on great national unity and international solidarity

5.1. Vai trò của đại đoàn kết toàn dân tộc — <i>The role of great national unity</i>	182
5.2. Lực lượng và điều kiện xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc — <i>Forces and conditions for building great national unity</i>	188
5.3. Mặt trận dân tộc thống nhất và phương thức xây dựng khối đại đoàn kết — <i>The National United Front and methods of building great unity</i>	192
5.4. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đoàn kết quốc tế — <i>Hồ Chí Minh Thought on international solidarity</i>	197
5.5. Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết và đoàn kết quốc tế hiện nay — <i>Applying Hồ Chí Minh's thought on great unity and international solidarity today</i>	204
5.6. Bài tập vận dụng có lời giải — <i>Applied exercises with solutions</i>	208
5.7. Câu hỏi tự luận và dàn ý trả lời — <i>Essay questions and answer outlines</i>	210

5.8. Câu hỏi trắc nghiệm — <i>Multiple-choice questions</i>	214
Chương 6. Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, đạo đức, con người — Chapter 6. Hồ Chí Minh Thought on culture, morality and the human being.....	216
6.1. Nhận thức chung về văn hóa và quan hệ của văn hóa với các lĩnh vực khác — <i>General understanding of culture and its relationship with other fields</i>	216
6.2. Quan điểm của Hồ Chí Minh về vai trò của văn hóa — <i>Hồ Chí Minh's view on the role of culture</i>	226
6.3. Quan điểm của Hồ Chí Minh về xây dựng nền văn hóa mới — <i>Hồ Chí Minh's view on building a new culture</i>	234
6.4. Vai trò và sức mạnh của đạo đức cách mạng — <i>The role and strength of revolutionary morality</i>	238
6.5. Những chuẩn mực đạo đức cách mạng — <i>The standards of revolutionary morality</i>	243
6.6. Những nguyên tắc xây dựng đạo đức cách mạng — <i>Principles for building revolutionary morality</i>	253
6.7. Tư tưởng Hồ Chí Minh về con người — <i>Hồ Chí Minh Thought on the human being</i>	258
6.8. Xây dựng văn hóa, đạo đức, con người Việt Nam hiện nay theo tư tưởng Hồ Chí Minh — <i>Building Vietnamese culture, morality and people today in line with Hồ Chí Minh Thought</i>	264
6.9. Bài tập vận dụng có lời giải — <i>Applied exercises with solutions</i>	270
6.10. Câu hỏi tự luận và dàn ý trả lời — <i>Essay questions and answer outlines</i>	274
6.11. Câu hỏi trắc nghiệm — <i>Multiple-choice questions</i>	280
Phụ lục A. Đáp án câu hỏi trắc nghiệm — Appendix A. Answer key.....	284
Phụ lục B. Niên biểu cuộc đời và sự nghiệp Hồ Chí Minh — Appendix B. Chronology of Hồ Chí Minh's life and work.....	289
Phụ lục C. Tác phẩm cần nhớ — Appendix C. Key works to remember	291
Phụ lục D. Thuật ngữ Việt – Anh — Appendix D. Vietnamese–English glossary.....	293
Tài liệu tham khảo — References.....	296

Chương 1. Khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn Tư tưởng Hồ Chí Minh — Chapter 1. Concept, subject matter, research methods and significance of studying Hồ Chí Minh Thought

1.1. Khái niệm tư tưởng Hồ Chí Minh — The concept of Hồ Chí Minh Thought

Định nghĩa của Đại hội XI (2011) — The definition of the 11th Congress (2011)

Giáo trình và đề thi dùng định nghĩa mà Đại hội XI của Đảng (năm 2011) đưa ra. Câu định nghĩa dài một câu, gồm ba vế: bản chất và nội dung, nguồn gốc, giá trị.

The definition used in the textbook and in exams is the one adopted by the 11th National Congress of the Communist Party of Vietnam in 2011. It is a single sentence with three parts: nature and content, sources, value.

PHẢI THUỘC / MEMORISE — “Tư tưởng Hồ Chí Minh là một hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam, kết quả của sự vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện cụ thể của nước ta, kế thừa và phát triển các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hoá nhân loại; là tài sản tinh thần vô cùng to lớn và quý giá của Đảng và dân tộc ta, mãi mãi soi đường cho sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta giành thắng lợi” (Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.88).

“Hồ Chí Minh Thought is a comprehensive and profound system of views on the basic issues of the Vietnamese revolution, the result of applying and creatively developing Marxism–Leninism in the specific conditions of our country, inheriting and developing the nation’s fine traditional values and absorbing the quintessence of human culture; it is an immense and precious spiritual asset of our Party and nation, forever lighting the way for our people’s revolutionary cause to victory”
(Communist Party of Vietnam, Documents of the 11th National Congress, National Political Publishing House, Hanoi, 2011, p. 88).

Mẹo nhớ “1 – 3 – 1”: **một** hệ thống quan điểm; **ba** nguồn (Mác – Lênin, truyền thống dân tộc, tinh hoa nhân loại); **một** tài sản tinh thần soi đường. Khi viết bài, chép theo đúng thứ tự này thì không sót vế nào.

*Memory aid “1 – 3 – 1”: **one** system of views; **three** sources (Marxism–Leninism, national tradition, the best of human culture); **one** spiritual asset that lights the way. Writing it in this order means no part is left out.*

Phân tích từng thành tố của định nghĩa — Analysing each component of the definition

Cụm từ trong định nghĩa <i>Phrase in the definition</i>	Trả lời câu hỏi <i>Answers the question</i>	Nội dung cần hiểu <i>What it means</i>
“một hệ thống quan điểm” <i>“a system of views”</i>	Tư tưởng Hồ Chí Minh là gì? <i>What is it?</i>	Các quan điểm gắn với nhau thành chỉnh thể, có logic nội tại; không phải tập hợp rời rạc <i>The views fit together into a whole with an inner logic; not a loose set of sayings</i>
“toàn diện và sâu sắc” <i>“comprehensive and profound”</i>	Rộng đến đâu, sâu đến đâu? <i>How wide and how deep?</i>	Phủ các lĩnh vực: chính trị, kinh tế, quân sự, văn hóa, đạo đức, đối ngoại; đi tới quy luật chứ không dừng ở hiện tượng <i>Covers politics, economy, military affairs, culture, ethics, foreign relations; reaches laws, not just appearances</i>
“những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam” <i>“the basic issues of the Vietnamese revolution”</i>	Bàn về cái gì? <i>About what?</i>	Mục tiêu, con đường, lực lượng lãnh đạo, lực lượng cách mạng, con người, quan hệ quốc tế, phương pháp cách mạng <i>Goal, path, leading force, revolutionary forces, people, international relations, revolutionary method</i>
“vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện cụ thể của nước ta” <i>“applying and creatively developing Marxism–Leninism in our country’s conditions”</i>	Nguồn lý luận quyết định là gì? <i>What is the decisive theoretical source?</i>	Vận dụng là áp vào hoàn cảnh Việt Nam; phát triển sáng tạo là bổ sung điều kinh điển chưa nói hoặc nói chưa đủ cho nước thuộc địa <i>Applying fits it to Vietnam; creative development adds what the classics had not said, or not fully, about colonies</i>
“kế thừa và phát triển các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc” <i>“inheriting and developing the nation’s fine traditions”</i>	Nguồn trong nước là gì? <i>What is the domestic source?</i>	Yêu nước, đoàn kết, nhân nghĩa, cần cù, hiếu học; kế thừa có chọn lọc, nâng lên tầm mới <i>Patriotism, solidarity, humaneness, diligence, love of learning; inherited selectively and raised to a new level</i>
“tiếp thu tinh hoa văn hoá nhân loại” <i>“absorbing the quintessence of human culture”</i>	Nguồn bên ngoài nào khác? <i>What other outside source?</i>	Giá trị tiên bộ của cả phương Đông và phương Tây (trình bày ở Chương 2) <i>Progressive values of both East and West (covered in Chapter 2)</i>
“tài sản tinh thần vô cùng to lớn và quý giá” <i>“an immense and precious spiritual asset”</i>	Có giá trị gì, của ai? <i>What value, belonging to whom?</i>	Thuộc về Đảng và cả dân tộc, không riêng một tổ chức <i>Belongs to the Party and the whole nation, not to one organisation alone</i>

Cụm từ trong định nghĩa <i>Phrase in the definition</i>	Trả lời câu hỏi <i>Answers the question</i>	Nội dung cần hiểu <i>What it means</i>
“mãi mãi soi đường... giành thắng lợi” <i>“forever lighting the way... to victory”</i>	Giá trị còn đến bao giờ? <i>How long does it last?</i>	Giá trị lâu dài, hướng tới tương lai; làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động <i>Lasting value looking ahead; serves as ideological foundation and guide for action</i>

Ba ý mà định nghĩa chỉ ra — The three points the definition makes

Ý <i>Point</i>	Nội dung theo giáo trình <i>Content per the textbook</i>	Từ khóa nhớ <i>Keyword</i>
Một <i>One</i>	Nêu bản chất khoa học và cách mạng, nội dung cơ bản: hệ thống quan điểm về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam, phản ánh tính quy luật của cách mạng Việt Nam <i>States the scientific and revolutionary nature and the basic content: a system of views on the basic issues, reflecting the laws of the Vietnamese revolution</i>	BẢN CHẤT NATURE
Hai <i>Two</i>	Nêu cơ sở hình thành: chủ nghĩa Mác – Lênin là giá trị cơ bản nhất; cùng với truyền thống dân tộc và tinh hoa văn hóa nhân loại <i>States the foundations: Marxism–Leninism as the most basic value, along with national tradition and world culture</i>	NGUỒN GỐC SOURCES
Ba <i>Three</i>	Nêu ý nghĩa: tài sản tinh thần, soi đường; cùng chủ nghĩa Mác – Lênin là bộ phận cấu thành nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động của Đảng và cách mạng Việt Nam <i>States the significance: a spiritual asset that lights the way; with Marxism–Leninism it forms the ideological foundation and guide for action</i>	GIÁ TRỊ VALUE

Nội dung cơ bản theo về thứ nhất có thể xếp thành tám điểm. Mỗi điểm được triển khai thành một chương ở phần sau của môn học.

The basic content under the first part can be arranged into eight points. Each is developed into a chapter later in the course.

Điểm nội dung <i>Content point</i>	Hồ Chí Minh xác định <i>What Hồ Chí Minh set out</i>	Học kỹ ở <i>Studied in</i>
Mục tiêu <i>Goal</i>	Như Di chúc ghi: “một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh”, góp phần vào cách mạng thế giới <i>A peaceful, unified, independent, democratic and prosperous Vietnam that contributes worthily to the world revolution</i>	Chương 3 <i>Chapter 3</i>
Con đường <i>Path</i>	Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội <i>National independence tied to socialism</i>	Chương 3 <i>Chapter 3</i>

Điểm nội dung <i>Content point</i>	Hồ Chí Minh xác định <i>What Hồ Chí Minh set out</i>	Học kỹ ở <i>Studied in</i>
Lực lượng lãnh đạo, quản lý <i>Leadership and management</i>	Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo; Nhà nước cách mạng quản lý <i>The Communist Party of Vietnam leads; the revolutionary State manages</i>	Chương 4 <i>Chapter 4</i>
Lực lượng cách mạng <i>Revolutionary forces</i>	Toàn thể nhân dân Việt Nam yêu nước <i>All patriotic Vietnamese people</i>	Chương 5 <i>Chapter 5</i>
Quan hệ quốc tế <i>International relations</i>	Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại; hòa bình, hợp tác, hữu nghị cùng phát triển <i>Combine national strength with the strength of the times; peace, cooperation, friendship, common development</i>	Chương 5 <i>Chapter 5</i>
Con người <i>People</i>	Con người Việt Nam có năng lực và phẩm chất đạo đức cách mạng <i>Vietnamese people with ability and revolutionary moral qualities</i>	Chương 6 <i>Chapter 6</i>
Văn hóa, đạo đức <i>Culture and morality</i>	Văn hóa là mục tiêu và động lực; đạo đức là gốc của người cách mạng <i>Culture as goal and driving force; morality as the root of a revolutionary</i>	Chương 6 <i>Chapter 6</i>
Phương pháp <i>Method</i>	Phương pháp cách mạng phù hợp với từng hoàn cảnh <i>Revolutionary methods suited to each situation</i>	Xuyên suốt <i>Throughout</i>

LỖI HAY GẶP / COMMON MISTAKE — Viết “hệ thống quan điểm khoa học và cách mạng” thay cho “hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc”. Cụm “khoa học và cách mạng” là nhận xét của giáo trình về bản chất, không nằm trong câu định nghĩa.

Writing “a scientific and revolutionary system of views” instead of “a comprehensive and profound system of views”. “Scientific and revolutionary” is the textbook’s comment on its nature, not part of the definition.

LỖI HAY GẶP / COMMON MISTAKE — Bỏ chữ “phát triển” trong cụm “vận dụng và phát triển sáng tạo”. Thiếu chữ này, định nghĩa biến tư tưởng Hồ Chí Minh thành bản áp dụng thuần túy, đúng ý lập luận sai “chỉ là bản sao”.

Dropping “developing” from “applying and creatively developing”. Without it the definition turns his thought into mere application, which is exactly the false “just a copy” argument.

Tư tưởng Hồ Chí Minh và chủ nghĩa Mác – Lênin: dễ nhầm ở đâu — *Hồ Chí Minh Thought and Marxism–Leninism: where confusion arises*

Nhận định <i>Statement</i>	Đúng / Sai <i>True / False</i>	Giải thích <i>Explanation</i>
Tư tưởng Hồ Chí Minh là bản dịch chủ nghĩa Mác – Lênin sang hoàn cảnh Việt Nam <i>Hồ Chí Minh Thought is Marxism–Leninism translated into Vietnam’s setting</i>	Sai <i>False</i>	Định nghĩa dùng chữ “phát triển sáng tạo”; còn hai nguồn khác là truyền thống dân tộc và tinh hoa văn hóa nhân loại <i>The definition says “creatively developing”; two other sources exist: national tradition and world culture</i>
Chủ nghĩa Mác – Lênin là cơ sở quyết định bản chất của tư tưởng Hồ Chí Minh <i>Marxism–Leninism decides the nature of Hồ Chí Minh Thought</i>	Đúng <i>True</i>	Giáo trình gọi đó là giá trị cơ bản nhất trong quá trình hình thành, phát triển <i>The textbook calls it the most basic value in its formation and development</i>
Có thể đặt tư tưởng Hồ Chí Minh đối lập với chủ nghĩa Mác – Lênin <i>Hồ Chí Minh Thought can be set against Marxism–Leninism</i>	Sai <i>False</i>	Hai bộ phận cùng cấu thành nền tảng tư tưởng của Đảng, nêu song song từ Đại hội VII (1991) <i>Both make up the Party’s ideological foundation, named together since the 7th Congress (1991)</i>
Tư tưởng Hồ Chí Minh chỉ có giá trị trong thời Người còn sống <i>It was valid only during his lifetime</i>	Sai <i>False</i>	Định nghĩa ghi “mãi mãi soi đường”; sau năm 1969, tư tưởng ấy vẫn là nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam <i>The definition says “forever lighting the way”; after 1969 it remains the foundation and guide</i>

VÍ DỤ / EXAMPLE — Một bạn viết trong bài thi: “Tư tưởng Hồ Chí Minh hình thành từ chủ nghĩa yêu nước Việt Nam, sau đó Người bổ sung thêm chủ nghĩa Mác – Lênin.” Câu này đặt sai thứ bậc nguồn gốc. Truyền thống yêu nước là nguồn quan trọng, nhưng giáo trình xác định chủ nghĩa Mác – Lênin là giá trị cơ bản nhất, quyết định bản chất. Sửa lại: “Trên nền chủ nghĩa Mác – Lênin, Hồ Chí Minh kế thừa truyền thống dân tộc và tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại.”

A student writes in an exam: “Hồ Chí Minh Thought grew out of Vietnamese patriotism, and he later added Marxism–Leninism.” This ranks the sources wrongly. Patriotic tradition matters, but the textbook names Marxism–Leninism as the most basic value that decides the nature. Corrected: “On the basis of Marxism–Leninism, Hồ Chí Minh inherited national traditions and absorbed the best of human culture.”

Quá trình Đảng nhận thức về tư tưởng Hồ Chí Minh — *How the Party’s understanding of Hồ Chí Minh Thought evolved*

Định nghĩa năm 2011 là điểm cuối của một quá trình kéo dài hơn tám mươi năm. Quá trình ấy không thẳng: sau khi Đảng ra đời, quan điểm của Hồ Chí Minh từng bị hiểu sai rồi mới được khẳng định lại.

The 2011 definition is the end point of a process spanning more than eighty years. That process was not linear: after the Party was founded, Hồ Chí Minh's views were at one point misjudged and only later reaffirmed.

- Đầu năm 1930: các văn kiện thông qua khi thành lập Đảng hợp thành Cương lĩnh chính trị đầu tiên, chứa những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh về cách mạng Việt Nam.

Early 1930: the documents adopted when the Party was founded make up its first Political Platform, which carries the basic content of Hồ Chí Minh's thought on the Vietnamese revolution.

- Sau đó: Quốc tế Cộng sản và một số người trong Đảng Cộng sản Đông Dương hiểu chưa đúng, do chịu ảnh hưởng đường lối tả khuynh của Đại hội VI Quốc tế Cộng sản (năm 1928) về tập hợp lực lượng ở các nước thuộc địa. Thực tiễn cách mạng chứng minh quan điểm của Hồ Chí Minh đúng.

Afterwards: the Communist International and some members of the Indochinese Communist Party misjudged his views, under the leftist line of the Comintern's 6th Congress (1928) on rallying forces in colonies. Revolutionary practice proved Hồ Chí Minh right.

Mốc Milestone	Đảng nhận thức gì What the Party recognised	Nguồn Source
Đại hội II (2-1951) <i>2nd Congress (Feb 1951)</i>	Đường lối chính trị, nền nếp làm việc, đạo đức cách mạng của Đảng là đường lối, tác phong, đạo đức Hồ Chủ tịch; học tập Người là điều kiện tiên quyết để Đảng mạnh <i>The Party's political line, working style and revolutionary morality are President Hồ's; studying him is the precondition for a strong Party</i>	Văn kiện Đảng Toàn tập, t.12, tr.9 <i>Party Documents, vol. 12, p. 9</i>
Điều văn (9-1969) <i>Eulogy (Sep 1969)</i>	Ban Chấp hành Trung ương tôn vinh Người là “người anh hùng dân tộc vĩ đại” <i>The Central Committee honours him as “the great national hero”</i>	Văn kiện Đảng Toàn tập, t.30, tr.275 <i>Party Documents, vol. 30, p. 275</i>
Đại hội IV (12-1976) <i>4th Congress (Dec 1976)</i>	Gắn thắng lợi chống Mỹ, cứu nước với tên tuổi Người; ghi nhận Người sáng lập và rèn luyện Đảng, vun trồng khối đại đoàn kết, xây dựng lực lượng vũ trang <i>Links the victory over the US to his name; credits him as founder and trainer of the Party, builder of national unity and of the armed forces</i>	Văn kiện Đảng Toàn tập, t.37, tr.474 <i>Party Documents, vol. 37, p. 474</i>
Đại hội V (3-1982) <i>5th Congress (Mar 1982)</i>	Yêu cầu tổ chức cho toàn Đảng học một cách bài bản tư tưởng, đạo đức, tác phong của Người <i>Requires the whole Party to study his thought, morality and style systematically</i>	Văn kiện Đại hội V, t.3, tr.61 <i>5th Congress Documents, vol. 3, p. 61</i>

Mốc <i>Milestone</i>	Đảng nhận thức gì <i>What the Party recognised</i>	Nguồn <i>Source</i>
Đại hội VI (12-1986) <i>6th Congress (Dec 1986)</i>	Mở đường lối đổi mới; yêu cầu Đảng tiếp nhận di sản tư tưởng, lý luận cách mạng mà Người để lại <i>Opens Đổi Mới; calls for inheriting his precious legacy of revolutionary thought and theory</i>	Văn kiện Đảng Toàn tập, t.47, tr.807 <i>Party Documents, vol. 47, p. 807</i>
Đại hội VII (1991) <i>7th Congress (1991)</i>	Lần đầu lấy chủ nghĩa Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động; coi tư tưởng Hồ Chí Minh là kết quả vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác – Lênin <i>First takes Marxism–Leninism and Hồ Chí Minh Thought as ideological foundation and guide for action; calls his thought the result of creatively applying Marxism–Leninism</i>	Văn kiện Đại hội VII, tr.127 <i>7th Congress Documents, p. 127</i>
Đại hội IX (4-2001) <i>9th Congress (Apr 2001)</i>	Nêu định nghĩa đầy đủ hơn: hệ thống quan điểm toàn diện, sâu sắc; ba nguồn gốc <i>Gives a fuller definition: comprehensive, profound system of views; three sources</i>	Văn kiện Đại hội IX, tr.83 <i>9th Congress Documents, p. 83</i>
Đại hội X (4-2006) <i>10th Congress (Apr 2006)</i>	Tổng kết 76 năm: tư tưởng của Người cùng chủ nghĩa Mác – Lênin mãi mãi là nền tảng tư tưởng; là tài sản tinh thần vô giá, ngọn cờ thắng lợi <i>Reviews 76 years: his thought with Marxism–Leninism is forever the ideological foundation; a priceless spiritual asset, the banner of victory</i>	Văn kiện Đại hội X, tr.6-7 <i>10th Congress Documents, pp. 6-7</i>
Đại hội XI (2011) <i>11th Congress (2011)</i>	Định nghĩa hoàn chỉnh, thêm về “tài sản tinh thần vô cùng to lớn và quý giá... mãi mãi soi đường” <i>Completes the definition, adding “an immense and precious spiritual asset... forever lighting the way”</i>	Văn kiện Đại hội XI, tr.88 <i>11th Congress Documents, p. 88</i>
Đại hội XII (2016) <i>12th Congress (2016)</i>	Yêu cầu “kiên định chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, vận dụng sáng tạo và phát triển phù hợp với thực tiễn Việt Nam” <i>Requires steadfastness in Marxism–Leninism and Hồ Chí Minh Thought, with creative application suited to Vietnam</i>	Văn kiện Đại hội XII, tr.199 <i>12th Congress Documents, p. 199</i>
Đại hội XIII (25/1–1/2/2021) <i>13th Congress (25 Jan–1 Feb 2021)</i>	Đặt kiên định và vận dụng, phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh lên đầu các yêu cầu kiên định <i>Puts steadfastness in, and creative application and development of, Marxism–Leninism and Hồ Chí Minh Thought first among its steadfastness requirements</i>	Nghị quyết Đại hội XIII (baochinhphu.vn) <i>13th Congress Resolution (baochinhphu.vn)</i>

- Nội dung “lấy chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động” còn được ghi trong Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (Đại hội VII thông qua năm 1991, bổ sung,

phát triển năm 2011) và trong Hiến pháp năm 1992, năm 2013.

The statement that Marxism–Leninism and Hồ Chí Minh Thought are the ideological foundation and guide for action is also written into the Platform for national construction in the transition to socialism (passed in 1991 by the 7th Congress; amended and expanded in 2011) as well as in the Constitutions of 1992 and 2013.

- Vì sao mốc là Đại hội VII: đến năm 1991, Hồ Chí Minh đã mất 22 năm, đổi mới đã đi được 5 năm; thực tiễn cho thấy tư tưởng của Người, cùng với chủ nghĩa Mác – Lênin, là yếu tố chỉ đạo đưa cách mạng tới thắng lợi.

Why the 7th Congress: by 1991 Hồ Chí Minh had been dead for 22 years and Đổi Mới had run for 5; practice showed that his thought, together with Marxism–Leninism, guided the revolution to its victories.

PHẢI THUỘC / MEMORISE — Đại hội VII (1991): “Đảng lấy chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động” (Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1991, tr.127).

7th Congress (1991): “The Party takes Marxism–Leninism and Hồ Chí Minh Thought as its ideological foundation and guide for action” (Documents of the 7th National Congress, Sự thật Publishing House, Hanoi, 1991, p. 127).

PHẢI THUỘC / MEMORISE — Đại hội II (2-1951): “Toàn Đảng hãy ra sức học tập đường lối chính trị, tác phong và đạo đức cách mạng của Hồ Chủ tịch” (Văn kiện Đảng Toàn tập, t.12, tr.9).

2nd Congress (Feb 1951): “Let the whole Party strive to study President Hồ’s political line, style and revolutionary morality” (Party Documents, Complete Collection, vol. 12, p. 9).

So sánh ba lần Đảng nêu nội hàm: VII – IX – XI — Comparing three formulations: 7th – 9th – 11th

Tiêu chí <i>Criterion</i>	Đại hội VII (1991) <i>7th (1991)</i>	Đại hội IX (2001) <i>9th (2001)</i>	Đại hội XI (2011) <i>11th (2011)</i>
Tư tưởng Hồ Chí Minh là <i>It is</i>	Kết quả sự vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác – Lênin <i>The result of creatively applying Marxism–Leninism</i>	Hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc <i>A comprehensive and profound system of views</i>	Hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc <i>A comprehensive and profound system of views</i>
Đối với chủ nghĩa Mác – Lênin <i>Relation to Marxism–Leninism</i>	Vận dụng sáng tạo <i>Creative application</i>	Vận dụng và phát triển sáng tạo <i>Creative application and development</i>	Vận dụng và phát triển sáng tạo <i>Creative application and development</i>
Nguồn trong nước, quốc tế <i>Domestic and world sources</i>	Chưa nêu <i>Not stated</i>	Truyền thống dân tộc; tinh hoa văn hóa nhân loại <i>National tradition; world culture</i>	Truyền thống dân tộc; tinh hoa văn hóa nhân loại <i>National tradition; world culture</i>
Về giá trị <i>Value clause</i>	Tài sản tinh thần quý báu của Đảng và dân tộc <i>A precious spiritual asset of the Party and nation</i>	Chưa có trong câu định nghĩa <i>Not in the definition</i>	Tài sản tinh thần vô cùng to lớn và quý giá... mãi mãi soi đường <i>An immense and precious spiritual asset... forever lighting the way</i>

Mẹo nhớ “7 – 9 – 11 = Nền – Nghĩa – Nét cuối”: Đại hội VII đặt **nền** tảng tư tưởng; Đại hội IX đưa **nghĩa** (định nghĩa) đầy đủ; Đại hội XI thêm **nét cuối** là về giá trị.

Memory aid “7 – 9 – 11 = Foundation – Definition – Finish”: the 7th Congress lays the foundation; the 9th gives the full definition; the 11th adds the finishing value clause.

LỖI HAY GẶP / COMMON MISTAKE — Ghi “Đại hội VI (1986) lần đầu khẳng định tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng”. Đại hội VI chỉ nói kế thừa di sản tư tưởng và lý luận của Người; mốc “nền tảng tư tưởng” là Đại hội VII (1991).

Writing “the 6th Congress (1986) first declared Hồ Chí Minh Thought the ideological foundation”. The 6th only spoke of inheriting his legacy; the “ideological foundation” milestone is the 7th (1991).

LỖI HAY GẶP / COMMON MISTAKE — Gán định nghĩa đầy đủ cho Đại hội XII (2016) hoặc ghi Đại hội XI là năm 2016. Đại hội XI họp năm 2011; Đại hội XII năm 2016 nhấn mạnh yêu cầu kiên định, không đưa định nghĩa mới.

Attributing the full definition to the 12th Congress (2016), or dating the 11th to 2016. The 11th met in 2011; the 12th, in 2016, stressed steadfastness and gave no new definition.

Sự ghi nhận của quốc tế: UNESCO — *International recognition: UNESCO*

Khóa họp lần thứ 24 Đại Hội đồng UNESCO tại Pari (20-10 đến 20-11-1987) thông qua Nghị quyết số 24C/18.6.5 về kỷ niệm 100 năm Ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh. Nghị quyết dựa trên Quyết định số 18C/4.351 (Khóa 18) về kỷ niệm ngày sinh danh nhân, và ghi nhận năm 1990 là kỷ niệm 100 năm Ngày sinh của “anh hùng giải phóng dân tộc và nhà văn hoá kiệt xuất của Việt Nam”.

The 24th session of the UNESCO General Conference in Paris (20 October – 20 November 1987) adopted Resolution 24C/18.6.5 on the centenary of President Hồ Chí Minh’s birth. It built on Decision 18C/4.351 (18th session) on commemorating eminent figures, and recognised 1990 as the centenary of the birth of the “hero of national liberation and outstanding man of culture of Vietnam”.

LỖI HAY GẶP / COMMON MISTAKE — Ghi UNESCO ra nghị quyết năm 1990. Nghị quyết thông qua năm 1987; 1990 là năm diễn ra kỷ niệm. Cũng không ghi “Khóa 18”: Khóa 18 là nơi thông qua quyết định chung về kỷ niệm danh nhân.

Dating the UNESCO resolution to 1990. It was adopted in 1987; 1990 is the anniversary year. Nor is it “the 18th session”: that session adopted the general decision on commemorating eminent figures.

1.2. Đối tượng nghiên cứu và quan hệ với các môn học khác — *Subject matter and relation to other courses*

Vị trí và đối tượng của môn học — *Place and subject matter of the course*

Xét vị trí khoa học, môn học này là một bộ phận của chuyên ngành Hồ Chí Minh học; chuyên ngành đó nằm trong ngành Khoa học chính trị. Đối tượng nghiên cứu có hai lớp: hệ thống quan điểm của Người, và quá trình hệ thống ấy đi vào đời sống.

Hồ Chí Minh Thought is a component of Hồ Chí Minh Studies, within Political Science. Its subject matter has two layers: his system of views, and the process by which that system enters real life.

Lớp đối tượng <i>Layer</i>	Gồm những gì <i>What it covers</i>	Tìm ở đâu <i>Where to find it</i>
Thứ nhất: hệ thống quan điểm <i>First: the system of views</i>	Toàn bộ quan điểm của Hồ Chí Minh về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam, rút ra từ hoạt động ở trong nước và trên thế giới <i>All his views on the basic issues of the Vietnamese revolution, drawn from his work at home and abroad</i>	Bài nói, bài viết; hoạt động cách mạng; cuộc sống hằng ngày của Người <i>Speeches and writings; revolutionary activity; his daily life</i>
Thứ hai: quá trình vận động trong thực tiễn <i>Second: the process in practice</i>	Quá trình “hiện thực hóa” hệ thống quan điểm trong sự phát triển của dân tộc; vận dụng sáng tạo, phát triển trong điều kiện mới <i>How the system is “put into practice” in the nation’s development; creative application and development in new conditions</i>	Văn kiện, đường lối của Đảng; thành tựu và bài học của cách mạng, kể cả sau năm 1969 <i>Party documents and lines; achievements and lessons of the revolution, including after 1969</i>

- Mục đích xuyên suốt của hệ thống quan điểm là giải phóng ở tầm dân tộc và tầm thế giới, theo bốn nấc: dân tộc, xã hội, giai cấp và sau cùng là con người.
The aim running through the system is liberation at national and world level, in four steps: liberation of the nation, of society, of classes, and of human beings.

PHẢI THUỘC / MEMORISE — Đối tượng nghiên cứu môn Tư tưởng Hồ Chí Minh: (1) toàn bộ quan điểm của Hồ Chí Minh thể hiện trong di sản của Người (bài nói, bài viết, hoạt động cách mạng, cuộc sống hằng ngày); (2) quá trình hệ thống quan điểm ấy vận động, được hiện thực hóa trong thực tiễn cách mạng Việt Nam.

Subject matter of Hồ Chí Minh Thought: (1) all of Hồ Chí Minh’s views as expressed in his legacy (speeches, writings, revolutionary activity, daily life); (2) the process by which that system of views moves and is realised in the practice of the Vietnamese revolution.

LỖI HAY GẶP / COMMON MISTAKE — Cho rằng đối tượng chỉ là các tác phẩm in trong Toàn tập. Giáo trình tính cả hoạt động cách mạng, cuộc sống hằng ngày của Người và quá trình hiện thực hóa sau này.

Assuming the subject matter is only the works printed in the Complete Works. The textbook also counts his revolutionary activity, daily life and later realisation of his views.

VÍ DỤ / EXAMPLE — Sinh viên chọn đề tiểu luận “Tư tưởng Hồ Chí Minh về tiết kiệm và việc chống lãng phí ở trường đại học”. Bài đủ đối tượng nếu có ba phần: quan điểm của Người trong bài viết; cách Người thực hành tiết kiệm trong sinh hoạt; cách nhà trường hôm nay vận dụng (tắt điện phòng trống, dùng tài liệu số thay bản in). Bài chỉ tóm tắt bài viết là thiếu lớp đối tượng thứ hai.

A student picks the essay topic “Hồ Chí Minh’s thought on thrift and fighting waste at university”. The paper covers the subject matter if it has three parts: his views in writing; how he practised thrift in daily life; how the university applies it today (switching off lights in empty rooms, digital instead of printed materials). A paper that only summarises his writings misses the second layer.

Quan hệ với các môn Mác – Lênin và Lịch sử Đảng — *Relation to the Marxist–Leninist courses and Party History*

Năm môn lý luận chính trị bậc đại học gắn với nhau theo một trục: các môn Mác – Lênin cho thế giới quan, phương pháp luận và lý luận chung; môn Tư tưởng Hồ Chí Minh cho phần vận dụng, phát triển vào Việt Nam; môn Lịch sử Đảng cho thấy Đảng đưa tư tưởng ấy vào đường lối, phong trào như thế nào.

The five political-theory courses at university form one axis: the Marxist–Leninist courses supply the world view, methodology and general theory; Hồ Chí Minh Thought covers its application and development in Vietnam; Party History shows how the Party turned that thought into lines and movements.

Môn học <i>Course</i>	Nghiên cứu chủ yếu <i>Main focus</i>	Quan hệ với môn Tư tưởng Hồ Chí Minh <i>Relation to Hồ Chí Minh Thought</i>
Triết học Mác – Lênin <i>Marxist–Leninist Philosophy</i>	Quy luật chung nhất của tự nhiên, xã hội, tư duy <i>The most general laws of nature, society, thought</i>	Cho cơ sở thế giới quan và phương pháp luận (duy vật biện chứng, duy vật lịch sử) để nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh <i>Provides the world view and methodology (dialectical and historical materialism) for studying his thought</i>
Kinh tế chính trị Mác – Lênin <i>Marxist–Leninist Political Economy</i>	Quan hệ sản xuất, quy luật kinh tế <i>Relations of production, economic laws</i>	Cơ sở để hiểu quan điểm của Người về kinh tế trong thời kỳ quá độ <i>Basis for his views on the economy in the transition period</i>
Chủ nghĩa xã hội khoa học <i>Scientific Socialism</i>	Quy luật hình thành, phát triển hình thái kinh tế – xã hội cộng sản chủ nghĩa <i>Laws of the rise and growth of the communist socio-economic formation</i>	Lý luận chung về chủ nghĩa xã hội, sứ mệnh giai cấp công nhân; Hồ Chí Minh vận dụng vào con đường độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội <i>General theory of socialism and the working class’s mission; Hồ Chí Minh applied it as independence tied to socialism</i>
Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam <i>History of the Communist Party of Vietnam</i>	Sự ra đời, đường lối, quá trình lãnh đạo của Đảng <i>The Party’s founding, lines and leadership</i>	Tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng của Đảng; Lịch sử Đảng cho thấy lớp đối tượng thứ hai (hiện thực hóa) diễn ra ra sao <i>His thought is the Party’s ideological foundation; Party History shows how the second layer (realisation) unfolded</i>

Câu hỏi phân biệt <i>Distinguishing question</i>	Môn Tư tưởng Hồ Chí Minh <i>Hồ Chí Minh Thought</i>	Môn Lịch sử Đảng <i>Party History</i>
Hỏi về cái gì? <i>Asks about what?</i>	Quan điểm, lý luận: Người nghĩ gì, vì sao, giá trị ra sao <i>Views and theory: what he thought, why, and their value</i>	Sự kiện, đường lối, quá trình: Đảng làm gì, khi nào, kết quả ra sao <i>Events, lines, process: what the Party did, when, with what result</i>
Đơn vị phân tích <i>Unit of analysis</i>	Luận điểm <i>Thesis</i>	Giai đoạn lịch sử, hội nghị, đại hội <i>Historical period, conference, congress</i>
Ví dụ cùng chủ đề “đại đoàn kết” <i>Same topic “great national unity”</i>	Vì sao đại đoàn kết là vấn đề chiến lược; lực lượng, nguyên tắc <i>Why unity is strategic; its forces and principles</i>	Mặt trận Việt Minh (1941) ra đời và hoạt động thế nào <i>How the Việt Minh Front (1941) was formed and worked</i>

LỖI HAY GẶP / COMMON MISTAKE — Trả lời câu hỏi về luận điểm của Hồ Chí Minh bằng cách kể diễn biến lịch sử. Đề Tư tưởng Hồ Chí Minh chấm ở luận điểm, lý do và giá trị; sự kiện chỉ dùng làm dẫn chứng.

Answering a question on Hồ Chí Minh’s theses by narrating historical events. Hồ Chí Minh Thought exams grade theses, reasons and value; events serve only as evidence.

1.3. Phương pháp nghiên cứu — *Research methods*

Phương pháp nghiên cứu môn học gồm hai tầng: phương pháp luận (năm nguyên tắc chỉ đạo cách nhìn) và các phương pháp cụ thể (cách làm khi đọc, phân tích tư liệu). Đề thi hay hỏi lần hai tầng này.

The research methods operate on two levels: methodology (five principles that shape one’s outlook) and specific methods (how one reads and analyses material). Exams often mix the two levels.

Phương pháp luận: cơ sở và năm nguyên tắc — *Methodology: basis and five principles*

Phương pháp luận Hồ Chí Minh lấy chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử làm cơ sở, hình thành qua quá trình hoạt động cách mạng của Người. Nó chỉ đạo cách nghĩ, cách làm trong từng hoàn cảnh cụ thể, nhằm giải phóng dân tộc, xã hội, giai cấp và cuối cùng là con người.

Hồ Chí Minh’s methodology rests on dialectical and historical materialism and took shape through his revolutionary work. It guides thinking and action in each concrete situation, aiming to free the nation, society, classes and, finally, human beings.

Nguyên tắc <i>Principle</i>	Yêu cầu chính <i>Main requirement</i>	Vi phạm thì <i>If violated</i>
a. Thống nhất tính đảng và tính khoa học <i>a. Unity of Party spirit and scientific spirit</i>	Đứng trên lập trường giai cấp công nhân, quan điểm Mác – Lênin, quán triệt cương lĩnh, đường lối của Đảng; đồng thời bảo đảm khách quan, khoa học <i>Stand on the working-class position and Marxist–Leninist views, grasp the Party’s platform and line; at the same time stay objective and scientific</i>	Chỉ có tính đảng: minh họa, tô vẽ. Chỉ có “khoa học” tách lập trường: dễ xuyên tạc <i>Party spirit alone: illustration and embellishment. “Science” without a stance: easily distorted</i>
b. Thống nhất lý luận và thực tiễn <i>b. Unity of theory and practice</i>	Lý luận tổng kết từ thực tế, rồi được thực tế kiểm nghiệm; không tuyệt đối hóa mặt nào <i>Theory sums up practice and is tested by it; neither side absolutised</i>	Bệnh khinh lý luận hoặc bệnh lý luận suông <i>Scorn for theory, or empty theorising</i>
c. Quan điểm lịch sử – cụ thể <i>c. Historical-concrete view</i>	Xét quan điểm trong mỗi liên hệ lịch sử: ra đời thế nào, qua giai đoạn nào, nay ra sao (theo V.I. Lênin) <i>Place a view in its historical context: how it arose, through which stages, what it is now (following Lenin)</i>	Áp máy móc câu nói của thời chiến cho hoàn cảnh hôm nay, hoặc ngược lại <i>Mechanically applying wartime statements to today, or the reverse</i>
d. Quan điểm toàn diện và hệ thống <i>d. Comprehensive and systemic view</i>	Thấy mối liên hệ giữa các bộ phận quanh hạt nhân: độc lập, tự do, dân chủ và chủ nghĩa xã hội; biết chọn trọng điểm <i>See links between parts around the core: independence, freedom, democracy and socialism; know where to focus</i>	Tách một yếu tố khỏi hệ thống là hiểu sai tư tưởng Hồ Chí Minh <i>Detaching one element from the system misreads his thought</i>
e. Quan điểm kế thừa và phát triển <i>e. Inheritance and development</i>	Kế thừa, vận dụng và phát triển sáng tạo trong điều kiện lịch sử mới, trong nước và quốc tế <i>Inherit, apply and creatively develop in new historical conditions at home and abroad</i>	Giáo điều, lặp lại; hoặc “phát triển” tới mức đi ngược tư tưởng gốc <i>Dogmatism and repetition; or “developing” to the point of contradicting the original</i>

PHẢI THUỘC / MEMORISE — Năm nguyên tắc phương pháp luận — mẹo nhớ “**Đảng – Lý – Sử – Toàn – Kế**”: tính **đảng** và tính khoa học; **lý** luận và thực tiễn; **lịch sử** – cụ thể; **toàn** diện và hệ thống; **kế** thừa và phát triển.
*Five methodological principles — memory aid “**Party – Theory – History – Whole – Heritage**”: **Party** spirit and scientific spirit; **theory** and practice; **historical-concrete**; comprehensive (**whole**) and systemic; inheritance (**heritage**) and development.*

a. Tính đảng và tính khoa học: thước đo của người cách mạng — a. Party spirit and scientific spirit: the yardstick of a revolutionary

- Thống nhất hai tính là nguyên tắc cơ bản; chỉ trên cơ sở ấy người nghiên cứu mới hiểu sâu tư tưởng Hồ Chí Minh.

Unity of the two is a basic principle; only on that basis can a researcher understand his thought in depth.

- Mục tiêu cuối cùng là con người được giải phóng toàn diện; các cuộc giải phóng khác là mục tiêu từng chặng. Mục tiêu “xã hội cộng sản” đã được ghi trong Cương lĩnh chính trị đầu tiên đầu năm 1930.

The final goal is the all-round liberation of human beings; the other liberations are stage goals. The goal of a “communist society” was written into the first Political Platform in early 1930.

PHẢI THUỘC / MEMORISE — Thước đo duy nhất để biết người cách mạng, tổ chức cách mạng nghĩ đúng, làm đúng hay không: việc ấy có mang lại **quyền lợi chính đáng cho nhân dân** hay không.

*The only yardstick of the effectiveness of a revolutionary's or a revolutionary organisation's thinking and action: whether it brings **legitimate benefits to the people**.*

b. Lý luận và thực tiễn: những câu phải thuộc — b. Theory and practice: quotations to memorise

Đây là nguyên tắc có nhiều câu trích nhất trong chương. Tất cả nằm ở Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tập 5, trang 273 – 275.

This principle carries the most quotations in the chapter. All are in Hồ Chí Minh: Complete Works, National Political Publishing House, Hanoi, 2011, volume 5, pages 273 – 275.

PHẢI THUỘC / MEMORISE — “Lý luận như cái kim chỉ nam, nó chỉ phương hướng cho chúng ta trong công việc thực tế. Không có lý luận thì lúng túng như nhắm mắt mà đi” (Hồ Chí Minh: Toàn tập, t.5, tr.273-274).

“Theory is like a compass; it shows us the direction in practical work. Without theory one fumbles like walking with one's eyes shut” (Hồ Chí Minh, Complete Works, vol. 5, pp. 273-274).

PHẢI THUỘC / MEMORISE — “Lý luận phải đem ra thực hành. Thực hành phải nhằm theo lý luận” (Hồ Chí Minh: Toàn tập, t.5, tr.274-275).

“Theory must be put into practice. Practice must follow theory” (Hồ Chí Minh, Complete Works, vol. 5, pp. 274-275).

Hình ảnh Hồ Chí Minh dùng <i>Image he used</i>	Chỉ điều gì <i>What it describes</i>	Nguồn <i>Source</i>	Biểu hiện ở sinh viên hôm nay <i>Today's student version</i>
“nhắm mắt mà đi” <i>“walking with eyes shut”</i>	Không có lý luận thì lúng túng <i>Without theory one fumbles</i>	t.5, tr.273-274 <i>vol. 5, pp. 273-274</i>	Làm đồ án theo mẫu khóa trước, không hiểu vì sao chọn phương án <i>Copying last year's project template without knowing why</i>
“bệnh khinh lý luận” <i>“the illness of scorning theory”</i>	Coi thường học lý luận <i>Belittling theory</i>	t.5, tr.274 <i>vol. 5, p. 274</i>	“Đi làm rồi học sau, lý thuyết vô dụng” <i>“Learn on the job; theory is useless”</i>
“một mắt sáng, một mắt mờ” <i>“one eye open, one eye blurred”</i>	Có kinh nghiệm mà không có lý luận <i>Experience without theory</i>	t.5, tr.274 <i>vol. 5, p. 274</i>	Giỏi làm thêm, bán hàng nhưng không giải thích được vì sao lúc lãi lúc lỗ <i>Good at a side job but unable to explain profits and losses</i>
“lý luận suông” <i>“empty theorising”</i>	Có lý luận nhưng không áp dụng vào thực tế <i>Theory not applied to reality</i>	t.5, tr.275 <i>vol. 5, p. 275</i>	Điểm thi cao, thực tập không làm được việc <i>High exam marks, unable to work during an internship</i>
“một cái hòm đựng sách” <i>“a box for storing books”</i>	Đọc hàng vạn quyển mà không thực hành <i>Reading thousands of books without practice</i>	t.5, tr.274-275 <i>vol. 5, pp. 274-275</i>	Lưu hàng trăm khóa học, tài liệu trên máy nhưng không làm bài tập nào <i>Hoarding hundreds of courses and files without doing any exercise</i>
Cái tên và cái đích <i>The arrow and the target</i>	Lý luận là tên (viên đạn), thực hành là đích; có tên mà không bắn thì như không có tên <i>Theory is the arrow (bullet), practice the target; an arrow never shot is as good as none</i>	t.5, tr.274-275 <i>vol. 5, pp. 274-275</i>	Học kỹ năng xong không dùng vào dự án thật <i>Learning a skill and never using it on a real project</i>

- Ở Hồ Chí Minh, lý luận đã chứa thực tiễn và thực tiễn đã chứa lý luận. Tách riêng hai mặt chỉ là thao tác tạm thời khi nghiên cứu; bản chất là thống nhất biện chứng.
In Hồ Chí Minh, theory already contains practice and practice already contains theory. Separating them is only a temporary research step; in substance they form a dialectical unity.

LỖI HAY GẶP / COMMON MISTAKE — Nhầm hai hình ảnh: “một mắt sáng, một mắt mờ” chỉ người có kinh nghiệm mà thiếu lý luận; “cái hòm đựng sách” chỉ người đọc nhiều lý luận mà không thực hành. Hai bệnh ngược chiều nhau.

Swapping two images: “one eye open, one eye blurred” describes experience without theory; “a box for storing books” describes much theory without practice. They are opposite illnesses.

c – d – e. Lịch sử – cụ thể; toàn diện – hệ thống; kế thừa – phát triển — c – d – e.
Historical-concrete; comprehensive-systemic; inheritance-development

- **Lịch sử – cụ thể:** vận dụng chủ nghĩa duy vật lịch sử. Nắm nguyên tắc này thì thấy tư tưởng Hồ Chí Minh mang dấu ấn của quá trình lịch sử, của phát triển sáng tạo và đổi mới.

Historical-concrete: applying historical materialism. With this principle one sees that his thought bears the mark of historical development, creative growth and renewal.

- **Toàn diện – hệ thống:** Hồ Chí Minh xét cái chung và cái riêng trong một tổng thể đang vận động; đặt cách mạng Việt Nam trong quan hệ với cách mạng thế giới; vừa bao quát vừa chỉ ra trọng điểm của từng giai đoạn.

Comprehensive-systemic: Hồ Chí Minh viewed the general and the particular within a moving whole; placed the Vietnamese revolution in relation to the world revolution; took in the whole while picking out the focus of each stage.

- **Ứng dụng của nguyên tắc toàn diện:** giải quyết quan hệ dân tộc – giai cấp qua từng thời kỳ; tìm điểm tương đồng giữa các giai cấp, tầng lớp, nhân điểm tương đồng, hạn chế điểm khác biệt để tạo lực lượng tổng hợp.

Use of the comprehensive principle: handling the nation–class relation in each period; finding common ground among classes and strata, enlarging it and limiting differences to build a combined force.

- **Kế thừa – phát triển:** sự vật luôn vận động; con người phải thích nghi bằng tự đổi mới, khẳng định cái mới, phủ định cái cũ, vượt qua trở lực bên ngoài, bên trong và trong chính mình.

Inheritance-development: things are always in motion; people adapt by renewing themselves, affirming the new, negating the old and overcoming obstacles outside, inside and within themselves.

VÍ DỤ / EXAMPLE — Một nhóm sinh viên viết bài “Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đoàn kết vào làm việc nhóm”. Áp dụng ba nguyên tắc: lịch sử – cụ thể (quan điểm đoàn kết ra đời trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, nay đặt vào môi trường học tập); toàn diện (đoàn kết gắn với mục tiêu chung, với phê bình và tự phê bình, không tách riêng); kế thừa – phát triển (bổ sung công cụ số như bảng phân việc trực tuyến, nhưng giữ nguyên tắc tìm điểm chung, tôn trọng khác biệt).

A student group writes “Applying Hồ Chí Minh’s thought on unity to teamwork”. All three principles apply: historical-concrete (his view of unity arose in the national liberation struggle, now placed in a study setting); comprehensive (unity tied to a shared goal and to criticism and self-criticism, not isolated); inheritance-development (adding digital tools such as an online task board while keeping the rule of finding common ground and respecting differences).

Các phương pháp cụ thể — Specific methods

Giáo trình dùng định nghĩa “phương pháp” của nhóm tác giả do Giáo sư Đặng Xuân Kỳ chủ biên (Phương pháp và phong cách Hồ Chí Minh, 1997): phương pháp là hệ thống

nguyên tắc rút ra từ quy luật của đối tượng đã được nhận thức, dùng để định hướng, điều chỉnh hoạt động nhận thức và thực tiễn nhằm đạt mục đích.

The textbook adopts the definition of “method” by the authors led by Professor Đặng Xuân Kỳ (Hồ Chí Minh’s Method and Style, 1997): a method is a system of principles drawn from the known laws of an object, used to orient and adjust cognitive and practical activity toward a set goal.

Phương pháp <i>Method</i>	Cách làm <i>How it works</i>	Ví dụ khi ôn môn này <i>Example when revising</i>
Lôgic kết hợp lịch sử <i>Logical combined with historical</i>	Lôgic: khái quát bản chất, mối liên hệ tất yếu thành lý luận. Lịch sử: theo trình tự thời gian từ phát sinh tới hệ quả; nghiên cứu lịch sử tư tưởng là cách sát nhất <i>Logical: abstracts the essence and necessary links into theory. Historical: follows time order from origin to outcome; the history of ideas suits best</i>	Lập bảng các mốc Đại hội (lịch sử) rồi rút ra xu hướng nhận thức của Đảng (lôgic) <i>Tabulate the Congress milestones (historical), then draw out the trend in the Party’s understanding (logical)</i>
Phân tích văn bản kết hợp nghiên cứu hoạt động thực tiễn <i>Text analysis plus study of practice</i>	Dựa trước hết vào tác phẩm (Toàn tập 15 tập, 2011); bổ sung bằng hoạt động chỉ đạo, đời sống hằng ngày của Người và hoạt động của học trò, đồng chí <i>Rely first on his works (15-volume Complete Works, 2011); add his leadership practice, daily life and the work of his comrades and students</i>	Đọc một bài viết về tiết kiệm rồi đối chiếu với lối sống giản dị của Người <i>Read a piece on thrift, then compare it with his simple way of life</i>
Chuyên ngành, liên ngành <i>Disciplinary and interdisciplinary</i>	Người thể hiện tư tưởng qua chính trị, triết học, kinh tế, quân sự, văn hóa... nên cần công cụ nhiều ngành <i>His thought spans politics, philosophy, economics, military affairs, culture... so tools from many fields are needed</i>	Dùng kiến thức kinh tế học để phân tích quan điểm của Người về thực hành tiết kiệm trong sản xuất <i>Use economics to analyse his views on thrift in production</i>
Phương pháp khác <i>Other methods</i>	Phân tích, tổng hợp, so sánh, điều tra xã hội học...; chọn theo yêu cầu của nội dung nghiên cứu <i>Analysis, synthesis, comparison, sociological surveys...; chosen to fit the content</i>	Khảo sát 100 sinh viên về thói quen tiết kiệm để viết tiểu luận <i>Survey 100 students on saving habits for an essay</i>

LỖI HAY GẶP / COMMON MISTAKE — Liệt kê “phương pháp lôgic – lịch sử” vào danh sách năm nguyên tắc phương pháp luận, hoặc ghi “quan điểm toàn diện” là phương pháp cụ thể. Năm nguyên tắc là tầng phương pháp luận; lôgic – lịch sử, phân tích văn bản, liên ngành là tầng phương pháp cụ thể.

Putting “logical – historical method” in the list of five methodological principles, or calling the “comprehensive view” a specific method. The five principles are methodology; logical-historical, text analysis and interdisciplinary work are specific methods.

1.4. Ý nghĩa của việc học tập môn Tư tưởng Hồ Chí Minh — *Significance of studying Hồ Chí Minh Thought*

Ý nghĩa <i>Significance</i>	Nội dung chính <i>Main content</i>	Từ khóa <i>Keyword</i>
1. Nâng cao năng lực tư duy lý luận <i>1. Raising capacity for theoretical thinking</i>	Trang bị tri thức về hệ thống quan điểm; củng cố lập trường; kiên định độc lập dân tộc gắn liền chủ nghĩa xã hội; đấu tranh với quan điểm sai trái; vận dụng giải quyết vấn đề cuộc sống <i>Knowledge of the system of views; a firm stance; steadfastness in independence tied to socialism; fighting wrong views; applying it to life's problems</i>	TƯ DUY THINKING
2. Giáo dục, thực hành đạo đức cách mạng, củng cố niềm tin, bồi dưỡng lòng yêu nước <i>2. Educating and practising revolutionary morality, strengthening belief, nurturing patriotism</i>	Học tấm gương suốt đời phục vụ Tổ quốc, nhân dân; chống chủ nghĩa cá nhân, “giặc nội xâm”; nâng bản lĩnh chính trị, trách nhiệm công dân <i>Learn from a life spent serving the country and the people; fight individualism and the “internal enemy”; build political resolve and civic responsibility</i>	ĐẠO ĐỨC – NIỀM TIN MORALITY – BELIEF
3. Xây dựng, rèn luyện phương pháp và phong cách công tác <i>3. Building working methods and style</i>	Phương pháp học tập, tu dưỡng; phong cách tư duy, diễn đạt, làm việc, ứng xử, sinh hoạt; phương châm “Dĩ bất biến ứng vạn biến” <i>Methods of study and self-improvement; style of thinking, expression, work, conduct and living; the motto “use the unchanging to respond to endless change”</i>	PHONG CÁCH STYLE

Năng lực tư duy lý luận và mục tiêu trong Di chúc — *Theoretical thinking and the goal in the Testament*

Năng lực tư duy lý luận hình thành từ nhiều nguồn, qua nhiều giai đoạn đời người; thời gian học đại học là giai đoạn quan trọng vì gắn với tuổi trẻ. Tri thức và kỹ năng của môn học giúp sinh viên trở thành công dân có ích, góp vào mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

The capacity for theoretical thinking comes from many sources over many stages of life; university is a key stage because it coincides with youth. The course's knowledge and skills help students become useful citizens, contributing to the goal of a prosperous people, a strong country, democracy, justice and civilisation.

PHẢI THUỘC / MEMORISE — Di chúc: “Toàn Đảng, toàn dân ta đoàn kết phấn đấu, xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh, và góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng thế giới” (Hồ Chí Minh: Toàn tập, t.15, tr.614).

Testament: “Let our whole Party and people unite and strive to build a peaceful, unified, independent, democratic and prosperous Vietnam, and make a worthy contribution to the world revolution” (Hồ Chí Minh, Complete Works, vol. 15, p. 614).

Mẹo nhớ năm tính từ trong Di chúc theo thứ tự: “**Hòa – Thống – Độc – Dân – Giàu**” (hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ, giàu mạnh). Đề hay đảo thứ tự hoặc thay “giàu mạnh” bằng “văn minh”.

Memory aid for the five adjectives in the Testament, in order: “Peace – Unity – Independence – Democracy – Prosperity”. Exams often shuffle the order or swap “prosperous” for “civilised”.

LỖI HAY GẶP / COMMON MISTAKE — Trộn câu Di chúc với mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”. Mục tiêu sau là cách diễn đạt của Đảng trong thời kỳ đổi mới, không phải lời trong Di chúc.

Mixing the Testament sentence with the goal “prosperous people, strong country, democracy, justice, civilisation”. The latter is the Party’s wording in the Đổi Mới era, not words from the Testament.

Đạo đức, niềm tin và phong cách — *Morality, belief and style*

- Người học nắm được cuộc đời Hồ Chí Minh ở ba tư cách: người đứng đầu Đảng; người con lớn của dân tộc; chiến sĩ quốc tế vì độc lập, hòa bình, hữu nghị và tiến bộ của các dân tộc.

Learners come to know Hồ Chí Minh’s life and work: leader of the Party, great son of the nation, fighter for independence, peace, friendship, cooperation and progress among nations.

- Đạo đức cách mạng phải được thực hành: đấu tranh với chủ nghĩa cá nhân và “giặc nội xâm”; lập thân, lập nghiệp; làm điều thiện, tránh điều ác; nguyện “Sống, chiến đấu, lao động, học tập theo gương Bác Hồ vĩ đại”.

Practising revolutionary morality: fight individualism and the “internal enemy”; build oneself and one’s career; love good and avoid evil; pledge to “live, fight, work and study following the example of the great Uncle Hồ”.

- Phong cách: tư duy, diễn đạt, làm việc, ứng xử, sinh hoạt phù hợp từng lúc, từng nơi theo phương châm “Dĩ bất biến ứng vạn biến”: giữ vững cái gốc không đổi, linh hoạt trước cái thay đổi.

Style: ways of thinking, expressing, working, behaving and living suited to each time and place, under the motto “use the unchanging to respond to endless change”: keep the root fixed, stay flexible toward what changes.

VÍ DỤ / EXAMPLE — Một sinh viên làm cộng tác viên nội dung cho một nhãn hàng. Cái “bất biến”: trung thực với khách hàng, không đăng thông tin sai về sản phẩm. Cái “vạn biến”: định dạng (video ngắn, bài dài), giọng văn, giờ đăng theo từng nền tảng. Khi nhãn hàng yêu cầu viết “cam kết khỏi bệnh” cho thực phẩm chức năng, sinh viên từ chối vì phạm vào cái bất biến.

A student works as a freelance content writer for a brand. The “unchanging”: honesty with customers, no false product claims. The “endless change”: format (short video, long post), tone and posting time for each platform. When the brand asks for a “guaranteed cure” line for a dietary supplement, the student refuses because it breaks the unchanging part.

Lý luận chương 1 → vận dụng hiện nay — Chapter 1 theory → application today

Luận điểm <i>Thesis</i>	Vận dụng hiện nay <i>Application today</i>
Tư tưởng Hồ Chí Minh là phát triển sáng tạo, không sao chép <i>Creative development, not copying</i>	Phản bác bài đăng trên mạng cho rằng tư tưởng Hồ Chí Minh “chỉ là bản sao” hoặc “đối lập” với chủ nghĩa Mác – Lênin <i>Rebut posts claiming his thought is “just a copy” of, or “opposed” to, Marxism–Leninism</i>
Thước đo: quyền lợi chính đáng của nhân dân <i>Yardstick: the people’s legitimate benefits</i>	Đánh giá một chính sách, một dịch vụ công trực tuyến bằng câu hỏi: người dân có được lợi, đỡ phiền hà hay không <i>Judge a policy or an online public service by asking: does it benefit people and spare them hassle?</i>
Thống nhất lý luận – thực tiễn <i>Unity of theory and practice</i>	Học kỹ năng số đi kèm dự án thật; chuyển đổi số trong doanh nghiệp bắt đầu từ bài toán cụ thể, không mua phần mềm theo phong trào <i>Learn digital skills through real projects; a firm’s digital transformation starts from a concrete problem, not from buying software because others do</i>
Quan điểm lịch sử – cụ thể <i>Historical-concrete view</i>	Khi gặp câu trích bị cắt ghép trên mạng xã hội, tìm nguyên văn, năm, hoàn cảnh ra đời trước khi chia sẻ <i>When a quotation is clipped on social media, find the full text, year and context before sharing</i>
Quan điểm toàn diện, hệ thống <i>Comprehensive, systemic view</i>	Không lấy một câu về “đoàn kết” để bênh vực việc bao che sai phạm trong tập thể; đoàn kết gắn với phê bình và mục tiêu chung <i>Do not use a line about “unity” to excuse covering up wrongdoing in a group; unity goes with criticism and a shared goal</i>
Chống chủ nghĩa cá nhân, “giặc nội xâm” <i>Fight individualism, the “internal enemy”</i>	Nói không với gian lận thi cử, mua bán điểm, đạo văn trong tiểu luận <i>Say no to exam cheating, buying grades and plagiarism in essays</i>

Bảng tổng hợp câu trích của chương — Summary of the chapter’s quotations

Câu trích (rút gọn) <i>Quotation (short form)</i>	Của ai, ở đâu <i>Who, where</i>	Dùng khi <i>Use when</i>
“một hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc...” <i>“a comprehensive and profound system of views...”</i>	Đại hội XI, Văn kiện tr.88 <i>11th Congress, Documents p. 88</i>	Câu hỏi khái niệm <i>Concept questions</i>
“lấy chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng...” <i>“takes Marxism–Leninism and Hồ Chí Minh Thought as its ideological foundation...”</i>	Đại hội VII, Văn kiện tr.127 <i>7th Congress, Documents p. 127</i>	Câu hỏi quá trình nhận thức <i>Questions on the Party’s understanding</i>

Câu trích (rút gọn) <i>Quotation (short form)</i>	Của ai, ở đâu <i>Who, where</i>	Dùng khi <i>Use when</i>
“Toàn Đảng hãy ra sức học tập đường lối chính trị, tác phong và đạo đức cách mạng của Hồ Chủ tịch” <i>“Let the whole Party strive to study President Hồ’s political line, style and morality”</i>	Đại hội II (1951), Văn kiện Đảng Toàn tập t.12, tr.9 <i>2nd Congress (1951), Party Documents vol. 12, p. 9</i>	Mốc sớm nhất trong quá trình nhận thức <i>Earliest milestone</i>
“Lý luận như cái kim chỉ nam...” <i>“Theory is like a compass...”</i>	Hồ Chí Minh, Toàn tập t.5, tr.273-274 <i>Hồ Chí Minh, Complete Works vol. 5, pp. 273-274</i>	Nguyên tắc lý luận – thực tiễn <i>Theory–practice principle</i>
“Lý luận phải đem ra thực hành. Thực hành phải nhằm theo lý luận” <i>“Theory must be put into practice. Practice must follow theory”</i>	Hồ Chí Minh, Toàn tập t.5, tr.274-275 <i>Hồ Chí Minh, Complete Works vol. 5, pp. 274-275</i>	Nguyên tắc lý luận – thực tiễn; liên hệ học tập <i>Theory–practice; linking to study</i>
“...xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh...” <i>“...build a peaceful, unified, independent, democratic and prosperous Vietnam...”</i>	Di chúc, Hồ Chí Minh, Toàn tập t.15, tr.614 <i>Testament, Complete Works vol. 15, p. 614</i>	Ý nghĩa học tập; mục tiêu cách mạng <i>Significance of study; revolutionary goal</i>

1.5. Bài tập vận dụng có lời giải — *Applied exercises with solutions*

Bài 1. Clip “học tư tưởng Hồ Chí Minh làm gì” — *Exercise 1. The “why study Hồ Chí Minh Thought” clip*

Một tài khoản TikTok có 300 nghìn người theo dõi đăng clip 45 giây: “Tư tưởng Hồ Chí Minh chỉ là chủ nghĩa Mác – Lênin dịch sang tiếng Việt. Đã học Triết, Kinh tế chính trị, Chủ nghĩa xã hội khoa học rồi thì học thêm môn này chỉ tốn tín chỉ.” Clip có 12 nghìn lượt chia sẻ, nhiều bạn cùng lớp bình luận đồng tình. Dùng khái niệm tư tưởng Hồ Chí Minh của Đại hội XI và kiến thức về đối tượng môn học để phân tích, rồi soạn một bình luận phản hồi ngắn, có căn cứ.

A TikTok account with 300,000 followers posts a 45-second clip: “Hồ Chí Minh Thought is just Marxism–Leninism translated into Vietnamese. If you have already taken Philosophy, Political Economy and Scientific Socialism, this course only wastes credits.” The clip is shared 12,000 times and many classmates agree in the comments. Use the 11th Congress definition of Hồ Chí Minh Thought and what you know about the subject matter of the course to analyse the claim, then draft a short, well-grounded reply.

1. Xác định chỗ sai: clip đồng nhất “vận dụng và phát triển sáng tạo” với “dịch lại”.

Định nghĩa Đại hội XI ghi rõ chủ nghĩa Mác – Lênin được vận dụng và phát triển sáng tạo vào điều kiện cụ thể của Việt Nam, tức có phần mới do thực tiễn một nước thuộc địa nửa phong kiến đặt ra.

Locate the error: the clip equates “creative application and development” with

“translation”. The 11th Congress definition states that Marxism–Leninism was applied and creatively developed in Vietnam’s specific conditions, so there is new content arising from the practice of a colonial, semi-feudal country.

2. Chỉ ra hai nguồn mà clip bỏ sót: giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc và tinh hoa văn hóa nhân loại. Chủ nghĩa Mác – Lênin là nguồn quyết định nhưng không phải nguồn duy nhất.

Point to the two sources the clip ignores: the nation’s fine traditional values and the quintessence of human culture. Marxism–Leninism is the decisive source but not the only one.

3. Phân biệt đối tượng: các môn Mác – Lênin nghiên cứu quy luật chung của tự nhiên, xã hội, tư duy và của cách mạng xã hội chủ nghĩa; môn Tư tưởng Hồ Chí Minh nghiên cứu hệ thống quan điểm về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam và quá trình hiện thực hóa chúng. Hai đối tượng có giao nhau nhưng không trùng.

Separate the subject matters: the Marxist–Leninist courses study general laws of nature, society, thought and socialist revolution; Hồ Chí Minh Thought studies a system of views on the basic issues of the Vietnamese revolution and how those views are put into practice. The two overlap but do not coincide.

4. Nêu căn cứ chính trị – pháp lý: từ Đại hội VII (1991), Đảng lấy cả chủ nghĩa Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động; nội dung này có trong Cương lĩnh 1991 (bổ sung, phát triển năm 2011) và Hiến pháp 1992, 2013. Nếu hai thứ là một thì không cần nêu song song.

Give the political and legal basis: since the 7th Congress (1991) the Party has taken both Marxism–Leninism and Hồ Chí Minh Thought as its ideological foundation and guide for action; this is written into the 1991 Platform (supplemented and developed in 2011) and the 1992 and 2013 Constitutions. If the two were the same, there would be no need to name them side by side.

5. Soạn bình luận: ngắn, dẫn định nghĩa, không công kích cá nhân. Ví dụ: “Đại hội XI định nghĩa tư tưởng Hồ Chí Minh là kết quả vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác – Lênin vào điều kiện Việt Nam, cộng thêm truyền thống dân tộc và tinh hoa văn hóa nhân loại. Phát triển sáng tạo thì khác với dịch lại.”

Draft the reply: brief, citing the definition, no personal attacks. For example: “The 11th Congress defines Hồ Chí Minh Thought as the result of applying and creatively developing Marxism–Leninism in Vietnam’s conditions, plus national traditions and the best of human culture. Creative development is not translation.”

Bài 2. Nhóm khởi nghiệp “một mắt sáng, một mắt mờ” — Exercise 2. A start-up team with “one eye open, one eye blurred”

Năm sinh viên năm ba mở cửa hàng bán đồ handmade trên sàn thương mại điện tử. Minh thuộc lòng sách marketing, mỗi buổi họp trình bày mô hình 4P, phiếu bán hàng nhưng chưa từng tự chạy một chiến dịch. Khoa bán hàng ngoài chợ đêm ba năm, gặt mọi số liệu: “Cứ làm như anh từng làm là ra đơn.” Sau ba tháng, chi 8 triệu đồng quảng cáo, cửa hàng có 41 đơn, lỗ. Phân tích bằng nguyên tắc thống nhất lý luận và thực tiễn trong phương pháp luận Hồ Chí Minh và đề xuất cách làm.

Five third-year students open a handmade-goods shop on an e-commerce platform. Minh knows marketing books by heart and presents the 4P model and sales funnels at every meeting, but has never run a campaign. Khoa has sold at a night market for three years and waves away all data: “Do it the way I did and orders will come.” After three months and 8 million dong spent on ads the shop has 41 orders and a loss. Analyse the case using the principle of unity of theory and practice in Hồ Chí Minh’s methodology and propose a way forward.

1. Nhận diện “bệnh” của Minh: có lý luận mà không đem ra thực hành. Hồ Chí Minh gọi đó là “lý luận suông”; đọc nhiều mà không làm thì “khác nào một cái hòm đựng sách” (Hồ Chí Minh: Toàn tập, t.5, tr.274-275).

Diagnose Minh’s “illness”: theory without practice. Hồ Chí Minh called it “empty theorising”; reading a great deal without acting is “no different from a box for storing books” (Hồ Chí Minh, Complete Works, vol. 5, pp. 274-275).

2. Nhận diện “bệnh” của Khoa: có kinh nghiệm mà khinh lý luận. Hồ Chí Minh ví người như vậy “cũng như một mắt sáng, một mắt mờ” (Hồ Chí Minh: Toàn tập, t.5, tr.274). Kinh nghiệm chợ đêm không tự áp được cho môi trường sàn số có thuật toán, đối thủ và chi phí khác.

Diagnose Khoa’s: experience that scorns theory. Hồ Chí Minh likened such a person to someone with “one eye open, one eye blurred” (Hồ Chí Minh, Complete Works, vol. 5, p. 274). Night-market experience does not carry over by itself to a platform with its own algorithms, rivals and costs.

3. Chỉ ra hệ quả: hai bệnh cộng lại thành quyết định theo cảm tính, đúng với cảnh báo của Hồ Chí Minh về người kém lý luận: không xem xét rõ, không cân nhắc đúng, “Kết quả thường thất bại” (Hồ Chí Minh: Toàn tập, t.5, tr.274).

Show the consequence: the two illnesses together produce gut-feeling decisions, matching Hồ Chí Minh’s warning about those weak in theory: they fail to examine and weigh things properly, and “the result is usually failure” (Hồ Chí Minh, Complete Works, vol. 5, p. 274).

4. Áp dụng nguyên tắc: lý luận dẫn đường (“Thực hành phải nhằm theo lý luận”), thực tiễn kiểm nghiệm và bổ sung (“Lý luận phải đem ra thực hành”). Cụ thể: dùng mô hình phễu để đặt chỉ số đo, chạy thử ba mẫu quảng cáo nhỏ, đọc số liệu sau 7 ngày, giữ mẫu hiệu quả, bỏ mẫu kém.

Apply the principle: theory guides (“practice must follow theory”), practice tests and enriches (“theory must be put into practice”). Concretely: use the funnel model to set metrics, run three small ad variants, read the data after 7 days, keep what works and drop what does not.

5. Phân công lại theo quan điểm toàn diện: Minh phụ trách đo lường và giả thuyết, Khoa phụ trách sản phẩm và chăm sóc khách; họp tuần lấy số liệu làm căn cứ, rút kinh nghiệm thành quy trình viết ra giấy (biến kinh nghiệm thành lý luận của chính nhóm).

Reassign roles with a comprehensive view: Minh handles metrics and hypotheses, Khoa handles product and customer care; weekly meetings rely on data, and lessons are written down as procedures (turning experience into the team’s own theory).

1.6. Câu hỏi tự luận và dàn ý trả lời — Essay questions and answer outlines

Câu 1. Trình bày khái niệm tư tưởng Hồ Chí Minh do Đại hội XI của Đảng (2011) nêu ra. Phân tích các thành tố của khái niệm đó.

Question 1. State the concept of Hồ Chí Minh Thought put forward by the Party's 11th Congress (2011). Analyse its components.

- Chép đúng định nghĩa, ghi nguồn: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, tr.88.
Quote the definition exactly with its source: Documents of the 11th National Congress, p. 88.
- Về bản chất và nội dung: hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam (mục tiêu, con đường, lực lượng lãnh đạo, lực lượng cách mạng, con người, quan hệ quốc tế, phương pháp).
Nature and content: a comprehensive and profound system of views on the basic issues of the Vietnamese revolution (goal, path, leading force, revolutionary forces, people, international relations, method).
- Về nguồn gốc: chủ nghĩa Mác – Lênin (giá trị cơ bản nhất, được vận dụng và phát triển sáng tạo); giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc; tinh hoa văn hóa nhân loại.
Sources: Marxism–Leninism (the most basic value, applied and creatively developed); the nation's fine traditions; the quintessence of human culture.
- Về giá trị: tài sản tinh thần vô cùng to lớn và quý giá của Đảng và dân tộc, mãi mãi soi đường; cùng chủ nghĩa Mác – Lênin làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động.
Value: an immense and precious spiritual asset of the Party and the nation that lights the way forever; together with Marxism–Leninism it forms the ideological foundation and guide for action.
- So sánh với Đại hội VII và IX để thấy định nghĩa XI là bước hoàn chỉnh (thêm về giá trị).
Compare with the 7th and 9th Congresses to show that the 11th Congress wording completes the definition (it adds the value clause).
- Ý nghĩa đối với người học: hiểu đúng để không đồng nhất tư tưởng Hồ Chí Minh với bản sao chủ nghĩa Mác – Lênin, cũng không tách rời hai bộ phận.
Meaning for learners: understand it correctly so as neither to equate Hồ Chí Minh Thought with a copy of Marxism–Leninism nor to separate the two.

Câu 2. Qua các kỳ Đại hội, Đảng Cộng sản Việt Nam đã nhận thức về tư tưởng Hồ Chí Minh như thế nào? Nêu nhận xét của anh/chị về quá trình đó.

Question 2. Describe how the Communist Party of Vietnam's understanding of Hồ Chí Minh Thought evolved across its Congresses. Give your own assessment of that process.

- Từ khi thành lập (1930): Cương lĩnh chính trị đầu tiên thể hiện nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh; giai đoạn sau bị hiểu chưa đúng do ảnh hưởng tả khuynh của Đại hội VI Quốc tế Cộng sản (1928).
From the founding (1930): the first Political Platform carries the basic content of his

thought; later it was misunderstood under the leftist influence of the Comintern's 6th Congress (1928).

- Đại hội II (2-1951): kêu gọi học tập đường lối chính trị, tác phong, đạo đức Hồ Chủ tịch; Điều trần 1969 và Đại hội IV (12-1976) tôn vinh người anh hùng dân tộc vĩ đại; Đại hội V (3-1982) yêu cầu học tập có hệ thống.
2nd Congress (Feb 1951): calls for studying President Hồ's political line, style and morality; the 1969 eulogy and the 4th Congress (Dec 1976) honour the great national hero; the 5th Congress (Mar 1982) requires systematic study.
- Đại hội VI (12-1986) nêu kế thừa di sản tư tưởng, lý luận của Người; Đại hội VII (1991) lần đầu lấy tư tưởng Hồ Chí Minh cùng chủ nghĩa Mác – Lênin làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động.
6th Congress (Dec 1986) speaks of inheriting his theoretical legacy; 7th Congress (1991) for the first time takes his thought, together with Marxism–Leninism, as the ideological foundation and guide for action.
- Đại hội IX (4-2001) nêu định nghĩa tương đối đầy đủ; Đại hội X (4-2006) nhấn mạnh tài sản tinh thần vô giá; Đại hội XI (2011) hoàn chỉnh định nghĩa; Đại hội XII (2016), XIII (2021) yêu cầu kiên định và vận dụng sáng tạo.
9th Congress (Apr 2001) gives a fairly full definition; 10th (Apr 2006) stresses a priceless spiritual asset; 11th (2011) completes the definition; 12th (2016) and 13th (2021) demand steadfastness and creative application.
- Mốc quốc tế: Nghị quyết 24C/18.6.5 của UNESCO (Khóa họp 24, Paris, 20-10 đến 20-11-1987) về kỷ niệm 100 năm Ngày sinh (1990) của Chủ tịch Hồ Chí Minh.
International milestone: UNESCO Resolution 24C/18.6.5 (24th session, Paris, 20 Oct – 20 Nov 1987) on the centenary of President Hồ Chí Minh's birth (1990).
- Nhận xét: nhận thức đi từ tôn vinh cá nhân, đạo đức, tác phong đến khẳng định một hệ thống lý luận; mỗi bước gắn với thực tiễn cách mạng, nhất là thực tiễn Đổi Mới.
Assessment: understanding moved from honouring the person, his morality and style to affirming a theoretical system; each step followed revolutionary practice, especially Đổi Mới.

Câu 3. Trình bày cơ sở phương pháp luận nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh. Phân tích nguyên tắc thống nhất lý luận và thực tiễn và liên hệ việc học tập của sinh viên.

Question 3. Present the methodological basis for studying Hồ Chí Minh Thought. Analyse the principle of unity of theory and practice and relate it to students' learning.

- Cơ sở: chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử; năm nguyên tắc: tính đảng – tính khoa học; lý luận – thực tiễn; lịch sử – cụ thể; toàn diện – hệ thống; kế thừa – phát triển.
Basis: dialectical and historical materialism; five principles: Party spirit and scientific spirit; theory and practice; historical-concrete view; comprehensive and systemic view; inheritance and development.
- Quan niệm của Hồ Chí Minh về lý luận: tổng kết thực tế thành kết luận rồi đem chứng minh lại với thực tế; “Lý luận như cái kim chỉ nam” (Toàn tập, t.5, tr.273-274).

His idea of theory: practice summed up into conclusions, then tested against practice again; “Theory is like a compass” (Complete Works, vol. 5, pp. 273-274).

- Hai bệnh cần tránh: khinh lý luận (“một mắt sáng, một mắt mờ”) và lý luận suông (“cái hòm đựng sách”).

Two illnesses to avoid: scorning theory (“one eye open, one eye blurred”) and empty theorising (“a box for storing books”).

- Quan hệ biện chứng: “Lý luận phải đem ra thực hành. Thực hành phải nhằm theo lý luận” (Toàn tập, t.5, tr.274-275); không tuyệt đối hóa mặt nào.

Dialectical relation: “Theory must be put into practice. Practice must follow theory” (Complete Works, vol. 5, pp. 274-275); neither side is absolutised.

- Liên hệ sinh viên: học đi đôi với hành, thực tập, nghiên cứu khoa học, dự án cộng đồng; dùng lý luận để phân tích hiện tượng trên mạng xã hội thay vì phản ứng cảm tính.

Students: link study with practice through internships, research and community projects; use theory to analyse social-media phenomena instead of reacting on impulse.

1.7. Câu hỏi trắc nghiệm — Multiple-choice questions

1. Khái niệm tư tưởng Hồ Chí Minh có vẻ “là tài sản tinh thần vô cùng to lớn và quý giá của Đảng và dân tộc ta, mãi mãi soi đường...” được nêu tại Đại hội nào?

At which Congress was the concept of Hồ Chí Minh Thought stated with the clause “an immense and precious spiritual asset of our Party and nation, lighting the way forever...”?

- A. Đại hội VII (1991) / 7th Congress (1991)
- B. Đại hội IX (2001) / 9th Congress (2001)
- C. Đại hội X (2006) / 10th Congress (2006)
- D. Đại hội XI (2011) / 11th Congress (2011)

2. Đại hội nào lần đầu khẳng định Đảng lấy chủ nghĩa Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động?

Which Congress first stated that the Party takes Marxism–Leninism and Hồ Chí Minh Thought as its ideological foundation and guide for action?

- A. Đại hội VI (12-1986) / 6th Congress (Dec 1986)
- B. Đại hội VII (1991) / 7th Congress (1991)
- C. Đại hội II (2-1951) / 2nd Congress (Feb 1951)
- D. Đại hội IX (4-2001) / 9th Congress (Apr 2001)

3. Theo giáo trình, giá trị cơ bản nhất trong quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh là:
According to the textbook, the most basic value in the formation and development of Hồ Chí Minh Thought is:
- A. Giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc / *The nation's fine traditional values*
 - B. Tinh hoa văn hóa phương Đông và phương Tây / *The quintessence of Eastern and Western culture*
 - C. Chủ nghĩa Mác – Lênin / *Marxism–Leninism*
 - D. Phẩm chất cá nhân của Hồ Chí Minh / *Hồ Chí Minh's personal qualities*
4. UNESCO ra Nghị quyết 24C/18.6.5 về kỷ niệm 100 năm Ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh tại:
UNESCO adopted Resolution 24C/18.6.5 on the centenary of President Hồ Chí Minh's birth at:
- A. Khóa họp 24 Đại Hội đồng, Pari, 1987 / *The 24th General Conference, Paris, 1987*
 - B. Khóa họp 18 Đại Hội đồng, Pari, 1987 / *The 18th General Conference, Paris, 1987*
 - C. Khóa họp 24 Đại Hội đồng, Pari, 1990 / *The 24th General Conference, Paris, 1990*
 - D. Khóa họp 25 Đại Hội đồng, Hà Nội, 1990 / *The 25th General Conference, Hanoi, 1990*
5. Hồ Chí Minh ví người “có kinh nghiệm mà không có lý luận” giống như:
Hồ Chí Minh likened a person “with experience but without theory” to:
- A. Nhắm mắt mà đi / *Walking with one's eyes shut*
 - B. Một mắt sáng, một mắt mờ / *One eye open, one eye blurred*
 - C. Một cái hòm đựng sách / *A box for storing books*
 - D. Có tên mà không bắn / *Having an arrow but not shooting*
6. Theo quan điểm toàn diện và hệ thống, hạt nhân cốt lõi của hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh là:
Under the comprehensive and systemic view, the core of the system of Hồ Chí Minh Thought is:
- A. Tư tưởng đại đoàn kết toàn dân tộc / *The idea of great national unity*
 - B. Tư tưởng về đạo đức cách mạng / *The idea of revolutionary morality*
 - C. Tư tưởng độc lập, tự do, dân chủ và chủ nghĩa xã hội / *Independence, freedom, democracy and socialism*
 - D. Tư tưởng về xây dựng Đảng / *The idea of Party building*

7. Nội dung nào là một PHƯƠNG PHÁP CỤ THỂ, không phải nguyên tắc phương pháp luận, khi nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh?

Which item is a SPECIFIC METHOD rather than a methodological principle in studying Hồ Chí Minh Thought?

- A. Phân tích văn bản kết hợp nghiên cứu hoạt động thực tiễn / *Text analysis combined with study of practice*
- B. Thống nhất tính đảng và tính khoa học / *Unity of Party spirit and scientific spirit*
- C. Quan điểm lịch sử – cụ thể / *The historical-concrete view*
- D. Quan điểm kế thừa và phát triển / *The view of inheritance and development*

Chương 2. Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh — Chapter 2. Foundations, formation and development of Hồ Chí Minh Thought

2.1. Cơ sở thực tiễn hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh — The practical foundations of Hồ Chí Minh Thought

Việt Nam cuối thế kỷ XIX: mất nước, các cuộc khởi nghĩa lần lượt thất bại — Vietnam in the late 19th century: loss of the country, uprisings failing one after another

Năm 1858 Pháp nổ súng xâm lược. Triều Nguyễn ký liên tiếp các hiệp ước đầu hàng, từng bước làm tay sai cho thực dân. Nhân dân không chịu khuất phục: từ 1858 tới cuối thế kỷ XIX, khởi nghĩa nổ ra ở cả ba miền, một phần đi dưới ngọn cờ Cần Vương (giúp vua cứu nước).

France opened fire in 1858. The Nguyễn court signed one surrender treaty after another and gradually became the colonialists' tool. The people refused to submit: from 1858 to the end of the 19th century uprisings broke out in all three regions, some under the Cần Vương banner (aid the king, save the country).

Lãnh đạo tiêu biểu: ở Nam Kỳ có Trương Định, Nguyễn Trung Trực; ở Trung Kỳ có Trần Tấn, Đặng Như Mai, Phan Đình Phùng; ở Bắc Kỳ có Hoàng Hoa Thám, Nguyễn Quang Bích, Nguyễn Thiện Thuật, Đinh Công Tráng cùng Phạm Bành. Tất cả đều thất bại.

Leading figures: in the South Trương Định and Nguyễn Trung Trực; in the Centre Trần Tấn, Đặng Như Mai and Phan Đình Phùng; in the North Hoàng Hoa Thám, Nguyễn Quang Bích, Nguyễn Thiện Thuật, Đinh Công Tráng and Phạm Bành. All were defeated.

- Kết luận rút từ các cuộc khởi nghĩa: nhân dân giàu lòng yêu nước, nhưng giai cấp phong kiến và hệ tư tưởng của nó đã suy tàn, không còn đủ sức giữ độc lập.

The lesson of these uprisings: the people's patriotism was immense, but the feudal class and its ideology had decayed and could no longer defend independence.

Khai thác thuộc địa làm biến đổi cơ cấu xã hội — Colonial exploitation changes the social structure

Bình định xong về quân sự, Pháp chuyển sang khai thác thuộc địa quy mô lớn. Nền nông nghiệp lạc hậu được giữ lại, khoảng 95% dân số vẫn là nông dân. Hồ Chí Minh gọi tính chất xã hội lúc đó là “thuộc địa và phong kiến” (Thường thức chính trị; Toàn tập, t.8, tr.254 và tr.260).

Once military “pacification” was complete, France moved to exploit the colony on a large scale. Backward agriculture was kept and about 95% of the population remained peasants. Hồ Chí Minh called the society of that time “colonial and feudal” (Political Common Knowledge; Complete Works, vol. 8, pp. 254 and 260).

Địa chủ được củng cố thêm bằng điền chủ người Pháp và người nước ngoài; thợ thủ công, tiểu thương vẫn còn. Ba lực lượng mới xuất hiện: **giai cấp công nhân, giai cấp tư sản** (non yếu) và **tầng lớp tiểu tư sản thành thị**.

*Landlords were reinforced by French and other foreign estate owners; artisans and small traders remained. Three new forces appeared: **the working class, the bourgeoisie** (weak) and **the urban petty bourgeoisie**.*

Loại mâu thuẫn <i>Type of contradiction</i>	Giữa ai với ai <i>Between whom</i>
Mâu thuẫn cơ bản của xã hội phong kiến (vẫn còn) <i>The basic contradiction of feudal society (still present)</i>	Nông dân – địa chủ phong kiến <i>Peasants – feudal landlords</i>
Mâu thuẫn mới thứ nhất <i>First new contradiction</i>	Giai cấp công nhân Việt Nam – giai cấp tư sản <i>The Vietnamese working class – the bourgeoisie</i>
Mâu thuẫn mới thứ hai, bao trùm <i>Second new contradiction, overarching</i>	Toàn thể nhân dân Việt Nam – chủ nghĩa đế quốc Pháp <i>The whole Vietnamese people – French imperialism</i>

PHẢI THUỘC / MEMORISE — Thuật ngữ của Hồ Chí Minh cho xã hội Việt Nam dưới ách Pháp: **“thuộc địa và phong kiến”** (Thường thức chính trị; Toàn tập, t.8, tr.254 và tr.260). Ba mâu thuẫn: nông dân – địa chủ; công nhân – tư sản; **toàn dân tộc – đế quốc Pháp**.
*Hồ Chí Minh’s term for Vietnamese society under French rule: “colonial and feudal” (Political Common Knowledge; Complete Works, vol. 8, pp. 254 and 260). Three contradictions: peasants – landlords; workers – bourgeoisie; **the whole nation – French imperialism**.*

Đầu thế kỷ XX: các phong trào theo khuynh hướng dân chủ tư sản — *Early 20th century: bourgeois-democratic movements*

Làn sóng cải cách, cuộc cách mạng tư sản ở Trung Quốc và tấm gương Duy Tân Nhật Bản dội vào Việt Nam. Các sĩ phu có tư tưởng cải cách đứng ra dẫn dắt một loạt phong trào mới.

Reform campaigns, China’s bourgeois-democratic revolution and the example of Japan’s Meiji Restoration reached Vietnam. Reform-minded scholar-gentry led a series of new movements.

Phong trào <i>Movement</i>	Người khởi xướng <i>Initiator</i>	Thời gian <i>Period</i>	Cách làm chính <i>Main approach</i>
Đông Du <i>Đông Du (Go East)</i>	Phan Bội Châu <i>Phan Bội Châu</i>	1905 – 1909 <i>1905 – 1909</i>	Đưa thanh niên sang Nhật Bản học, trông vào sự giúp đỡ từ bên ngoài <i>Sending young people to study in Japan, relying on outside help</i>
Duy Tân <i>Duy Tân (Modernisation)</i>	Phan Châu Trinh <i>Phan Châu Trinh</i>	1906 – 1908 <i>1906 – 1908</i>	Cải cách, mở mang dân trí, chấn hưng kinh tế <i>Reform, raising popular knowledge, reviving the economy</i>
Đông Kinh Nghĩa Thục <i>Đông Kinh Free School</i>	Lương Văn Can, Nguyễn Quyền và một số nhân sĩ <i>Lương Văn Can, Nguyễn Quyền and other notables</i>	3-1907 – 11-1907 <i>Mar 1907 – Nov 1907</i>	Mở trường, truyền bá tư tưởng mới <i>Opening a school, spreading new ideas</i>
Chống đi phu, chống sưu thuế <i>Against corvée and taxes</i>	Nông dân Trung Kỳ <i>Peasants of the Centre</i>	1908 <i>1908</i>	Biểu tình đòi giảm sưu thuế <i>Protests demanding lower taxes</i>

Loại nguyên nhân thất bại <i>Kind of cause</i>	Nội dung <i>Content</i>
Sâu xa <i>Underlying</i>	Giai cấp tư sản Việt Nam còn non yếu <i>The Vietnamese bourgeoisie was still weak</i>
Trực tiếp <i>Direct</i>	Tổ chức và người lãnh đạo chưa có đường lối, phương pháp cách mạng đúng <i>The organisations and leaders lacked a correct revolutionary line and method</i>
Hệ quả <i>Consequence</i>	Khủng hoảng sâu sắc về đường lối cứu nước. Câu hỏi đặt ra: cứu nước bằng con đường nào để thắng lợi? <i>A deep crisis over the path to salvation. The question: which path leads to victory?</i>

LỖI HAY GẶP / COMMON MISTAKE — Đảo hai loại nguyên nhân. **Sâu xa** = tư sản non yếu (gốc giai cấp). **Trực tiếp** = thiếu đường lối, phương pháp đúng (gốc lãnh đạo). Lỗi thứ hai: ghép Đông Du cho Phan Châu Trinh — Đông Du là của **Phan Bội Châu**, Duy Tân là của **Phan Châu Trinh**.

Swapping the two causes. Underlying = a weak bourgeoisie (class root). Direct = no correct line or

method (leadership root). Second mistake: giving Đông Du to Phan Châu Trinh — Đông Du belongs to Phan Bội Châu, Duy Tân to Phan Châu Trinh.

Giai cấp công nhân Việt Nam: dấu hiệu của thời đại mới — *The Vietnamese working class: the sign of a new era*

Cuối thế kỷ XIX công nhân còn ít, chưa ổn định. Đầu thế kỷ XX lực lượng này lớn lên và thành một giai cấp ngay trước Chiến tranh thế giới thứ nhất. Họ chịu ba tầng áp bức: thực dân, tư bản, phong kiến. Hình thức đấu tranh đi từ đốt lán trại, bỏ trốn tập thể lên đình công, bãi công.

In the late 19th century workers were few and unsettled. In the early 20th century they grew and became a class just before the First World War. They bore three layers of oppression: colonial, capitalist and feudal. Their struggle moved from burning work camps and mass desertion to strikes.

PHẢI THUỘC / MEMORISE — “Chỉ có giai cấp công nhân là dũng cảm nhất, cách mạng nhất, luôn luôn gan góc đương đầu với bọn đế quốc thực dân” (Hồ Chí Minh: Toàn tập, t.12, tr.407).

“Only the working class is the bravest and most revolutionary, always boldly confronting the imperialists and colonialists” (Hồ Chí Minh: Complete Works, vol. 12, p. 407).

Phong trào công nhân và phong trào yêu nước mở đường cho chủ nghĩa Mác – Lênin vào Việt Nam; Hồ Chí Minh đưa học thuyết đó vào cả hai phong trào và lập Đảng. Thực tiễn cách mạng sau 1945 tiếp tục bổ sung tư tưởng của Người.

The workers’ and patriotic movements opened the way for Marxism–Leninism; Hồ Chí Minh carried it into both and founded the Party. Revolutionary practice after 1945 kept enriching his thought.

Thế giới cuối thế kỷ XIX – đầu thế kỷ XX — *The world in the late 19th – early 20th century*

Chủ nghĩa tư bản chuyển từ tự do cạnh tranh sang giai đoạn đế quốc chủ nghĩa. Một nhóm cường quốc (Anh, Pháp, Đức, Nga, Mỹ, Nhật Bản, Ý, Bỉ, Hà Lan, Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha...) chi phối thế giới; phần lớn châu Á, châu Phi và Mỹ Latinh thành thuộc địa hoặc phụ thuộc.

Capitalism passed from free competition to its imperialist stage. A group of powers (Britain, France, the US, Spain, Italy, Germany, Russia, Japan, Belgium, Portugal, the Netherlands...) dominated the world; most of Asia, Africa and Latin America became colonies or dependencies.

Mâu thuẫn của thời đại <i>Contradiction of the era</i>	Hệ quả <i>Consequence</i>
Tư sản – vô sản ở các nước tư bản <i>Bourgeoisie – proletariat in capitalist countries</i>	Phong trào công nhân ở chính quốc lớn mạnh <i>The workers' movement in the metropolises grows</i>
Giữa các nước đế quốc với nhau <i>Among the imperialist powers</i>	Tranh giành thuộc địa, dẫn tới chiến tranh thế giới <i>Rivalry for colonies, leading to world war</i>
Dân tộc thuộc địa, phụ thuộc – chủ nghĩa đế quốc <i>Colonial and dependent peoples – imperialism</i>	Giành độc lập trở thành đòi hỏi chung của dân thuộc địa và của vô sản quốc tế; phong trào giải phóng dân tộc dâng cao <i>Independence becomes a common demand of colonial peoples and the international proletariat; national liberation movements rise</i>

Mốc <i>Date</i>	Sự kiện <i>Event</i>	Ý nghĩa với Hồ Chí Minh <i>Meaning for Hồ Chí Minh</i>
1917 <i>1917</i>	Cách mạng Tháng Mười Nga thắng lợi, lập xã hội xã hội chủ nghĩa ở một nước rộng một phần sáu thế giới <i>The Russian October Revolution wins, setting up a socialist society in a country covering one-sixth of the world</i>	Mở thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội, mở con đường giải phóng cho các dân tộc bị áp bức <i>Opens the era of transition from capitalism to socialism and a path of liberation for oppressed peoples</i>
2-3-1919 <i>2 Mar 1919</i>	Quốc tế Cộng sản ra đời ở Mátxcova <i>The Communist International is founded in Moscow</i>	Bộ tham mưu của cách mạng thế giới; truyền bá chủ nghĩa Mác – Lênin, thúc đẩy lập các đảng cộng sản <i>The general staff of world revolution; spreads Marxism–Leninism and spurs the founding of communist parties</i>
Sau 1917 <i>After 1917</i>	Xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô; phong trào cộng sản, công nhân, giải phóng dân tộc phát triển <i>Socialist construction in the USSR; communist, workers' and liberation movements grow</i>	Tác động sâu sắc tới hành trình tìm mục tiêu và con đường cứu nước <i>Shapes his search for the goal and path of national salvation</i>

PHẢI THUỘC / MEMORISE — Hai mốc thế giới phải nhớ: **Cách mạng Tháng Mười Nga 1917** (mở thời đại mới) và **Quốc tế Cộng sản ra đời 2-3-1919 ở Mátxcova**.
Two world dates to remember: the Russian October Revolution of 1917 (a new era) and the Communist International founded on 2 March 1919 in Moscow.

2.2. Cơ sở lý luận: truyền thống dân tộc, tinh hoa văn hóa nhân loại, chủ nghĩa Mác – Lênin — *Theoretical foundations: national tradition, the best of world culture, Marxism–Leninism*

Nguồn <i>Source</i>	Hồ Chí Minh lấy gì <i>What he took</i>	Vai trò <i>Role</i>
Giá trị truyền thống dân tộc <i>National traditional values</i>	Chủ nghĩa yêu nước; đoàn kết, nhân ái, khoan dung; cần cù, lạc quan; tự hào văn hóa <i>Patriotism; solidarity, humanity, tolerance; diligence, optimism; pride in culture</i>	Nền tảng tư tưởng, điểm xuất phát , động lực <i>Ideological base, starting point, driving force</i>
Tinh hoa văn hóa nhân loại <i>The best of world culture</i>	Nho, Phật, Lão, Tam dân (phương Đông); Tự do – Bình đẳng – Bác ái, nhân quyền, khai sáng (phương Tây) <i>Confucianism, Buddhism, Taoism, the Three Principles (East); Liberty – Equality – Fraternity, human rights, the Enlightenment (West)</i>	Làm giàu vốn hiểu biết, bổ sung giá trị nhân văn <i>Enriches knowledge and humane values</i>
Chủ nghĩa Mác – Lênin <i>Marxism–Leninism</i>	Thế giới quan, phương pháp luận; lý luận về cách mạng vô sản, đảng cộng sản <i>Worldview, methodology; theory of proletarian revolution and the communist party</i>	Quyết định bước phát triển về chất <i>Decisive for the qualitative leap</i>

VÍ DỤ / EXAMPLE — Mẹo nhớ ba nguồn lý luận: “**Dân – Nhân – Mác**” (dân tộc, nhân loại, Mác – Lênin). Đọc theo thứ tự này cũng là thứ tự vai trò tăng dần: điểm xuất phát → làm giàu → quyết định.
Remember the three sources as “Nation – Humanity – Marx”. Read in this order they also rise in role: starting point → enrichment → decisive.

a) Giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc — *a) The fine traditional values of the nation*

Chủ nghĩa yêu nước chạy suốt các truyền thống của dân tộc Việt Nam; đó là sức mạnh giúp dân tộc tồn tại qua dựng nước và giữ nước. Với Hồ Chí Minh, yêu nước là nền tảng tư tưởng, điểm xuất phát và động lực đưa Người ra đi; cũng từ lòng yêu nước, Người tìm tới chủ nghĩa Mác – Lênin như con đường cứu nước, cứu dân.

Patriotism runs through all of Vietnam’s traditions; it is the strength that carried the nation through building and defending the country. For Hồ Chí Minh, patriotism was the ideological base, the starting point and the force that sent him abroad; from patriotism he reached Marxism–Leninism as the path to save the country and the people.

PHẢI THUỘC / MEMORISE — Tuyên ngôn Độc lập: “Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thực đã thành một nước tự do và độc lập. Toàn thể dân Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mệnh và của cải để giữ vững quyền tự do và độc lập ấy” (Hồ Chí Minh: Toàn tập, t.4, tr.3).

Declaration of Independence: “Vietnam has the right to enjoy freedom and independence and has in fact become a free and independent country. The entire Vietnamese people are determined to devote

all their spirit and strength, their lives and property to safeguard their freedom and independence” (Hồ Chí Minh: Complete Works, vol. 4, p. 3).

Giá trị truyền thống <i>Traditional value</i>	Thành gì trong tư tưởng Hồ Chí Minh <i>What it became in his thought</i>
Yêu nước, đấu tranh bất khuất vì độc lập <i>Patriotism, indomitable struggle for independence</i>	Chân lý “Không có gì quý hơn độc lập, tự do”; bảo vệ chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ <i>The truth “Nothing is more precious than independence and freedom”; defending sovereignty and territory</i>
Yêu nước gắn với yêu dân <i>Love of country tied to love of the people</i>	Dân là gốc của nước; xây lâu thắng lợi trên nền nhân dân; con người là vốn quý nhất <i>The people are the root of the country; build the house of victory on the people; people are the most precious capital</i>
Đoàn kết, dân chủ trong cộng đồng <i>Solidarity and democracy in the community</i>	Đại đoàn kết dân tộc gắn với đoàn kết quốc tế — nguyên tắc chiến lược <i>Great national unity linked with international solidarity — a strategic principle</i>
Nhân ái, khoan dung; hòa hiếu với lân bang <i>Humanity, tolerance; friendship with neighbours</i>	Chính sách đoàn kết rộng rãi, đối ngoại hòa bình, hữu nghị <i>Broad unity, a foreign policy of peace and friendship</i>
Cần cù, dũng cảm, sáng tạo, lạc quan <i>Diligence, courage, creativity, optimism</i>	Phẩm chất con người mới, đạo đức cách mạng <i>Qualities of the new person, revolutionary morality</i>
Tự hào lịch sử, trân trọng văn hóa, ngôn ngữ <i>Pride in history, respect for culture and language</i>	Văn hóa là mục tiêu, động lực của cách mạng; giữ cốt cách dân tộc, tiếp thu tinh hoa nhân loại <i>Culture is a goal and a driving force of the revolution; keep the national character, absorb the best of the world</i>

b) Tinh hoa văn hóa phương Đông — b) *The best of Eastern culture*

Tư tưởng phương Đông kết tinh ở ba học thuyết lớn có ảnh hưởng sâu ở Việt Nam: Nho giáo, Phật giáo, Lão giáo. Hồ Chí Minh không theo trọn một học thuyết; Người tách phần tích cực, đổi mới nó cho hợp nhiệm vụ cách mạng.

Eastern thought crystallised in three major teachings with deep influence in Vietnam: Confucianism, Buddhism and Taoism. Hồ Chí Minh followed none of them wholesale; he separated out the positive parts and renewed them to fit revolutionary tasks.

Học thuyết <i>Teaching</i>	Hồ Chí Minh kế thừa, đổi mới <i>What he inherited and renewed</i>	Biểu hiện cụ thể <i>Concrete expression</i>
Nho giáo <i>Confucianism</i>	Nhân trị, đức trị trong quản lý xã hội; xã hội lý tưởng coi trọng công bằng, bác ái, nhân, nghĩa, trí, dũng, tín, liêm; thế giới đại đồng; tinh thần trọng đạo đức <i>Rule by benevolence and virtue; an ideal society valuing justice, fraternity, humanity, righteousness, wisdom, courage, trust, integrity; great harmony; respect for ethics</i>	Tu dưỡng đạo đức cá nhân; xây dựng Đảng về đạo đức <i>Personal moral cultivation; building the Party in ethics</i>
Phật giáo <i>Buddhism</i>	Từ bi, vị tha, thương người; làm thiện, chống ác; đề cao bình đẳng; sống hòa đồng, gắn bó với đất nước <i>Compassion, altruism, love for people; doing good, opposing evil; equality; living in harmony and attachment to the country</i>	Đoàn kết đồng bào theo đạo Phật; thư gửi Hội Phật tử năm 1947 <i>Uniting Buddhist compatriots; the 1947 letter to the Buddhist Association</i>
Lão giáo <i>Taoism</i>	Sống gắn bó, hòa đồng với thiên nhiên, bảo vệ môi trường; thoát vòng danh lợi; hành động theo đạo lý, hợp quy luật tự nhiên, xã hội <i>Living close to and in harmony with nature, protecting the environment; breaking free of fame and gain; acting in line with natural and social laws</i>	Phát động “Tết trồng cây”; khuyên cán bộ ít ham vật chất, giữ cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư <i>Launching the “Tree-planting Festival”; urging cadres to want little and keep diligence, thrift, integrity, uprightness, impartiality and selflessness</i>
Các nhà tư tưởng khác <i>Other thinkers</i>	Mặc Tử, Hàn Phi Tử, Quản Tử; chủ nghĩa Găngđi (Ấn Độ); chủ nghĩa Tam dân của Tôn Trung Sơn <i>Mozi, Han Feizi, Guanzi; Gandhism (India); Sun Yat-sen’s Three Principles of the People</i>	Tam dân phát triển thành Độc lập – Tự do – Hạnh phúc <i>The Three Principles developed into Independence – Freedom – Happiness</i>

PHẢI THUỘC / MEMORISE — Về Nho giáo: “Tuy Khổng Tử là phong kiến và tuy trong học thuyết của Khổng Tử có nhiều điều không đúng song những điều hay trong đó thì chúng ta nên học” (Hồ Chí Minh: Toàn tập, t.6, tr.356-357).

On Confucianism: “Although Confucius was feudal and his doctrine contains many wrong things, we should learn the good things in it” (Hồ Chí Minh: Complete Works, vol. 6, pp. 356-357).

PHẢI THUỘC / MEMORISE — Thư gửi Hội Phật tử (1947): “Đức Phật là đại từ đại bi, cứu khổ cứu nạn, muốn cứu chúng sinh ra khỏi khổ nạn, Người phải hy sinh tranh đấu, diệt lũ ác ma” (Hồ Chí Minh: Toàn tập, t.5, tr.228).

Letter to the Buddhist Association (1947): “The Buddha is all-merciful and all-compassionate, relieving suffering; to save living beings from suffering, he had to sacrifice and fight, destroying the demons” (Hồ Chí Minh: Complete Works, vol. 5, p. 228).

Chủ nghĩa Tam dân (Tôn Trung Sơn) <i>Three Principles (Sun Yat-sen)</i>	Hồ Chí Minh phát triển thành <i>Hồ Chí Minh developed it into</i>	Khác biệt <i>Difference</i>
Dân tộc <i>Nationalism</i>	Độc lập <i>Independence</i>	Tôn Trung Sơn: trong khuôn khổ cách mạng dân chủ tư sản. Hồ Chí Minh: theo con đường cách mạng vô sản <i>Sun Yat-sen: within the bourgeois-democratic revolution. Hồ Chí Minh: on the proletarian path</i>
Dân quyền <i>Democracy</i>	Tự do <i>Freedom</i>	Cùng một hướng phát triển như trên <i>Same line of development</i>
Dân sinh <i>People's livelihood</i>	Hạnh phúc <i>Happiness</i>	Cùng một hướng phát triển như trên <i>Same line of development</i>

Tinh hoa văn hóa phương Tây — *The best of Western culture*

Năm 1905, khi học Trường tiểu học Pháp – bản xứ ở Vinh, Hồ Chí Minh đã chú ý tới khẩu hiệu Tự do – Bình đẳng – Bác ái của Đại Cách mạng Pháp năm 1789. Sang phương Tây, Người tìm hiểu khẩu hiệu ấy trong các cuộc cách mạng tư sản Anh, Pháp, Mỹ và đọc trực tiếp bằng ngôn ngữ của các nước đó.

In 1905, at the Franco-native primary school in Vinh, Hồ Chí Minh already noticed the slogan Liberty – Equality – Fraternity of the French Revolution of 1789. In the West he studied that slogan in the bourgeois revolutions of Britain, France and America, reading in those countries' own languages.

Nguồn phương Tây <i>Western source</i>	Hồ Chí Minh tiếp thu <i>What he absorbed</i>
Tuyên ngôn Độc lập của Mỹ năm 1776 <i>The US Declaration of Independence, 1776</i>	Quyền con người; nâng lên thành quyền mưu cầu độc lập, tự do, hạnh phúc của các dân tộc <i>Human rights; raised into the right of nations to pursue independence, freedom and happiness</i>
Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền của Cách mạng Pháp <i>The French Declaration of the Rights of Man and of the Citizen</i>	Quan điểm nhân quyền, dân quyền <i>Ideas of human and civil rights</i>
Các nhà khai sáng: Vonte, Rutxô, Môngtétxkiơ <i>Enlightenment thinkers: Voltaire, Rousseau, Montesquieu</i>	Tư tưởng nhân văn, dân chủ, nhà nước pháp quyền <i>Humanist and democratic ideas, the rule-of-law state</i>
Văn học: Shakespeare (tiếng Anh), Hugo, Zola (tiếng Pháp); Lỗ Tấn (tiếng Trung) <i>Literature: Shakespeare (English), Hugo, Zola (French); Lu Xun (Chinese)</i>	Vốn văn hóa, ngôn ngữ; Anatole France và Lép Tônxtôi “có thể nói là những người đỡ đầu văn học” của Người (Trần Dân Tiên, tr.48) <i>Cultural and linguistic capital; Anatole France and Leo Tolstoy were, one may say, his “literary godfathers” (Trần Dân Tiên, p. 48)</i>

Hồ Chí Minh đánh giá chỗ mạnh của từng học thuyết lớn (theo Trương Niệm Thức: Hồ Chí Minh truyện, 1949) và kết luận Người “cố gắng làm học trò nhỏ của các vị ấy”, vì tất cả đều muốn “mưu hạnh phúc cho loài người, mưu phúc lợi cho xã hội”.

Hồ Chí Minh assessed the strength of each great teaching (per Trương Niệm Thức’s Biography of Hồ Chí Minh, 1949) and concluded that he “tries to be a little pupil of those masters”, since all of them wanted “to seek happiness for humankind and welfare for society”.

Học thuyết <i>Teaching</i>	Ưu điểm theo Hồ Chí Minh <i>Strength in Hồ Chí Minh’s words</i>
Khổng Tử <i>Confucius</i>	“sự tu dưỡng đạo đức cá nhân” <i>“personal moral cultivation”</i>
Tôn giáo Giêxu <i>Christianity (Jesus)</i>	“lòng nhân ái cao cả” <i>“lofty love for humanity”</i>
Chủ nghĩa Mác <i>Marxism</i>	“phương pháp làm việc biện chứng” <i>“the dialectical working method”</i>
Chủ nghĩa Tôn Dật Tiên <i>Sun Yat-sen’s doctrine</i>	“chính sách của nó phù hợp với điều kiện nước ta” <i>“its policy suits our country’s conditions”</i>

VÍ DỤ / EXAMPLE — Mẹo nhớ bốn ưu điểm bằng cặp “**Khổng – Đức, Giêxu – Nhân, Mác – Biện, Tôn – Hợp**”: Khổng Tử tu dưỡng đạo đức; Giêxu nhân ái; Mác biện chứng; Tôn Dật Tiên hợp điều kiện nước ta.

Remember the four strengths as “Confucius – ethics, Jesus – love, Marx – dialectics, Sun – fit”.

LỖI HAY GẶP / COMMON MISTAKE — Ba lỗi: (1) gán “lòng nhân ái cao cả” cho Phật giáo — trong câu này là **tôn giáo Giêsu**; (2) gán “phương pháp làm việc biện chứng” cho Khổng Tử; (3) ghi khẩu hiệu Tự do – Bình đẳng – Bác ái là của Cách mạng Mỹ 1776 — khẩu hiệu thuộc **Đại Cách mạng Pháp 1789**, còn 1776 là **Tuyên ngôn Độc lập của Mỹ**.

*Three mistakes: (1) giving “lofty love for humanity” to Buddhism — in this passage it is **Christianity**; (2) giving “the dialectical working method” to Confucius; (3) attributing Liberty – Equality – Fraternity to the American Revolution of 1776 — the slogan belongs to the **French Revolution of 1789**; 1776 is the **US Declaration of Independence**.*

c) Chủ nghĩa Mác – Lênin: nguồn gốc lý luận quyết định — c) Marxism–Leninism: the decisive theoretical source

Cách mạng Tháng Mười, thời đại mới và chủ nghĩa Mác – Lênin đưa tư tưởng Hồ Chí Minh lên một bước mới về chất, đặt Người lên trước những nhà yêu nước cùng thời. Với Người, chủ nghĩa Mác – Lênin là thế giới quan và phương pháp luận. Đứng trên lập trường đó, Người lọc và phát triển truyền thống dân tộc, tinh hoa nhân loại, gắn với thực tiễn trong nước và thế giới, tạo thành hệ thống quan điểm toàn diện về cách mạng Việt Nam.

The October Revolution, the new era and Marxism–Leninism lifted Hồ Chí Minh’s thought to a qualitatively new level and placed him ahead of contemporary patriots. For him Marxism–Leninism was worldview and methodology. From that standpoint he filtered and developed national tradition and world culture, tied them to domestic and world practice, and produced a comprehensive system of views on the Vietnamese revolution.

PHẢI THUỘC / MEMORISE — “Bây giờ học thuyết nhiều, chủ nghĩa nhiều, nhưng chủ nghĩa chân chính nhất, chắc chắn nhất, cách mạng nhất là chủ nghĩa Lênin” (Hồ Chí Minh: Toàn tập, t.2, tr.289) — nói từ cuối những năm 20 của thế kỷ XX.

“There are many doctrines and many isms now, but the most genuine, the most certain, the most revolutionary is Leninism” (Hồ Chí Minh: Complete Works, vol. 2, p. 289) — said in the late 1920s.

PHẢI THUỘC / MEMORISE — Tổng kết thắng lợi: “chúng tôi giành được những thắng lợi đó trước hết là nhờ cái vũ khí không gì thay thế được là chủ nghĩa Mác - Lênin” (Hồ Chí Minh: Toàn tập, t.15, tr.589-590), nói nhân dịp kỷ niệm 100 năm ngày sinh V.I. Lênin.

Summing up the victories: “we won those victories first of all thanks to the irreplaceable weapon, Marxism–Leninism” (Hồ Chí Minh: Complete Works, vol. 15, pp. 589-590), said on the centenary of Lenin’s birth.

Hồ Chí Minh trở thành người cộng sản theo đúng hình mẫu V.I. Lênin đặt ra: “Người ta chỉ có thể trở thành người cộng sản khi biết làm giàu trí óc của mình bằng sự hiểu biết tất cả những kho tàng tri thức mà nhân loại đã tạo ra” (V.I. Lênin: Toàn tập, t.41, tr.362).

Hồ Chí Minh became a communist of the kind Lenin described: “One can become a communist only when one enriches one’s mind with knowledge of all the treasures that humanity has created” (Lenin: Collected Works, vol. 41, p. 362).

Tiêu chí <i>Criterion</i>	Truyền thống dân tộc <i>National tradition</i>	Tinh hoa nhân loại <i>World culture</i>	Chủ nghĩa Mác – Lênin <i>Marxism–Leninism</i>
Cho Người cái gì <i>What it gave</i>	Mục tiêu: độc lập cho dân tộc <i>Goal: independence for the nation</i>	Giá trị nhân văn, dân chủ, đạo đức <i>Humane, democratic and moral values</i>	Phương pháp, lực lượng, tổ chức để đạt mục tiêu <i>Method, forces and organisation to reach the goal</i>
Vai trò <i>Role</i>	Điểm xuất phát, động lực <i>Starting point, driving force</i>	Làm phong phú <i>Enrichment</i>	Quyết định <i>Decisive</i>
Nếu thiếu <i>If missing</i>	Mất gốc, không có động lực <i>No roots, no drive</i>	Hẹp về văn hóa <i>Culturally narrow</i>	Lặp lại thất bại của các phong trào trước 1930 <i>Repeating the failures of pre-1930 movements</i>

Vấn đề <i>Issue</i>	Quan điểm phổ biến lúc đó <i>Prevailing view at the time</i>	Quan điểm Hồ Chí Minh <i>Hồ Chí Minh's view</i>	Giá trị sáng tạo <i>Creative value</i>
Cách mạng thuộc địa và cách mạng ở chính quốc <i>Colonial revolution and revolution in the metropole</i>	Đại hội VI Quốc tế Cộng sản (1928): giải phóng thuộc địa chỉ thực hiện trọn vẹn khi vô sản thắng ở các nước tư bản tiên tiến <i>Comintern 6th Congress (1928): colonies can be fully freed only after the proletariat wins in advanced capitalist countries</i>	Hai cuộc cách mạng quan hệ bình đẳng; cách mạng thuộc địa chủ động, có thể thắng lợi trước <i>The two revolutions are equal partners; the colonial revolution is active and can win first</i>	Thực tiễn 1945 ở Việt Nam và làn sóng độc lập những năm 60 chứng minh <i>Proved by Vietnam in 1945 and the wave of independence in the 1960s</i>
Dân tộc và giai cấp ở thuộc địa <i>Nation and class in the colonies</i>	Hội nghị Trung ương 10-1930: đặt đấu tranh giai cấp, cách mạng điền địa ngang hoặc trên phản đế <i>The October 1930 meeting: class struggle and land revolution on a par with or above anti-imperialism</i>	Giải phóng dân tộc lên hàng đầu; phân hóa địa chủ, tập hợp mọi lực lượng yêu nước <i>National liberation first; differentiate landlords, rally every patriotic force</i>	Được Đảng khẳng định lại từ 11-1939 đến 5-1941 <i>Reaffirmed by the Party from Nov 1939 to May 1941</i>

Vấn đề <i>Issue</i>	Quan điểm phổ biến lúc đó <i>Prevailing view at the time</i>	Quan điểm Hồ Chí Minh <i>Hồ Chí Minh's view</i>	Giá trị sáng tạo <i>Creative value</i>
Nguồn gốc ra đời Đảng <i>Origin of the Party</i>	Chủ nghĩa Mác – Lênin kết hợp với phong trào công nhân <i>Marxism–Leninism combined with the workers' movement</i>	Truyền bá chủ nghĩa Mác – Lênin vào cả phong trào công nhân và phong trào yêu nước <i>Spreading Marxism–Leninism into both the workers' movement and the patriotic movement</i>	Phù hợp một nước thuộc địa, nông nghiệp <i>Fits a colonial, agrarian country</i>

- Các lĩnh vực Người bổ sung, phát triển chủ nghĩa Mác – Lênin: dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc; chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên ở Việt Nam; xây dựng Đảng, Nhà nước; văn hóa, con người, đạo đức.

Fields in which he added to and developed Marxism–Leninism: the national question and national liberation; socialism and the path to it in Vietnam; building the Party and the State; culture, the human being, ethics.

- Với lịch sử tư tưởng Việt Nam, sự ra đời của tư tưởng Hồ Chí Minh là một bước nhảy vọt.

Hồ Chí Minh Thought is a leap in the history of Vietnamese thought.

LỖI HAY GẶP / COMMON MISTAKE — Viết “truyền thống yêu nước là cơ sở quyết định” hoặc “tinh hoa văn hóa nhân loại là cơ sở quyết định”. Yêu nước là **điểm xuất phát**; chỉ **chủ nghĩa Mác – Lênin** là tiền đề lý luận quan trọng nhất, có vai trò **quyết định**.

*Writing “patriotic tradition is the decisive foundation” or “world culture is the decisive foundation”. Patriotism is the **starting point**; only **Marxism–Leninism** is the most important theoretical premise with the **decisive** role.*

2.3. Nhân tố chủ quan Hồ Chí Minh — *Hồ Chí Minh's subjective factor*

Cùng một hoàn cảnh và cùng các nguồn tư tưởng ấy, nhiều nhà yêu nước khác không đi tới kết quả như Hồ Chí Minh. Khác biệt nằm ở nhân tố chủ quan: phẩm chất cá nhân và tài năng hoạt động, tổng kết thực tiễn.

Many other patriots lived in the same conditions and met the same ideas without reaching Hồ Chí Minh's result. The difference lies in the subjective factor: personal qualities and talent for action and for summing up practice.

a) Phẩm chất Hồ Chí Minh — a) Hồ Chí Minh's qualities

Phẩm chất <i>Quality</i>	Biểu hiện <i>Expression</i>
Lý tưởng cao cả, hoài bão lớn <i>Lofty ideals, great ambition</i>	Cứu dân, cứu nước khỏi lầm than, đưa đất nước theo kịp các nước tiên tiến <i>Saving people and country from misery and catching up with advanced nations</i>
Ý chí, nghị lực <i>Will and resolve</i>	Một mình ra nước ngoài với hai bàn tay trắng; làm nhiều nghề kiếm sống; tự học nhiều ngoại ngữ <i>Going abroad alone and empty-handed; many jobs to earn a living; teaching himself many languages</i>
Cách học <i>Way of learning</i>	Học ở trường, trong sách, trong hoạt động cách mạng, ở nhân dân mọi nơi Người đến <i>At school, in books, in revolutionary work, from the people wherever he went</i>
Bản lĩnh tư duy <i>Strength of mind</i>	Độc lập, tự chủ, sáng tạo, giàu tính phê phán; vận dụng quy luật chung vào hoàn cảnh riêng của Việt Nam; có năng lực tổ chức biến đường lối thành hiện thực <i>Independent, self-reliant, creative, critical; applying general laws to Vietnam's specific conditions; able to organise and turn a line into reality</i>
Tầm nhìn <i>Vision</i>	Chiến lược, bao quát thời đại; đưa cách mạng Việt Nam vào dòng chảy cách mạng thế giới; dự báo chính xác <i>Strategic, embracing the era; placing Vietnam's revolution in the world current; accurate foresight</i>
Tâm lòng <i>Devotion</i>	Suốt đời tận trung với nước, tận hiếu với dân <i>A lifetime of total loyalty to the country and total devotion to the people</i>

b) Tài năng hoạt động và tổng kết thực tiễn — b) Talent for action and for summing up practice

Trước khi làm Chủ tịch nước, Hồ Chí Minh đã sống, học tập, hoạt động ở khoảng 30 nước. Người hiểu chủ nghĩa đế quốc từ bên trong các cường quốc, hiểu tình cảnh dân thuộc địa ở châu Á, châu Phi, Mỹ Latinh. Người hiểu phong trào cộng sản qua việc cùng lập Đảng Cộng sản Pháp, hoạt động trong Đảng Cộng sản Trung Quốc và nghiên cứu đời sống Liên Xô.

Before becoming President, Hồ Chí Minh had lived, studied and worked in about 30 countries. He knew imperialism from inside the great powers and knew the lot of colonial peoples in Asia, Africa and Latin America. He knew the communist movement by co-founding the French Communist Party, working in the Chinese Communist Party and studying life in the Soviet Union.

Tổ chức Người sáng lập hoặc tham gia sáng lập <i>Organisation he founded or co-founded</i>	Mốc <i>Date</i>	Vai trò về sau <i>Later role</i>
Đảng Cộng sản Pháp (tham gia sáng lập) <i>French Communist Party (co-founder)</i>	12-1920 <i>Dec 1920</i>	Nơi Người trở thành người cộng sản Việt Nam đầu tiên <i>Where he became the first Vietnamese communist</i>
Hội liên hiệp thuộc địa (tham gia sáng lập) <i>Intercolonial Union (co-founder)</i>	1921 <i>1921</i>	Đoàn kết các dân tộc thuộc địa ở Pháp <i>Uniting colonial peoples in France</i>
Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên <i>Revolutionary Youth League of Vietnam</i>	6-1925 <i>June 1925</i>	Tổ chức tiền thân của Đảng <i>Forerunner of the Party</i>
Đảng Cộng sản Việt Nam <i>Communist Party of Vietnam</i>	Đầu năm 1930 <i>Early 1930</i>	Tổ chức lãnh đạo cách mạng Việt Nam <i>The leading organisation of Vietnam's revolution</i>
Mặt trận Việt Minh <i>Viet Minh Front</i>	19-5-1941 <i>19 May 1941</i>	Mặt trận dân tộc thống nhất <i>The national united front</i>
Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân <i>Vietnam Propaganda Liberation Army</i>	22-12-1944 <i>22 Dec 1944</i>	Tiền thân Quân đội nhân dân Việt Nam <i>Forerunner of the Vietnam People's Army</i>
Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa <i>Democratic Republic of Vietnam</i>	2-9-1945 <i>2 Sep 1945</i>	Nhà nước kiểu mới ở Việt Nam <i>A new type of state in Vietnam</i>

PHẢI THUỘC / MEMORISE — Công thức ba nhóm cơ sở: **Thực tiễn** (Việt Nam + thế giới) + **Lý luận** (truyền thống dân tộc + tinh hoa nhân loại + Mác – Lênin, trong đó Mác – Lênin quyết định) + **Nhân tố chủ quan** (phẩm chất + tài năng hoạt động, tổng kết thực tiễn).
The three-group formula: Practice (Vietnam + world) + Theory (national tradition + world culture + Marxism–Leninism, the last being decisive) + Subjective factor (qualities + talent for action and for summing up practice).

VÍ DỤ / EXAMPLE — Mẹo nhớ ba nhóm cơ sở: “**Thực – Lý – Chủ**”. Hỏi “cơ sở khách quan” thì chỉ gồm Thực và Lý; Chủ là nhân tố chủ quan.
Remember the three groups as “Practice – Theory – Self”. If asked for the “objective foundations”, give only Practice and Theory; Self is the subjective factor.

LỖI HAY GẶP / COMMON MISTAKE — Khi đề hỏi “cơ sở khách quan”, sinh viên kể cả phẩm chất của Hồ Chí Minh. Phẩm chất, tài năng là **nhân tố chủ quan**, viết riêng thành ý thứ ba khi đề hỏi “cơ sở hình thành” nói chung.
Asked for the “objective foundations”, students list Hồ Chí Minh's qualities too. Qualities and talent are the subjective factor, a separate third point only when the question asks for the foundations in general.

2.4. Quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh — *The process of formation and development of Hồ Chí Minh Thought*

Bảng tổng hợp năm thời kỳ — *Summary table of the five periods*

Thời kỳ <i>Period</i>	Sự kiện, tác phẩm mốc <i>Key events and works</i>	Nội dung tư tưởng hình thành <i>Thought formed</i>
1. Trước 5-6-1911 <i>1. Before 5 Jun 1911</i>	Học ở Vinh, Huế; chống thuế Trung Kỳ (1908); dạy ở Trường Dục Thanh, Phan Thiết (1910); ra đi 5-6-1911 <i>Studies in Vinh and Huế; the Centre tax protests (1908); teaching at Dục Thanh School, Phan Thiết (1910); departure on 5 Jun 1911</i>	Tư tưởng yêu nước, chí hướng tìm con đường cứu nước mới <i>Patriotism and the resolve to find a new path to save the country</i>
2. Giữa 1911 – cuối 1920 <i>2. Mid-1911 – end of 1920</i>	Gia nhập Đảng Xã hội Pháp (1919); Yêu sách gửi Hội nghị Vécxây (18-6-1919); đọc Luận cương của Lênin (7-1920); Đại hội Tua (25 – 30-12-1920) <i>Joins the French Socialist Party (1919); the Demands to Versailles (18 Jun 1919); reads Lenin's Theses (Jul 1920); the Tours Congress (25 – 30 Dec 1920)</i>	Dần hình thành tư tưởng cứu nước, giải phóng dân tộc theo con đường cách mạng vô sản <i>Gradually forms the idea of national liberation along the proletarian path</i>
3. Cuối 1920 – đầu 1930 <i>3. End of 1920 – early 1930</i>	Le Paria (1922); Bản án chế độ thực dân Pháp (1925); Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên (6-1925); Đường cách mệnh (1927); Cương lĩnh chính trị đầu tiên (đầu 1930) <i>Le Paria (1922); French Colonialism on Trial (1925); the Revolutionary Youth League (Jun 1925); The Revolutionary Path (1927); the first Political Platform (early 1930)</i>	Hình thành những nội dung cơ bản về cách mạng Việt Nam <i>Forms the basic content on the Vietnamese revolution</i>
4. Đầu 1930 – đầu 1941 <i>4. Early 1930 – early 1941</i>	Hội nghị Trung ương 10-1930 phê phán; học, nghiên cứu ở Liên Xô (1934 – 1938); Con đường giải phóng (1-1941); Hội nghị Trung ương 5-1941 <i>Criticised at the Oct 1930 meeting; study and research in the USSR (1934 – 1938); The Road to Liberation (Jan 1941); the May 1941 meeting</i>	Vượt qua thử thách, giữ vững đường lối, phương pháp cách mạng đúng đắn, sáng tạo <i>Overcomes trials, upholds a correct and creative revolutionary line and method</i>

Thời kỳ <i>Period</i>	Sự kiện, tác phẩm mốc <i>Key events and works</i>	Nội dung tư tưởng hình thành <i>Thought formed</i>
5. Đầu 1941 – 9-1969 <i>5. Early 1941 – Sep 1969</i>	Việt Minh (19-5-1941); Tuyên ngôn Độc lập (2-9-1945); Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến (19-12-1946); Lời kêu gọi 17-7-1966; Di chúc <i>Việt Minh (19 May 1941); Declaration of Independence (2 Sep 1945); Appeal for Nationwide Resistance (19 Dec 1946); Appeal of 17 Jul 1966; the Testament</i>	Tiếp tục phát triển, hoàn thiện, soi đường cho cách mạng <i>Continues to develop and mature, lighting the way for the revolution</i>

PHẢI THUỘC / MEMORISE — Năm mốc ranh giới: **1911 – 1920 – 1930 – 1941 – 1969**. Tên năm thời kỳ theo một chữ khóa: **Yêu nước → Tìm đường → Hình thành → Thử thách → Hoàn thiện**.

Five boundary years: 1911 – 1920 – 1930 – 1941 – 1969. Name the five periods by one key word each: Patriotism → Finding the path → Formation → Trials → Maturity.

Thời kỳ 1 (trước 5-6-1911): hình thành tư tưởng yêu nước, chí hướng tìm đường cứu nước mới — *Period 1 (before 5 June 1911): patriotism and the resolve to find a new path*

Yếu tố <i>Factor</i>	Nội dung <i>Content</i>
Quê hương, gia đình <i>Homeland, family</i>	Nghệ An giàu truyền thống yêu nước. Cha, cụ Nguyễn Sinh Sắc, đỗ phó bảng, coi quan trường là cảnh nô lệ, dặn con không theo lối nhà quan; mẹ, cụ Hoàng Thị Loan, tần tảo, nhân hậu <i>Nghệ An, rich in patriotism. His father Nguyễn Sinh Sắc, a phó bảng graduate, saw officialdom as servitude and told his children to shun mandarin ways; his mother Hoàng Thị Loan was hard-working and kind</i>
Học tập <i>Schooling</i>	Học các thầy nho; tiếp xúc sách báo tiến bộ ở Vinh và kinh đô Huế <i>Taught by Confucian scholars; progressive books and papers in Vinh and the capital Huế</i>
Hành động <i>Action</i>	Tham gia chống thuế ở Trung Kỳ (1908); dạy học ở Trường Dục Thanh, Phan Thiết, truyền lòng yêu nước cho học trò (1910) <i>Joins the Centre tax protests (1908); teaches at Dục Thanh School, Phan Thiết, passing patriotism to pupils (1910)</i>

Nét riêng của Hồ Chí Minh thời trẻ là suy ngẫm về Tổ quốc và thời cuộc. Người khâm phục Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh, Hoàng Hoa Thám nhưng không đi theo phương pháp của các vị đó. Người muốn biết điều gì nằm sau sức mạnh của kẻ thù và học kinh nghiệm cách mạng thế giới. Ngày 5-6-1911, Người ra nước ngoài.

What set the young Hồ Chí Minh apart was reflection on the homeland and the times. He admired Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh and Hoàng Hoa Thám but did not follow their methods. He wanted to know what lay behind the enemy's strength and to learn from world revolutionary experience. On 5 June 1911 he went abroad.

Thời kỳ 2 (giữa 1911 – cuối 1920): dần hình thành tư tưởng giải phóng dân tộc theo con đường cách mạng vô sản — Period 2 (mid-1911 – end of 1920): the idea of liberation along the proletarian path takes shape

Mốc <i>Date</i>	Sự kiện <i>Event</i>	Bước tiến nhận thức <i>Step in understanding</i>
1911 – 1917 <i>1911 – 1917</i>	Từ Pháp đi nhiều nước trên thế giới <i>From France to many countries</i>	Nhân dân lao động các nước là bạn; chủ nghĩa đế quốc ở đâu cũng là kẻ bóc lột <i>Working people everywhere are friends; imperialism everywhere is the exploiter</i>
1917 <i>1917</i>	Trở lại Pháp, tham gia phong trào công nhân Pháp <i>Back in France, joins the French workers' movement</i>	Gắn đầu tranh chống thực dân với phong trào công nhân <i>Links anti-colonial struggle with the workers' movement</i>
1919 <i>1919</i>	Gia nhập Đảng Xã hội Pháp <i>Joins the French Socialist Party</i>	Theo lý tưởng Tự do, Bình đẳng, Bác ái <i>Follows the ideals of Liberty, Equality, Fraternity</i>
18-6-1919 <i>18 Jun 1919</i>	Ký tên Nguyễn Ái Quốc, gửi tới Hội nghị Vécxây bản Yêu sách của nhân dân An Nam <i>As Nguyễn Ái Quốc, sends the Demands of the Annamese People to the Versailles Conference</i>	Bước mới về quyền tự do, dân chủ; tiếng nói chính nghĩa đầu tiên của Việt Nam trên diễn đàn quốc tế <i>A new step on freedom and democracy; Vietnam's first voice of justice on the world stage</i>
7-1920 <i>Jul 1920</i>	Đọc Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa của Lênin <i>Reads Lenin's First draft of theses on the national and colonial questions</i>	Tìm thấy con đường cứu nước: cách mạng vô sản <i>Finds the path: proletarian revolution</i>
25 – 30-12-1920 <i>25 – 30 Dec 1920</i>	Đại hội Tua: bỏ phiếu theo Quốc tế Cộng sản, cùng lập Đảng Cộng sản Pháp <i>Tours Congress: votes for the Communist International, co-founds the French Communist Party</i>	Người cộng sản Việt Nam đầu tiên; yêu nước gắn với lập trường vô sản <i>The first Vietnamese communist; patriotism joined to the proletarian standpoint</i>

PHẢI THUỘC / MEMORISE — Hai mốc của bước ngoặt năm 1920: **tháng 7-1920** — tìm thấy con đường (Luận cương của Lênin); **tháng 12-1920** — trở thành người cộng sản (Đại hội Tua). Thực chất của bước ngoặt: người yêu nước đứng hẳn trên lập trường cách mạng vô sản.

*Two dates of the 1920 turning point: **July 1920** — finds the path (Lenin's Theses); **December 1920** — becomes a communist (Tours Congress). The turn: patriotism firmly joined to the proletarian revolutionary standpoint.*

LỖI HAY GẶP / COMMON MISTAKE — Ba nhầm lẫn: (1) Đảng Xã hội Pháp (1919) với Đảng Cộng sản Pháp (12-1920); (2) Yêu sách 18-6-1919 với Luận cương 7-1920 — Yêu sách mới đòi quyền tự do, dân chủ, chưa phải con đường cách mạng vô sản; (3) ghi “Nguyễn Tất Thành gửi Yêu sách” — bản Yêu sách ký tên **Nguyễn Ái Quốc**.

Three confusions: (1) the French Socialist Party (1919) with the French Communist Party (Dec 1920); (2) the Demands of 18 Jun 1919 with the Theses of Jul 1920 — the Demands asked for freedom and democracy, not yet the proletarian path; (3) writing “Nguyễn Tất Thành sent the Demands” — they were signed Nguyễn Ái Quốc.

Thời kỳ 3 (cuối 1920 – đầu 1930): hình thành những nội dung cơ bản về cách mạng Việt Nam — *Period 3 (end of 1920 – early 1930): the basic content on the Vietnamese revolution takes shape*

Mục tiêu, phương hướng của cách mạng giải phóng dân tộc được cụ thể hóa từng bước, qua ba kênh: báo chí, đào tạo cán bộ, xây dựng tổ chức. Đích đến là Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng.

The goals and direction of the liberation revolution were spelled out step by step through three channels: the press, training cadres and building organisation. The end point was the Party's first Political Platform.

Kênh <i>Channel</i>	Việc làm <i>Activity</i>	Kết quả <i>Result</i>
Báo chí <i>Press</i>	Viết cho L'Humanité; 1922 lập báo Le Paria, vừa chủ bút vừa lo phát hành sang các thuộc địa <i>Writes for L'Humanité; in 1922 founds Le Paria, as editor and distributor to the colonies</i>	Tổ cáo thực dân, thức tỉnh dân thuộc địa và nhân dân Pháp <i>Exposes colonialism, awakens colonial peoples and the French public</i>
Tổ chức quốc tế <i>International bodies</i>	1921 tham gia lập Hội liên hiệp thuộc địa; 1922 đứng đầu Tiểu ban nghiên cứu vấn đề thuộc địa trong Đảng Cộng sản Pháp <i>1921 co-founds the Intercolonial Union; 1922 heads the French Communist Party's sub-committee on colonial questions</i>	Liên kết các dân tộc thuộc địa <i>Links colonial peoples</i>
Lý luận <i>Theory</i>	Bản án chế độ thực dân Pháp (tiếng Pháp, Pari, 1925); Đường cách mệnh (Quảng Châu, 1927) <i>French Colonialism on Trial (in French, Paris, 1925); The Revolutionary Path (Guangzhou, 1927)</i>	Vạch bản chất thực dân; chuẩn bị chính trị, tư tưởng, tổ chức cho Đảng <i>Lays bare colonialism; prepares politics, ideology and organisation for the Party</i>
Tổ chức trong nước <i>Domestic organisation</i>	6-1925 lập Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên, ra báo Thanh niên bằng tiếng Việt <i>June 1925 founds the Revolutionary Youth League and its Vietnamese-language paper Thanh niên</i>	Truyền bá chủ nghĩa Mác – Lênin vào công nhân và người yêu nước <i>Spreads Marxism–Leninism among workers and patriots</i>

Kênh <i>Channel</i>	Việc làm <i>Activity</i>	Kết quả <i>Result</i>
Thành lập Đảng <i>Founding the Party</i>	Đầu năm 1930 chủ trì Hội nghị hợp nhất, thông qua các văn kiện do Người soạn <i>Early 1930 chairs the unification conference, which adopts documents he drafted</i>	Cương lĩnh chính trị đầu tiên; chấm dứt khủng hoảng đường lối và tổ chức lãnh đạo <i>The first Political Platform; ends the crisis of line and leadership</i>

Đường cách mệnh đúc kết kinh nghiệm các cuộc cách mạng tư sản Anh, Pháp, Mỹ, nhất là Cách mạng Tháng Mười, và nêu hai điểm cốt lõi: cách mạng phải có đảng cộng sản lấy chủ nghĩa Mác – Lênin làm cốt để lãnh đạo; lực lượng là toàn dân, nòng cốt là liên minh công nông.

The Revolutionary Path drew lessons from the British, French and American bourgeois revolutions and above all the October Revolution, and set two core points: the revolution needs a communist party with Marxism–Leninism at its core to lead it; its force is the whole people with the worker–peasant alliance at the core.

Nội dung Cương lĩnh đầu tiên <i>Element of the first Platform</i>	Cụ thể <i>Detail</i>
Mục tiêu, con đường <i>Goal and path</i>	“làm tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản” (Toàn tập, t.3, tr.1) <i>“carry out the bourgeois democratic revolution and the agrarian revolution to advance to communist society” (Complete Works, vol. 3, p. 1)</i>
Nhiệm vụ <i>Tasks</i>	“đánh đổ đế quốc Pháp, phong kiến An Nam và giai cấp tư sản phản cách mạng” (Toàn tập, t.3, tr.22) <i>“overthrow French imperialism, Annamese feudalism and the counter-revolutionary bourgeoisie” (Complete Works, vol. 3, p. 22)</i>
Ngọn cờ <i>Banner</i>	Độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội <i>National independence and socialism</i>
Lãnh đạo <i>Leadership</i>	Đảng Cộng sản Việt Nam <i>The Communist Party of Vietnam</i>
Lực lượng <i>Forces</i>	Đại đoàn kết toàn dân tộc, nòng cốt liên minh công nông <i>Great national unity with the worker–peasant alliance at the core</i>
Quốc tế <i>International</i>	Cách mạng Việt Nam là một bộ phận của cách mạng thế giới <i>Vietnam’s revolution is part of the world revolution</i>

PHẢI THUỘC / MEMORISE — Cương lĩnh chính trị đầu tiên giải quyết đúng quan hệ **giai cấp – dân tộc – quốc tế**, chấm dứt cuộc khủng hoảng về đường lối và tổ chức lãnh đạo kéo dài từ cuối thế kỷ XIX tới đầu năm 1930.

*The first Political Platform correctly handled the **class – nation – international** relation and ended the crisis of line and leadership that had lasted from the late 19th century to early 1930.*

Thời kỳ 4 (đầu 1930 – đầu 1941): vượt qua thử thách, giữ vững đường lối đúng đắn, sáng tạo — *Period 4 (early 1930 – early 1941): overcoming trials, upholding a correct and creative line*

Thử thách lớn nhất đến từ trong hàng ngũ cách mạng. Một số người trong Quốc tế Cộng sản và trong Đảng chịu ảnh hưởng quan điểm giáo điều tả khuynh xuất hiện ở Đại hội VI Quốc tế Cộng sản; họ không nắm tình hình thuộc địa và Đông Dương, nên phê phán tư tưởng trong Cương lĩnh đầu tiên là “hữu khuynh”, “dân tộc chủ nghĩa”.

The greatest trial came from within the revolutionary ranks. Some in the Comintern and in the Party, influenced by the leftist dogmatism of the Comintern’s 6th Congress and unaware of conditions in the colonies and Indochina, branded the ideas of the first Platform “rightist” and “nationalist”.

Tiêu chí <i>Criterion</i>	Cương lĩnh đầu năm 1930 <i>Early-1930 Platform</i>	Hội nghị Trung ương 10-1930 <i>October 1930 meeting</i>	Hội nghị Trung ương 11-1939 và 5-1941 <i>November 1939 and May 1941 meetings</i>
Nhiệm vụ đặt lên trước <i>Task put first</i>	Chống đế quốc, giành độc lập <i>Fight imperialism, win independence</i>	Phê phán là “chỉ lo đến việc phản đế mà quên mất lợi ích giai cấp tranh đấu” <i>Criticised it as “caring only about anti-imperialism and forgetting class struggle interests”</i>	Giải phóng dân tộc lên hàng đầu <i>National liberation first</i>
Ruộng đất, địa chủ <i>Land, landlords</i>	Phân biệt đại, trung, tiểu địa chủ <i>Distinguishes big, middle and small landlords</i>	Cho việc phân chia đó là không đúng <i>Calls that division wrong</i>	Tạm gác khẩu hiệu cách mạng điền địa <i>Sets aside the land-revolution slogan for now</i>
Văn kiện <i>Documents</i>	Do Nguyễn Ái Quốc khởi thảo <i>Drafted by Nguyễn Ái Quốc</i>	“Thủ tiêu chánh cương, sách lược và điều lệ Đảng” <i>“Annul the Party’s programme, strategy and statutes”</i>	Thực chất trở về quan điểm của Cương lĩnh 1930 <i>In substance a return to the 1930 Platform</i>

Tiêu chí <i>Criterion</i>	Cương lĩnh đầu năm 1930 <i>Early-1930 Platform</i>	Hội nghị Trung ương 10-1930 <i>October 1930 meeting</i>	Hội nghị Trung ương 11-1939 và 5-1941 <i>November 1939 and May 1941 meetings</i>
Tên Đảng, chính quyền <i>Party name, government</i>	Đảng Cộng sản Việt Nam <i>Communist Party of Vietnam</i>	Đổi thành Đảng Cộng sản Đông Dương <i>Renamed Indochinese Communist Party</i>	5-1941: bỏ Chính phủ Liên bang Cộng hòa dân chủ Đông Dương, thay bằng Chính phủ nhân dân nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa; lập Mặt trận Việt Minh <i>May 1941: drops an Indochinese federal government for a people's government of the Democratic Republic of Vietnam; founds the Việt Minh</i>

PHẢI THUỘC / MEMORISE — Nguồn hai câu của Hội nghị 10-1930: Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đảng: Toàn tập, t.2, tr.110-111. Hai câu này là lời **phê phán** Hồ Chí Minh, không phải quan điểm của Người.

Source of the two October 1930 phrases: Communist Party of Vietnam, Complete Party Documents, vol. 2, pp. 110-111. They are criticisms of Hồ Chí Minh, not his own views.

Mốc <i>Date</i>	Hồ Chí Minh làm gì <i>What Hồ Chí Minh did</i>
1934 <i>1934</i>	Thoát nhà tù thực dân Anh ở Hồng Kông, trở lại Liên Xô, học Trường Quốc tế Lenin, rồi làm nghiên cứu sinh ở Viện Nghiên cứu các vấn đề dân tộc và thuộc địa <i>Escapes a British colonial prison in Hong Kong, returns to the USSR, studies at the International Lenin School, then does research at the Institute for National and Colonial Questions</i>
1934 – 1938 <i>1934 – 1938</i>	Vẫn bị hiểu lầm về một số hoạt động và quan điểm <i>Still misunderstood over some activities and views</i>
6-6-1938 <i>6 Jun 1938</i>	Viết thư cho một lãnh đạo Quốc tế Cộng sản xin về nước hoạt động; đề nghị được chấp nhận <i>Writes to a Comintern leader asking to go home and work; the request is granted</i>
10-1938 <i>Oct 1938</i>	Rời Liên Xô, qua Trung Quốc <i>Leaves the USSR via China</i>
12-1940 <i>Dec 1940</i>	Về gần biên giới Việt – Trung, liên lạc với Trung ương, trực tiếp chỉ đạo <i>Near the Vietnam – China border, contacts the Central Committee, directs the movement</i>

Mốc Date	Hồ Chí Minh làm gì What Hồ Chí Minh did
1-1941 Jan 1941	Mở lớp huấn luyện cán bộ, viết Con đường giải phóng (phương pháp giành chính quyền); cuối tháng về nước <i>Runs cadre classes, writes The Road to Liberation (method of seizing power); returns home at month's end</i>
5-1941 May 1941	Chủ trì Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương ở Pác Bó (Hà Quảng, Cao Bằng) với tư cách cán bộ Quốc tế Cộng sản <i>Chairs the Central Committee meeting at Pác Bó (Hà Quảng, Cao Bằng) as a Comintern cadre</i>

PHẢI THUỘC / MEMORISE — Thư 6-6-1938: “Đừng để tôi sống quá lâu trong tình trạng không hoạt động và giống như là sống ở bên cạnh, ở bên ngoài của Đảng” (Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh: Hồ Chí Minh – Tiểu sử, tr.250).

Letter of 6 June 1938: “Do not let me live too long in inactivity, as if living beside and outside the Party” (Hồ Chí Minh National Academy of Politics: Hồ Chí Minh – A Biography, p. 250).

PHẢI THUỘC / MEMORISE — Hồ Chí Minh tại Hội nghị 5-1941: “Trong lúc này quyền lợi dân tộc giải phóng cao hơn hết thảy” (Toàn tập, t.3, tr.230). Nghị quyết Hội nghị: “Trong lúc này quyền lợi của bộ phận, của giai cấp phải đặt dưới sự sinh tử, tồn vong của quốc gia, của dân tộc” (Văn kiện Đảng toàn tập, t.7, tr.113).

Hồ Chí Minh at the May 1941 meeting: “At this moment the interests of national liberation are above everything” (Complete Works, vol. 3, p. 230). The resolution: “At this moment the interests of a section or a class must be placed below the life and death of the country and the nation” (Complete Party Documents, vol. 7, p. 113).

Nghị quyết tháng 5-1941 hoàn chỉnh sự chuyển hướng chiến lược mở từ Hội nghị Trung ương 11-1939. Từ hội nghị này, tư tưởng Hồ Chí Minh được Đảng Cộng sản Đông Dương khẳng định và trở thành yếu tố chỉ đạo cách mạng Việt Nam, dẫn tới Cách mạng Tháng Tám 1945.

The May 1941 resolution completed the strategic shift begun at the November 1939 meeting. From then on the Indochinese Communist Party affirmed Hồ Chí Minh Thought, which became the guiding factor of the Vietnamese revolution and led to the August Revolution of 1945.

LỖI HAY GẶP / COMMON MISTAKE — Ba lỗi: (1) ghi “Hội nghị 10-1930 lập Mặt trận Việt Minh” — Hội nghị 10-1930 **đổi tên Đảng**; chủ trương lập Việt Minh là của **Hội nghị 5-1941**; (2) ghi chuyển hướng “bắt đầu năm 1941” — chuyển hướng **mở từ 11-1939, hoàn chỉnh 5-1941**; (3) ghi Hội nghị 5-1941 họp ở Hương Cảng — họp ở **Pác Bó, Cao Bằng**.

*Three mistakes: (1) “the October 1930 meeting founded the Việt Minh” — that meeting **renamed the Party**; founding the Việt Minh was decided in **May 1941**; (2) “the shift began in 1941” — it **began in November 1939** and was **completed in May 1941**; (3) placing the May 1941 meeting in Hong Kong — it met at **Pác Bó, Cao Bằng**.*

Thời kỳ 5 (đầu 1941 – 9-1969): tiếp tục phát triển, hoàn thiện, soi đường cho cách mạng — Period 5 (early 1941 – September 1969): further development and maturity, lighting the way

Trong thời kỳ này tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối của Đảng về cơ bản thống nhất. Qua làm việc với cán bộ, địa phương, bộ, ngành, Người nhiều lần nêu quan điểm đi trước thời gian, về sau được Đảng làm rõ và phát triển.

In this period Hồ Chí Minh Thought and the Party line were basically one. Working with cadres, localities, ministries and sectors, he repeatedly put forward views ahead of their time, later clarified and developed by the Party.

Giai đoạn <i>Stage</i>	Mốc, sự kiện <i>Dates and events</i>	Tư tưởng phát triển <i>Thought developed</i>
1941 – 1945 <i>1941 – 1945</i>	19-5-1941 Việt Minh; 22-12-1944 Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân; 18-8-1945 Lời kêu gọi Tổng khởi nghĩa; 2-9-1945 Tuyên ngôn Độc lập <i>19 May 1941 Việt Minh; 22 Dec 1944 Propaganda Liberation Army; 18 Aug 1945 Call for General Uprising; 2 Sep 1945 Declaration of Independence</i>	Chớp thời cơ giành chính quyền; mở kỷ nguyên độc lập dân tộc gắn với chủ nghĩa xã hội <i>Seizing the moment to take power; opening the era of independence linked with socialism</i>
2-9-1945 – 19-12-1946 <i>2 Sep 1945 – 19 Dec 1946</i>	Chính quyền non trẻ trong thế “ngàn cân treo sợi tóc” <i>The young government “hanging by a hair”</i>	“Dĩ bất biến, ứng vạn biến”; lợi dụng mâu thuẫn kẻ thù; nhân nhượng có nguyên tắc; thêm bạn bớt thù <i>“Use the unchanging to respond to the ever-changing”; exploiting enemy rifts; principled concession; more friends, fewer foes</i>
1946 – 1954 <i>1946 – 1954</i>	19-12-1946 Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến; 1954 kháng chiến chống Pháp thắng lợi <i>19 Dec 1946 Appeal for Nationwide Resistance; 1954 victory over France</i>	Kháng chiến lâu dài, toàn dân, toàn diện, tự lực cánh sinh; hoàn thiện lý luận cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân; bước đầu hình thành tư tưởng xây dựng chủ nghĩa xã hội <i>Long, all-people, all-round, self-reliant resistance; mature theory of the people’s national democratic revolution; first ideas on building socialism</i>
1954 – 1969 <i>1954 – 1969</i>	Miền Bắc quá độ lên chủ nghĩa xã hội; 17-7-1966 Lời kêu gọi đồng bào và chiến sĩ cả nước; Di chúc <i>The North enters the transition to socialism; 17 Jul 1966 Appeal to compatriots and fighters; the Testament</i>	Cùng lúc hai nhiệm vụ chiến lược ở hai miền; hoàn thiện quan điểm về chính trị, kinh tế, quân sự, văn hóa, đạo đức, đối ngoại <i>Two strategic tasks at once in two regions; mature views on politics, economy, military affairs, culture, ethics and foreign relations</i>

“Đĩ bất biến, ứng vạn biến” 1945 – 1946 <i>“Unchanging core, changing response” 1945 – 1946</i>	Nội dung <i>Content</i>
Cái bất biến <i>The unchanging</i>	Chủ quyền, độc lập dân tộc; tự do, ấm no, hạnh phúc của nhân dân <i>Sovereignty and national independence; the people’s freedom, sufficiency and happiness</i>
Cái vạn biến (giai đoạn đầu) <i>The changing (first phase)</i>	Tạm hòa hoãn với Tưởng để rảnh tay đối phó với thực dân Pháp <i>A temporary truce with Chiang to free hands against France</i>
Cái vạn biến (giai đoạn sau) <i>The changing (later phase)</i>	Tạm hòa hoãn với Pháp để đuổi quân Tưởng và tay sai về nước, tranh thủ thời gian chuẩn bị kháng chiến <i>A temporary truce with France to send Chiang’s troops and their agents home and gain time to prepare resistance</i>

Cách mạng Tháng Tám lật đổ chế độ phong kiến hơn nghìn năm, ách thống trị của thực dân Pháp hơn 80 năm, giành độc lập trực tiếp từ tay phát xít Nhật. Đây là thắng lợi lớn đầu tiên mà chủ nghĩa Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh đem lại trên đất Việt Nam.

The August Revolution overthrew more than a thousand years of monarchy and more than 80 years of French rule and took independence directly from the Japanese fascists. The textbook rates it the first great victory of Marxism–Leninism and Hồ Chí Minh Thought in Vietnam.

PHẢI THUỘC / MEMORISE — Lời kêu gọi 17-7-1966 nêu chân lý: “**Không có gì quý hơn độc lập, tự do**”, và hẹn: “Đến ngày thắng lợi, nhân dân ta sẽ xây dựng lại đất nước ta đàng hoàng hơn, to đẹp hơn!” (Toàn tập, t.15, tr.131).

The appeal of 17 July 1966 stated the truth “Nothing is more precious than independence and freedom” and promised: “On the day of victory our people will rebuild our country more dignified and more beautiful!” (Complete Works, vol. 15, p. 131).

PHẢI THUỘC / MEMORISE — Di chúc — mong muốn cuối cùng: “Toàn Đảng, toàn dân ta đoàn kết phấn đấu, xây dựng một nước Việt Nam hoà bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh, và góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng thế giới” (Toàn tập, t.15, tr.624).

The Testament — his last wish: “Our whole Party and people, closely united, shall build a peaceful, unified, independent, democratic and prosperous Vietnam and make a worthy contribution to the world revolution” (Complete Works, vol. 15, p. 624).

VÍ DỤ / EXAMPLE — Mẹo nhớ năm tính từ của Di chúc theo nhịp “**Hòa – Thống – Độc – Dân – Giàu**”: hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ, giàu mạnh. Thứ tự này khác Lời kêu gọi 1966 (độc lập đứng trước tự do).

Remember the five adjectives of the Testament as “Peace – Unity – Independence – Democracy – Prosperity”. The order differs from the 1966 appeal (independence before freedom).

Sau khi Người qua đời, Đảng tiếp tục vận dụng tư tưởng của Người: miền Bắc xây dựng chủ nghĩa xã hội, miền Nam hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân; từ năm 1975 cả nước hòa bình, thống nhất, đi lên chủ nghĩa xã hội; nay là sự nghiệp Đổi Mới.

After his death the Party went on applying his thought: the North built socialism, the South completed the people's national democratic revolution; from 1975 the whole country, at peace and reunified, moved towards socialism; today it is the Đổi Mới (Renovation) cause.

Bảng các tác phẩm, văn kiện chính của Hồ Chí Minh nêu trong chương — Table of Hồ Chí Minh's main works and documents cited in this chapter

Năm <i>Year</i>	Tác phẩm, văn kiện <i>Work or document</i>	Nơi, hình thức <i>Place, form</i>	Nội dung chính <i>Main point</i>
18-6-1919 <i>18 Jun 1919</i>	Yêu sách của nhân dân An Nam <i>Demands of the Annamese People</i>	Gửi Hội nghị Vécxây, ký tên Nguyễn Ái Quốc <i>Sent to Versailles, signed Nguyễn Ái Quốc</i>	Đòi quyền tự do, dân chủ cho người Việt <i>Freedom and democracy for Vietnamese</i>
8-1919 <i>Aug 1919</i>	Vấn đề dân bản xứ <i>The Native Question</i>	Báo L'Humanité <i>L'Humanité</i>	Tố cáo chế độ thuộc địa <i>Indicts the colonial regime</i>
4-11-1920 <i>4 Nov 1920</i>	Ở Đông Dương <i>In Indochina</i>	Báo L'Humanité <i>L'Humanité</i>	Tố cáo chế độ thuộc địa <i>Indicts the colonial regime</i>
1922 <i>1922</i>	Báo Le Paria <i>Le Paria newspaper</i>	Pari, tiếng Pháp <i>Paris, in French</i>	Thức tỉnh dân thuộc địa <i>Awakens colonial peoples</i>
1925 <i>1925</i>	Bản án chế độ thực dân Pháp <i>French Colonialism on Trial</i>	Pari, tiếng Pháp <i>Paris, in French</i>	Vạch bản chất, thủ đoạn của thực dân Pháp <i>Lays bare French colonial methods</i>
6-1925 <i>Jun 1925</i>	Báo Thanh niên <i>Thanh niên newspaper</i>	Tiếng Việt, cơ quan của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên <i>In Vietnamese, organ of the Youth League</i>	Truyền bá chủ nghĩa Mác – Lênin <i>Spreads Marxism–Leninism</i>
1927 <i>1927</i>	Đường cách mệnh <i>The Revolutionary Path</i>	Quảng Châu, Trung Quốc <i>Guangzhou, China</i>	Đảng lấy chủ nghĩa Mác – Lênin làm cốt; lực lượng toàn dân, nòng cốt công nông <i>A party with Marxism–Leninism at its core; the whole people, worker–peasant core</i>

Năm <i>Year</i>	Tác phẩm, văn kiện <i>Work or document</i>	Nơi, hình thức <i>Place, form</i>	Nội dung chính <i>Main point</i>
Đầu 1930 <i>Early 1930</i>	Cương lĩnh chính trị đầu tiên <i>First Political Platform</i>	Hội nghị hợp nhất <i>Unification conference</i>	Độc lập dân tộc gắn với chủ nghĩa xã hội <i>Independence linked with socialism</i>
1-1941 <i>Jan 1941</i>	Con đường giải phóng <i>The Road to Liberation</i>	Gần biên giới Việt – Trung <i>Near the Vietnam – China border</i>	Phương pháp cách mạng giành chính quyền <i>Revolutionary method of seizing power</i>
2-9-1945 <i>2 Sep 1945</i>	Tuyên ngôn Độc lập <i>Declaration of Independence</i>	Hà Nội <i>Hà Nội</i>	Khai sinh nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa <i>Birth of the Democratic Republic of Vietnam</i>
19-12-1946 <i>19 Dec 1946</i>	Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến <i>Appeal for Nationwide Resistance</i>	Lời kêu gọi <i>Appeal</i>	Thà hy sinh tất cả chứ không chịu mất nước, không chịu làm nô lệ <i>Sacrifice all rather than lose the country or be enslaved</i>
1947 <i>1947</i>	Thư gửi Hội Phật tử <i>Letter to the Buddhist Association</i>	Thư <i>Letter</i>	Đoàn kết đồng bào Phật giáo kháng chiến <i>Uniting Buddhists for the resistance</i>
17-7-1966 <i>17 Jul 1966</i>	Lời kêu gọi đồng bào và chiến sĩ cả nước <i>Appeal to compatriots and fighters nationwide</i>	Lời kêu gọi <i>Appeal</i>	Không có gì quý hơn độc lập, tự do <i>Nothing is more precious than independence and freedom</i>
Trước 9-1969 <i>Before Sep 1969</i>	Di chúc <i>Testament</i>	Văn kiện để lại <i>Final document</i>	Mong muốn cuối cùng về một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ, giàu mạnh <i>Last wish for a peaceful, unified, independent, democratic, prosperous Vietnam</i>

LỖI HAY GẶP / COMMON MISTAKE — Nhầm cặp tác phẩm – năm – nơi: **Bản án chế độ thực dân Pháp — 1925 — Paris; Đường cách mệnh — 1927 — Quảng Châu; Con đường giải phóng — 1-1941**. Lỗi thường gặp nhất là đảo năm 1925 và 1927, hoặc cho Đường cách mệnh in ở Paris.

*Mixing up work – year – place: **French Colonialism on Trial — 1925 — Paris; The Revolutionary Path — 1927 — Guangzhou; The Road to Liberation — January 1941**. The commonest error is swapping 1925 and 1927 or placing The Revolutionary Path in Paris.*

2.5. Giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh — The value of Hồ Chí Minh Thought

Đối với cách mạng Việt Nam — For the Vietnamese revolution

Luận điểm <i>Thesis</i>	Nội dung <i>Content</i>	Minh chứng <i>Evidence</i>
Đưa cách mạng giải phóng dân tộc tới thắng lợi, bắt đầu xây dựng xã hội mới <i>Led the liberation revolution to victory and began building a new society</i>	Tìm ra con đường cứu nước; lập và rèn luyện Đảng; mở thời đại độc lập dân tộc gắn với chủ nghĩa xã hội <i>Found the path; founded and trained the Party; opened the era of independence linked with socialism</i>	Cách mạng Tháng Tám 1945; kháng chiến chống Pháp; xây dựng miền Bắc; thống nhất năm 1975 <i>The August Revolution of 1945; the resistance against France; building the North; reunification in 1975</i>
Hệ thống quan điểm lý luận về cách mạng Việt Nam <i>A system of theoretical views on Vietnam's revolution</i>	Chiến lược, sách lược cho hai cuộc cách mạng: dân tộc dân chủ nhân dân và xã hội chủ nghĩa; xây dựng Đảng cầm quyền, Nhà nước của dân, do dân, vì dân, Mặt trận, đại đoàn kết gắn với đoàn kết quốc tế <i>Strategy and tactics of the people's national democratic and socialist revolutions; building a ruling Party, a state of, by and for the people, the Front, great national unity tied to international solidarity</i>	Là “hệ thống mở”, được Đảng tiếp tục vận dụng, bổ sung trong Đổi Mới <i>An “open system” the Party keeps applying and enriching in Đổi Mới</i>
Nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam <i>Ideological foundation and compass</i>	Lần đầu tiên tư tưởng soi đường cho cách mạng Việt Nam là của chính người Việt Nam <i>For the first time the thought guiding Vietnam's revolution was that of a Vietnamese</i>	Làm đúng thì thắng lợi, xa rời hoặc làm sai thì tổn thất, thất bại <i>Following it brings victory; straying or erring brings losses and defeat</i>

- Đại hội VII (1991) lần đầu nêu: “Đảng lấy chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động” (Văn kiện Đại hội VII, tr.127). Đại hội XII tổng kết 86 năm hoạt động của Đảng và khẳng định lại.
The 7th Congress (1991) first stated: “The Party takes Marxism–Leninism and Hồ Chí Minh Thought as its ideological foundation and guide for action” (7th Congress Documents, p. 127). The 12th Congress, summing up 86 years of the Party, reaffirmed it.

PHẢI THUỘC / MEMORISE — Đại hội XII: “Tư tưởng của Người, cùng với chủ nghĩa Mác - Lênin là nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động của Đảng và cách mạng Việt Nam, là tài sản tinh thần vô cùng to lớn và quý giá của Đảng và dân tộc ta, mãi mãi soi đường cho sự nghiệp cách mạng của Đảng và nhân dân ta” (Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, tr.7-8).

12th Congress: “His thought, together with Marxism–Leninism, is the ideological foundation and guide for action of the Party and the Vietnamese revolution, an immense and precious spiritual asset

of the Party and nation, forever lighting the way for the revolutionary cause of the Party and people” (Documents of the 12th National Congress, pp. 7-8).

Đối với sự phát triển tiến bộ của nhân loại — *For the progress of humankind*

C. Mác cho rằng mỗi thời đại cần những vĩ nhân của nó, và nếu chưa có thì thời đại sẽ tạo ra họ. Hồ Chí Minh vừa là sản phẩm của dân tộc Việt Nam vừa là sản phẩm của thời đại và của nhân loại tiến bộ; Người là gương mặt tiêu biểu nhất của phong trào giải phóng dân tộc thế kỷ XX.

Marx held that every era needs its great figures and, lacking them, creates them. Hồ Chí Minh was a product of the Vietnamese nation and equally of his era and of progressive humankind, the emblematic national liberation hero of the 20th century.

Cống hiến <i>Contribution</i>	Nội dung <i>Content</i>	Ý nghĩa quốc tế <i>International meaning</i>
Mở con đường giải phóng dân tộc gắn với tiến bộ xã hội (cống hiến lý luận lớn đầu tiên) <i>A path of national liberation linked with social progress (his first great theoretical contribution)</i>	Theo con đường cách mạng vô sản; toàn dân tiến hành, nòng cốt công nông, Đảng Cộng sản lãnh đạo; chủ động, có thể thắng trước cách mạng vô sản ở chính quốc; bạo lực cách mạng kết hợp đấu tranh chính trị của quần chúng với đấu tranh vũ trang <i>The proletarian path; carried out by the whole people with a worker-peasant core under the Communist Party; active, able to win before the metropolitan proletarian revolution; revolutionary violence combining mass political struggle with armed struggle</i>	Người đi tiên phong trong phong trào dẫn tới tan rã hệ thống thuộc địa <i>A pioneer of the movement that broke up the colonial system</i>
Đấu tranh vì độc lập, dân chủ, hòa bình, hợp tác, phát triển <i>Struggle for independence, democracy, peace, cooperation and development</i>	Người đầu tiên ở Việt Nam coi hợp tác quốc tế là xu thế tất yếu của thời đại; từ những năm 20 kêu gọi các dân tộc nhỏ yếu đoàn kết chống chính sách “chia để trị” <i>The first Vietnamese to see international cooperation as an inevitable trend; from the 1920s urged small, weak nations to unite against “divide and rule”</i>	Hợp tác để giành độc lập, xóa nghèo nàn, lạc hậu, theo kịp các nước tiên tiến <i>Cooperation to win independence, end poverty and backwardness and catch up with advanced nations</i>

PHẢI THUỘC / MEMORISE — “Làm bạn với tất cả mọi nước dân chủ và không gây thù oán với một ai” (Hồ Chí Minh: Toàn tập, t.5, tr.256). Nguyên tắc đi kèm: giữ vững độc lập, chủ quyền; bình đẳng cùng có lợi; kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại; không quên nghĩa vụ quốc tế.

“Be friends with all democratic countries and make enemies of no one” (Hồ Chí Minh: Complete Works, vol. 5, p. 256). Accompanying principles: keep independence and sovereignty; equality and mutual benefit; combine national strength with the strength of the era; do not forget international duty.

PHẢI THUỘC / MEMORISE — UNESCO: Khóa họp lần thứ 24 Đại hội đồng UNESCO ở Pari (20-10 đến 20-11-1987) ra **Nghị quyết 24C/18.6.5** về kỷ niệm 100 năm ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh, ghi nhận năm 1990 là dịp kỷ niệm Người là “anh hùng giải phóng dân tộc và nhà văn hoá kiệt xuất của Việt Nam”.

*UNESCO: the 24th session of the UNESCO General Conference in Paris (20 October – 20 November 1987) adopted **Resolution 24C/18.6.5** on the centenary of President Hồ Chí Minh’s birth, noting 1990 as the anniversary of “a hero of national liberation and an outstanding man of culture of Vietnam”.*

LỖI HAY GẶP / COMMON MISTAKE — Hai lỗi về UNESCO: (1) ghi năm nghị quyết là 1990 — nghị quyết ra năm **1987**, còn **1990** là năm kỷ niệm 100 năm ngày sinh; (2) chép cụm “Danh nhân văn hóa thế giới” như lời nghị quyết — lời nghị quyết là “**nhà văn hoá kiệt xuất của Việt Nam**”; cụm “Danh nhân văn hóa thế giới” nằm trong văn kiện Đại hội XII của Đảng.

*Two UNESCO mistakes: (1) dating the resolution 1990 — it was adopted in **1987**; **1990** is the centenary year; (2) quoting “World Cultural Luminary” as the resolution’s words — the resolution says “**an outstanding man of culture of Vietnam**”; “World Cultural Luminary” comes from the Party’s 12th Congress documents.*

Từ lý luận đến vận dụng hiện nay — *From theory to present-day application*

Lý luận trong chương <i>Idea from this chapter</i>	Vận dụng hiện nay <i>Present-day application</i>
Tiếp thu tinh hoa nhân loại có chọn lọc, giữ cốt cách dân tộc <i>Absorb the best of the world selectively, keep the national character</i>	Hội nhập quốc tế sâu rộng; Nghị quyết 57-NQ/TW (22/12/2024) về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia <i>Deep international integration; Resolution 57-NQ/TW (22 December 2024) on breakthroughs in science, technology, innovation and national digital transformation</i>
Vận dụng sáng tạo, chống giáo điều (bài học 1930 – 1941) <i>Creative application, against dogmatism (lesson of 1930 – 1941)</i>	Đổi Mới từ 1986: đổi mới tư duy, xuất phát từ thực tiễn Việt Nam; Nghị quyết 68-NQ/TW (4/5/2025) về phát triển kinh tế tư nhân <i>Đổi Mới since 1986: renewed thinking rooted in Vietnamese reality; Resolution 68-NQ/TW (4 May 2025) on developing the private economy</i>
Dân là gốc; chính quyền của dân <i>The people are the root; a government of the people</i>	Sắp xếp bộ máy, chính quyền gần dân hơn: Nghị quyết 202/2025/QH15, 34 đơn vị hành chính cấp tỉnh từ 1/7/2025 <i>Streamlining the apparatus to bring government closer to citizens: Resolution 202/2025/QH15, 34 provincial-level units from 1 July 2025</i>
“Đi bất biến, ứng vạn biến”; làm bạn với tất cả <i>“Unchanging core, changing response”; friends with all</i>	Đối ngoại độc lập, tự chủ, đa phương hóa, đa dạng hóa <i>An independent, self-reliant, multilateral and diversified foreign policy</i>

Lý luận trong chương <i>Idea from this chapter</i>	Vận dụng hiện nay <i>Present-day application</i>
Nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam <i>Ideological foundation and compass</i>	Đại hội XIII (25/1 – 1/2/2021) và Đại hội XIV (19 – 23/1/2026) tiếp tục kiên định chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh <i>The 13th (25 Jan – 1 Feb 2021) and 14th (19 – 23 Jan 2026) Congresses keep holding firm to Marxism–Leninism and Hồ Chí Minh Thought</i>
Tự học, học ở mọi nơi, học bằng nhiều ngôn ngữ <i>Self-study, learning everywhere and in many languages</i>	Sinh viên học ngoại ngữ, kỹ năng số, học qua dự án thực tế, tình nguyện <i>Students learn languages and digital skills, learn through real projects and volunteering</i>

2.6. Bài tập vận dụng có lời giải — *Applied exercises with solutions*

Bài 1. Ứng dụng giao đồ ăn chép nguyên mẫu nước ngoài — *Exercise 1. A food-delivery app copied wholesale from abroad*

Năm sinh viên ở Đà Nẵng lập một ứng dụng giao đồ ăn, sao y mô hình của một siêu ứng dụng nước ngoài: chỉ nhận thanh toán bằng thẻ tín dụng quốc tế, thực đơn chỉ có tiếng Anh, giờ giao hàng kéo dài tới 2 giờ sáng. Sau ba tháng ứng dụng có 214 người dùng, phần lớn là khách du lịch. Một thành viên đề nghị bỏ hẳn ứng dụng, quay về nhận đơn qua điện thoại và ghi sổ tay “như các quán vẫn làm”. Hai bên tranh cãi, nhóm đứng trước nguy cơ tan rã. Vận dụng quan điểm của Hồ Chí Minh về cách tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại và cách vận dụng lý luận vào hoàn cảnh cụ thể để phân tích hai phương án và đề xuất hướng đi.

Five students in Đà Nẵng launch a food-delivery app that copies a foreign super-app exactly: payment by international credit card only, an English-only menu, deliveries until 2 a.m. After three months it has 214 users, mostly tourists. One member proposes dropping the app and going back to taking orders by phone and writing them in a notebook “as eateries always have”. The team splits and may break up. Using Hồ Chí Minh’s views on absorbing the best of world culture and on applying theory to concrete conditions, analyse both options and propose a way forward.

- Xác định chuẩn đo lường: Hồ Chí Minh tiếp thu Nho, Phật, Lão, tư tưởng khai sáng phương Tây và chủ nghĩa Mác – Lênin theo lối có chọn lọc, có phê phán; điều hay thì học, điều không hợp thì bỏ (Toàn tập, t.6, tr.356-357). Người đứng trên lập trường, phương pháp Mác – Lênin để đưa cái học được vào điều kiện riêng của Việt Nam.
Set the yardstick: Hồ Chí Minh took in Confucianism, Buddhism, Taoism, Western Enlightenment thought and Marxism–Leninism selectively and critically; keep what is good, drop what does not fit (Complete Works, vol. 6, pp. 356-357). He stood on the Marxist–Leninist standpoint and method to fit what he learned into Vietnam’s own conditions.
- Phương án sao y mô hình nước ngoài mắc lỗi giáo điều: áp nguyên khuôn mẫu ra đời ở nơi khác vào một thị trường có thói quen thanh toán, ngôn ngữ, giờ sinh hoạt khác. Lỗi này cùng kiểu với Hội nghị Trung ương tháng 10-1930: theo nguyên chỉ thị bên

ngoài, không xét tình hình Đông Dương, nên bác bỏ một Cương lĩnh đúng.

The copy-exactly option is dogmatic: a template born elsewhere is forced onto a market with different payment habits, language and daily hours. It is the same kind of error as the October 1930 Central Committee meeting, which followed outside instructions without studying Indochina and so rejected a correct Platform.

3. Phương án bỏ hẳn công nghệ mắc lỗi ngược lại: khép kín, coi cái của mình là đủ. Hồ Chí Minh làm khác: Người ra đi tìm hiểu “những gì ẩn giấu sau sức mạnh của kẻ thù”, học bằng ngôn ngữ của nhiều nước, rồi đem cái học được về phục vụ dân tộc.

The drop-the-tech option makes the opposite error: closing in and treating one's own ways as enough. Hồ Chí Minh did otherwise: he went abroad to find out what lay behind the enemy's strength, studied in many languages, and brought what he learned home to serve the nation.

4. Đề xuất: giữ phần lõi công nghệ (đặt món, định vị, chấm điểm quán); đổi phần “vỏ” theo người dùng Việt: thêm mã QR ngân hàng, ví điện tử và tiền mặt, thực đơn tiếng Việt, khung giờ cao điểm 10–13 giờ và 17–20 giờ; phỏng vấn 50 chủ quán và 100 sinh viên trước khi sửa. Đây là cách “học ở nhân dân” mà Hồ Chí Minh dùng suốt đời hoạt động.

Proposal: keep the technical core (ordering, location, shop ratings); change the “shell” for Vietnamese users: add bank QR codes, e-wallets and cash, a Vietnamese menu, peak slots of 10–13 h and 17–20 h; interview 50 shop owners and 100 students before changing anything. That is the “learning from the people” Hồ Chí Minh practised all his life.

Bài 2. Hai bài đăng xuyên tạc nguồn gốc tư tưởng Hồ Chí Minh — Exercise 2. Two posts distorting the sources of Hồ Chí Minh Thought

Trên một trang mạng xã hội có khoảng 300.000 người theo dõi xuất hiện hai bài đăng. Bài thứ nhất viết: “Tư tưởng Hồ Chí Minh chỉ là bản dịch chủ nghĩa Mác – Lênin, không có gì của người Việt.” Bài thứ hai viết ngược lại: “Hồ Chí Minh chỉ là người dân tộc chủ nghĩa, khoác áo cộng sản cho có.” Một nhóm sinh viên được giao viết bình luận phản biện cả hai bài, dài không quá 300 chữ, có dẫn nguồn. Lập dàn ý và nêu luận cứ.

On a social-media page with some 300,000 followers two posts appear. The first says: “Hồ Chí Minh Thought is only a translation of Marxism–Leninism; nothing in it is Vietnamese.” The second says the opposite: “Hồ Chí Minh was only a nationalist wearing a communist coat for show.” A group of students must write a rebuttal of both, no longer than 300 words, with sources. Draft the outline and the arguments.

1. Chỉ ra điểm chung của hai bài: cả hai cắt rời một nguồn ra khỏi toàn bộ cơ sở hình thành. Tư tưởng Hồ Chí Minh có ba nhóm cơ sở: thực tiễn Việt Nam và thế giới; lý luận (truyền thống dân tộc, tinh hoa văn hóa nhân loại, chủ nghĩa Mác – Lênin); nhân tố chủ quan của Người.

Show what the two posts share: each cuts one source away from the whole foundation. Hồ Chí Minh Thought has three groups of foundations: Vietnamese and world practice; theory (national tradition, the best of world culture, Marxism–Leninism); his own subjective factor.

2. Phản bác bài thứ nhất: chủ nghĩa yêu nước là điểm xuất phát và động lực đưa Người ra đi tìm đường cứu nước; Người còn kế thừa Nho, Phật, Lão, chủ nghĩa Tam dân.

Người bỏ sung, phát triển chủ nghĩa Mác – Lênin, ví dụ luận điểm cách mạng giải phóng dân tộc ở thuộc địa có thể thắng lợi trước cách mạng vô sản ở chính quốc. Lần đầu tiên tư tưởng soi đường cho cách mạng Việt Nam là của chính một người Việt Nam.

Rebut the first post: patriotism was the starting point and the driving force that sent him abroad; he also drew on Confucianism, Buddhism, Taoism and the Three Principles of the People. He added to and developed Marxism–Leninism, for example the thesis that a colonial liberation revolution can win before the proletarian revolution in the mother country. For the first time the thought guiding Vietnam’s revolution was that of a Vietnamese.

3. Phản bác bài thứ hai: tháng 12-1920 tại Đại hội Tua, Người bỏ phiếu theo Quốc tế Cộng sản và cùng lập ra Đảng Cộng sản Pháp; Người khẳng định chủ nghĩa Lênin là “chân chính nhất, chắc chắn nhất, cách mạng nhất” (Toàn tập, t.2, tr.289) và gọi chủ nghĩa Mác – Lênin là “vũ khí không gì thay thế được” (Toàn tập, t.15, tr.589-590).
Rebut the second post: in December 1920 at the Tours Congress he voted for the Communist International and helped found the French Communist Party; he called Leninism “the most genuine, the most certain, the most revolutionary” doctrine (Complete Works, vol. 2, p. 289) and Marxism–Leninism “the irreplaceable weapon” (Complete Works, vol. 15, pp. 589-590).
4. Giải thích nguồn gốc nhãn “dân tộc chủ nghĩa”: năm 1930, do chịu ảnh hưởng giáo điều tả khuynh từ Đại hội VI Quốc tế Cộng sản, một số người phê phán quan điểm của Người là “hữu khuynh”, “dân tộc chủ nghĩa”. Từ Hội nghị Trung ương tháng 11-1939 đến tháng 5-1941, Đảng trở về đúng quan điểm Người nêu năm 1930, và thực tiễn Cách mạng Tháng Tám chứng minh quan điểm đó đúng.
Explain where the “nationalist” label came from: in 1930, under the leftist dogmatism of the Comintern’s 6th Congress, some people branded his views “rightist” and “nationalist”. From the November 1939 to the May 1941 Central Committee meetings the Party returned to the views he had set out in 1930, and the August Revolution proved them right.

2.7. Câu hỏi tự luận và dàn ý trả lời — Essay questions and answer outlines

Câu 1. Vì sao đến đầu thế kỷ XX phong trào yêu nước Việt Nam rơi vào khủng hoảng đường lối cứu nước? Thực tiễn trong nước và thế giới lúc đó tác động thế nào đến sự lựa chọn con đường của Hồ Chí Minh?

Question 1. Why did Vietnam’s patriotic movement fall into a crisis over the path to national salvation by the early 20th century? How did domestic and world conditions at that time shape the path Hồ Chí Minh chose?

- Pháp xâm lược từ 1858; triều Nguyễn ký các hiệp ước đầu hàng; các cuộc khởi nghĩa cuối thế kỷ XIX (có phong trào Cần Vương) đều thất bại → hệ tư tưởng phong kiến bất lực.

France invaded from 1858; the Nguyễn court signed surrender treaties; the late-19th-century uprisings (including Cần Vương) all failed → feudal ideology had run its course.

- Khai thác thuộc địa làm xã hội thành “thuộc địa và phong kiến”; xuất hiện công nhân, tư sản, tiểu tư sản; thêm mâu thuẫn mới, nổi bật là toàn thể dân tộc với đế quốc Pháp.

Colonial exploitation turned society into a “colonial and feudal” one; workers, bourgeoisie and petty bourgeoisie appeared; new contradictions arose, above all the whole nation versus French imperialism.

- Các phong trào theo khuynh hướng dân chủ tư sản (Đông Du, Duy Tân, Đông Kinh Nghĩa Thục, chống sưu thuế 1908) thất bại: nguyên nhân sâu xa là tư sản non yếu, trực tiếp là thiếu đường lối, phương pháp đúng.
The bourgeois-democratic movements (Đông Du, Duy Tân, Đông Kinh Nghĩa Thục, the 1908 tax protests) failed: the underlying cause was a weak bourgeoisie, the direct cause the lack of a correct line and method.
- Thế giới: chủ nghĩa tư bản sang giai đoạn đế quốc, ba mâu thuẫn lớn gay gắt; Cách mạng Tháng Mười 1917 mở ra thời đại mới; Quốc tế Cộng sản ra đời 2-3-1919.
The world: capitalism entered its imperialist stage, three major contradictions sharpened; the October Revolution of 1917 opened a new era; the Communist International was founded on 2 March 1919.
- Tác động: Người không đi theo lối cũ của các bậc tiền bối, ra đi 5-6-1911 để tìm hiểu kẻ thù và kinh nghiệm thế giới; gặp con đường cách mạng vô sản qua Luận cương của Lênin (7-1920).
The effect: he did not follow his predecessors' paths, left on 5 June 1911 to study the enemy and world experience, and found the proletarian revolutionary path through Lenin's Theses (July 1920).

Câu 2. So sánh vai trò của ba nguồn lý luận hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh. Vì sao chủ nghĩa Mác – Lênin, chứ không phải truyền thống dân tộc hay tinh hoa văn hóa nhân loại, giữ vai trò quyết định?

Question 2. Compare the roles of the three theoretical sources of Hồ Chí Minh Thought. Why is Marxism–Leninism, rather than national tradition or the best of world culture, the decisive one?

- Truyền thống dân tộc, cốt lõi là chủ nghĩa yêu nước: nền tảng tư tưởng, điểm xuất phát, động lực ra đi tìm đường cứu nước; dẫn câu Tuyên ngôn Độc lập (Toàn tập, t.4, tr.3).
National tradition, with patriotism at its core: the ideological base, the starting point, the force that sent him abroad; cite the Declaration of Independence (Complete Works, vol. 4, p. 3).
- Tinh hoa phương Đông (Nho: đạo đức, đức trị, đại đồng; Phật: từ bi, bình đẳng; Lão: hòa hợp tự nhiên, ít ham danh lợi; Tam dân) và phương Tây (Tự do – Bình đẳng – Bác ái, Tuyên ngôn Độc lập Mỹ 1776, khai sáng).
Eastern culture (Confucianism: ethics, rule by virtue, great harmony; Buddhism: compassion, equality; Taoism: harmony with nature, few cravings for fame; the Three Principles) and Western culture (Liberty – Equality – Fraternity, the 1776 US Declaration, the Enlightenment).
- Chủ nghĩa Mác – Lênin: thế giới quan, phương pháp luận; đưa tư tưởng của Người lên bước phát triển mới về chất, vượt những người yêu nước cùng thời.
Marxism–Leninism: worldview and methodology; it lifted his thought to a qualitatively new level, ahead of contemporary patriots.

- Lý do quyết định: hai nguồn kia cho mục tiêu và giá trị, nhưng không nêu được lực lượng, phương pháp, tổ chức lãnh đạo; chủ nghĩa Mác – Lênin giải được khủng hoảng đường lối và tổ chức lãnh đạo; là cái cốt để lọc, kế thừa hai nguồn kia.

Why it decides: the other two supply aims and values but not the forces, method and leading organisation; Marxism–Leninism solved the crisis of line and leadership and was the core for filtering and inheriting the other two.

- Dẫn chứng: “chủ nghĩa chân chính nhất, chắc chắn nhất, cách mạng nhất là chủ nghĩa Lênin” (t.2, tr.289); “vũ khí không gì thay thế được” (t.15, tr.589-590).

Evidence: “the most genuine, the most certain, the most revolutionary doctrine is Leninism” (vol. 2, p. 289); “the irreplaceable weapon” (vol. 15, pp. 589-590).

- Lưu ý: Người còn bổ sung, phát triển chủ nghĩa Mác – Lênin (vấn đề dân tộc, cách mạng thuộc địa, xây dựng Đảng, Nhà nước, văn hóa, đạo đức).

Note: he also added to and developed Marxism–Leninism (the national question, colonial revolution, building the Party, the State, culture and ethics).

Câu 3. Phân tích thời kỳ 1930 – 1941 trong quá trình phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh. Vì sao gọi đây là thời kỳ “vượt qua thử thách”? Hội nghị Trung ương tháng 5-1941 có ý nghĩa gì?

Question 3. *Analyse the 1930 – 1941 period in the development of Hồ Chí Minh Thought. Why is it called the period of “overcoming trials”? What was the significance of the May 1941 Central Committee meeting?*

- Thử thách đến từ hai phía: kẻ thù (nhà tù thực dân Anh ở Hồng Kông) và nội bộ (quan điểm giáo điều tả khuynh từ Đại hội VI Quốc tế Cộng sản).

The trials came from two sides: the enemy (a British colonial prison in Hong Kong) and within (leftist dogmatism from the Comintern’s 6th Congress).

- Hội nghị Trung ương 10-1930 phê phán Hội nghị hợp nhất “chỉ lo đến việc phản đế...”, thủ tiêu chánh cương, sách lược, điều lệ, đổi tên thành Đảng Cộng sản Đông Dương; Người bị coi là “hữu khuynh”, “dân tộc chủ nghĩa”.

The October 1930 meeting criticised the unification conference for “caring only about anti-imperialism...”, annulled its programme, strategy and statutes and renamed the Party the Indochinese Communist Party; he was branded “rightist” and “nationalist”.

- Người kiên trì: học Trường Quốc tế Lênin, nghiên cứu sinh (1934 – 1938); thư 6-6-1938 xin về nước; rời Liên Xô 10-1938; 12-1940 về gần biên giới; viết Con đường giải phóng (1-1941); cuối 1-1941 về nước.

He persisted: the Lenin School and graduate research (1934 – 1938); the letter of 6 June 1938 asking to go home; leaving the USSR in October 1938; near the border in December 1940; writing The Road to Liberation (January 1941); returning at the end of January 1941.

- Hội nghị Trung ương 5-1941 ở Pác Bó do Người chủ trì: giải phóng dân tộc lên hàng đầu; tạm gác khẩu hiệu cách mạng điền địa; lập Mặt trận Việt Minh; chủ trương Chính phủ nhân dân nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa; phương hướng khởi nghĩa vũ trang.

The May 1941 meeting at Pác Bó, chaired by him: national liberation first; the land-revolution slogan set aside for now; the Việt Minh Front; a people’s government of the Democratic Republic of Vietnam; the direction of armed uprising.

- Ý nghĩa: hoàn chỉnh sự chuyển hướng chiến lược mở từ 11-1939; thực chất là trở về quan điểm của Người trong Cương lĩnh đầu năm 1930; tư tưởng Hồ Chí Minh thành yếu tố chỉ đạo cách mạng, dẫn tới Cách mạng Tháng Tám.

Significance: it completed the strategic shift begun in November 1939; in substance a return to his views in the early-1930 Platform; his thought became the guiding factor and led to the August Revolution.

Câu 4. Phân tích giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với cách mạng Việt Nam và đối với sự phát triển tiến bộ của nhân loại. Sinh viên cần làm gì để tư tưởng đó đi vào việc học và việc làm hằng ngày?

Question 4. *Analyse the value of Hồ Chí Minh Thought for the Vietnamese revolution and for the progress of humankind. What should students do so that this thought shapes their daily study and work?*

- Với cách mạng Việt Nam (1): đưa cách mạng giải phóng dân tộc đến thắng lợi — Cách mạng Tháng Tám, kháng chiến chống Pháp, xây dựng miền Bắc, thống nhất năm 1975 — và mở thời đại độc lập dân tộc gắn với chủ nghĩa xã hội.
For Vietnam (1): it carried the liberation revolution to victory — the August Revolution, the resistance against France, building the North, reunification in 1975 — and opened the era of national independence linked with socialism.
- Với cách mạng Việt Nam (2): nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam; làm đúng thì thắng, xa rời thì tổn thất; Đại hội VII (1991) và Đại hội XII khẳng định.
For Vietnam (2): the ideological foundation and compass; following it brings victory, straying from it brings losses; affirmed by the 7th (1991) and 12th Congresses.
- Với nhân loại (1): công hiến lý luận lớn đầu tiên về cách mạng giải phóng dân tộc; mở đường cho các dân tộc thuộc địa giành độc lập gắn với tiến bộ xã hội.
For humankind (1): his first great theoretical contribution, on national liberation; it opened a path for colonial peoples to win independence linked with social progress.
- Với nhân loại (2): hợp tác quốc tế là xu thế tất yếu; “Làm bạn với tất cả mọi nước dân chủ và không gây thù oán với một ai” (t.5, tr.256); UNESCO, Nghị quyết 24C/18.6.5 (1987).
For humankind (2): international cooperation as an inevitable trend; “Be friends with all democratic countries and make enemies of no one” (vol. 5, p. 256); UNESCO Resolution 24C/18.6.5 (1987).
- Sinh viên: học có chọn lọc, tự học ngoại ngữ, học từ thực tiễn; giữ bản sắc khi hội nhập; dùng mạng xã hội có trách nhiệm, phản bác xuyên tạc bằng dẫn chứng; tham gia các phong trào tình nguyện.
Students: learn selectively, study foreign languages on their own, learn from practice; keep national identity while integrating; use social media responsibly and rebut distortions with evidence; take part in volunteer movements.

2.8. Câu hỏi trắc nghiệm — Multiple-choice questions

- 8.** Hồ Chí Minh tìm thấy con đường giải phóng dân tộc theo con đường cách mạng vô sản khi đọc “Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc

địa” của V.I. Lênin vào thời gian nào?

When did Hồ Chí Minh find the proletarian path to national liberation by reading Lenin's “First draft of theses on the national and colonial questions”?

- A. Tháng 7-1920 / *July 1920*
- B. Tháng 12-1920, tại Đại hội Tua / *December 1920, at the Tours Congress*
- C. Tháng 6-1919, khi gửi Yêu sách tới Hội nghị Vécxây / *June 1919, when he sent the Demands to the Versailles Conference*
- D. Tháng 6-1925, khi lập Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên / *June 1925, when he founded the Revolutionary Youth League*

9. Theo giáo trình, nguồn lý luận nào giữ vai trò quyết định trong việc hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh?

According to the textbook, which theoretical source played the decisive role in forming Hồ Chí Minh Thought?

- A. Chủ nghĩa yêu nước Việt Nam / *Vietnamese patriotism*
- B. Học thuyết Nho giáo về đức trị và tu dưỡng đạo đức cá nhân / *Confucian teaching on rule by virtue and personal moral cultivation*
- C. Chủ nghĩa Mác – Lênin / *Marxism–Leninism*
- D. Tư tưởng dân chủ, nhân quyền của các nhà khai sáng Pháp / *The democratic and human-rights ideas of the French Enlightenment*

10. Tác phẩm Đường cách mệnh của Hồ Chí Minh được xuất bản năm nào, ở đâu?

When and where was Hồ Chí Minh's The Revolutionary Path (Đường cách mệnh) published?

- A. Năm 1925, ở Pari / *1925, in Paris*
- B. Năm 1927, ở Quảng Châu / *1927, in Guangzhou*
- C. Năm 1930, ở Hương Cảng / *1930, in Hong Kong*
- D. Năm 1941, ở Pác Bó / *1941, at Pác Bó*

11. Hội nghị Trung ương Đảng tháng 10-1930 đã quyết định điều gì đối với các văn kiện của Hội nghị hợp nhất do Nguyễn Ái Quốc chủ trì?

What did the October 1930 Central Committee meeting decide about the documents of the unification conference chaired by Nguyễn Ái Quốc?

- A. Thủ tiêu chánh cương, sách lược, điều lệ cũ và đổi tên thành Đảng Cộng sản Đông Dương / *Annul the old programme, strategy and statutes and rename the Party the Indochinese Communist Party*
- B. Giữ nguyên Cương lĩnh và bổ sung khẩu hiệu thành lập Mặt trận Việt Minh / *Keep the Platform and add the slogan of founding the Việt Minh Front*
- C. Đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu / *Put national liberation first*
- D. Đổi tên thành Đảng Lao động Việt Nam / *Rename the Party the Vietnam Workers' Party*

12. Câu “Trong lúc này quyền lợi dân tộc giải phóng cao hơn hết thảy” gắn với sự kiện nào?

Which event is the sentence “At this moment the interests of national liberation are above everything” associated with?

- A.** Hội nghị hợp nhất thành lập Đảng đầu năm 1930 / *The unification conference founding the Party in early 1930*
- B.** Hội nghị Trung ương tháng 11-1939 / *The November 1939 Central Committee meeting*
- C.** Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến ngày 19-12-1946 / *The appeal for nationwide resistance of 19 December 1946*
- D.** Hội nghị Trung ương tháng 5-1941 ở Pác Bó do Hồ Chí Minh chủ trì / *The May 1941 Central Committee meeting at Pác Bó, chaired by Hồ Chí Minh*

13. Sự kiện nào đánh dấu Hồ Chí Minh trở thành người cộng sản Việt Nam đầu tiên?

Which event marks Hồ Chí Minh becoming the first Vietnamese communist?

- A.** Gia nhập Đảng Xã hội Pháp năm 1919 / *Joining the French Socialist Party in 1919*
- B.** Tại Đại hội Tua (12-1920), bỏ phiếu theo Quốc tế Cộng sản và cùng lập Đảng Cộng sản Pháp / *Voting for the Communist International and co-founding the French Communist Party at Tours (December 1920)*
- C.** Gửi tới Hội nghị Vécxây bản Yêu sách của nhân dân An Nam / *Sending the Demands of the Annamese People to Versailles*
- D.** Sáng lập báo Le Paria năm 1922 / *Founding Le Paria in 1922*

14. Theo giáo trình, Hồ Chí Minh kế thừa từ Lão giáo điều gì?

According to the textbook, what did Hồ Chí Minh take from Taoism?

- A.** Sự tu dưỡng đạo đức cá nhân / *Personal moral cultivation*
- B.** Tư tưởng từ bi, vị tha, đề cao bình đẳng / *Compassion, altruism and equality*
- C.** Lối sống hòa hợp với thiên nhiên, thoát khỏi vòng danh lợi / *Living in harmony with nature, free from the pursuit of fame and gain*
- D.** Phương pháp làm việc biện chứng / *The dialectical working method*

15. Giai đoạn 1954 – 1969, Hồ Chí Minh xác định và lãnh đạo thực hiện đường lối nào?

Between 1954 and 1969, what line did Hồ Chí Minh set and lead?

- A.** Kháng chiến lâu dài, toàn dân, toàn diện, tự lực cánh sinh chống thực dân Pháp / *A long, all-people, all-round, self-reliant resistance against French colonialism*
- B.** Tạm hòa hoãn với Tưởng để rảnh tay đối phó với Pháp / *A temporary truce with Chiang to deal with France*
- C.** Xây dựng chủ nghĩa xã hội trên cả nước ngay sau năm 1954 / *Building socialism nationwide right after 1954*
- D.** Cùng lúc hai nhiệm vụ chiến lược: xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, tiếp tục cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam / *Two strategic tasks at once: building socialism in the North, continuing the people's national democratic revolution in the South*

16. Nghị quyết 24C/18.6.5 của Khóa họp 24 Đại hội đồng UNESCO (1987) ghi nhận Chủ tịch Hồ Chí Minh là:

UNESCO General Conference Resolution 24C/18.6.5 (24th session, 1987) recognised President Hồ Chí Minh as:

- A.** Anh hùng giải phóng dân tộc và nhà văn hóa kiệt xuất của Việt Nam / *A hero of national liberation and an outstanding man of culture of Vietnam*
- B.** Nhà quân sự thiên tài và nhà ngoại giao lỗi lạc / *A military genius and a brilliant diplomat*
- C.** Người sáng lập phong trào không liên kết / *The founder of the Non-Aligned Movement*
- D.** Nhà thơ lớn của thế kỷ XX / *A great poet of the 20th century*

Chương 3. Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội — Chapter 3. Hồ Chí Minh Thought on national independence and socialism

Đề thi phần độc lập dân tộc hỏi đủ **4 luận điểm về độc lập dân tộc**, **5 luận điểm về cách mạng giải phóng dân tộc**, câu trích chứng minh và chỗ sáng tạo so với Quốc tế Cộng sản.

Exam questions on national independence ask for all 4 theses on national independence, all 5 theses on national liberation revolution, the supporting quotations and the creative points against the Communist International.

3.1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề độc lập dân tộc — 3.1. Hồ Chí Minh Thought on the question of national independence

Khát vọng độc lập cho dân tộc, tự do cho nhân dân chạy suốt lịch sử dựng nước và giữ nước của người Việt. Hồ Chí Minh nâng khát vọng đó thành một hệ quan điểm gồm bốn nội dung: nói về **quyền** (độc lập là quyền thiêng liêng), về **mục đích** (độc lập để dân được tự do, ấm no, hạnh phúc), về **chất lượng** (độc lập phải thật, đủ, triệt để) và về **phạm vi** (độc lập trên một lãnh thổ thống nhất, toàn vẹn).

*The aspiration to independence for the nation and freedom for the people runs through Vietnam's whole history of building and defending the country. Hồ Chí Minh turned it into a body of views with four elements: the **right** (independence is a sacred right), the **purpose** (independence so the people are free, fed and happy), the **quality** (independence must be real, full and thorough) and the **scope** (independence over a unified, intact territory).*

Nội dung <i>Element</i>	Ý chính <i>Key idea</i>	Câu trích chìa khóa <i>Key quotation</i>	Mặt được nhấn <i>Aspect stressed</i>
a. Quyền thiêng liêng, bất khả xâm phạm <i>a. Sacred, inviolable right</i>	Dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng, quyền tự do <i>Every nation has the right to live, to happiness and to freedom</i>	“Không có gì quý hơn độc lập, tự do” <i>“Nothing is more precious than independence and freedom”</i>	Quyền <i>Right</i>
b. Gắn với tự do, cơm no, áo ấm, hạnh phúc <i>b. Tied to freedom, food, clothing, happiness</i>	Độc lập là phương tiện để dân được tự do, ấm no <i>Independence is the means for the people to be free and well off</i>	“Nước độc lập mà dân không hưởng hạnh phúc tự do, thì độc lập cũng chẳng có nghĩa lý gì” <i>“If the country is independent but the people do not enjoy happiness and freedom, independence means nothing”</i>	Mục đích <i>Purpose</i>

Nội dung <i>Element</i>	Ý chính <i>Key idea</i>	Câu trích chìa khóa <i>Key quotation</i>	Mặt được nhấn <i>Aspect stressed</i>
c. Thật sự, hoàn toàn, triệt để <i>c. Genuine, complete, thorough</i>	Có quyền tự quyết về ngoại giao, quân đội, tài chính <i>Self-determination in foreign affairs, army, finances</i>	Hiệp định Sơ bộ 6/3/1946: “quốc gia tự do có Chính phủ của mình, Nghị viện của mình, quân đội của mình, tài chính của mình” <i>Preliminary Agreement, 6 March 1946: “a free state having its own Government, its own Parliament, its own army and its own finances”</i>	Chất lượng <i>Quality</i>
d. Gắn với thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ <i>d. Tied to unity and territorial integrity</i>	Chống mọi mưu đồ chia cắt <i>Opposing every scheme of division</i>	“Nước Việt Nam là một, dân tộc Việt Nam là một” <i>“Vietnam is one, the Vietnamese nation is one”</i>	Phạm vi <i>Scope</i>

VÍ DỤ / EXAMPLE — Mẹo nhớ 4 nội dung bằng bốn chữ **QUYỀN – SƯỚNG – THẬT – LIỀN**: **Quyền** thiêng liêng; dân phải **Sướng** (tự do, cơm no, áo ấm, hạnh phúc); độc lập phải **Thật** (thật sự, hoàn toàn, triệt để); đất nước phải **Liền** một dải (thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ). Gặp một câu trích lạ, hỏi: câu này nói về quyền, về đời sống của dân, về thực chất của độc lập hay về lãnh thổ?

*Memory aid for the 4 elements — **RIGHT – WELL-BEING – REAL – WHOLE**: a sacred **Right**; the people’s **Well-being** (freedom, food, clothing, happiness); independence must be **Real** (genuine, complete, thorough); the country must be **Whole** (unity, territorial integrity). Facing an unfamiliar quotation, ask: is it about the right, the people’s life, the substance of independence or the territory?*

a. Độc lập, tự do là quyền thiêng liêng, bất khả xâm phạm của tất cả các dân tộc —
a. Independence and freedom are the sacred, inviolable rights of all nations

Hồ Chí Minh từng nói điều Người cần nhất trên đời là đồng bào được tự do, Tổ quốc được độc lập. Quan điểm về quyền dân tộc hình thành dần qua năm mốc, mỗi mốc có một văn bản và một câu cần nhớ.

Hồ Chí Minh once said that what he needed most in life was freedom for his compatriots and independence for his Fatherland. His view on national rights took shape through five milestones, each with a text and a line to remember.

Thời điểm <i>Date</i>	Văn bản / sự kiện <i>Text / event</i>	Nội dung về quyền dân tộc <i>Content on national rights</i>	Ghi chú thi <i>Exam note</i>
18/6/1919 <i>18 June 1919</i>	Yêu sách của nhân dân An Nam gửi Hội nghị Vécxây <i>Demands of the Annamese People to the Versailles Conference</i>	Hai nội dung: đòi quyền bình đẳng về mặt pháp lý; đòi các quyền tự do, dân chủ. Hội nghị không chấp nhận <i>Two points: equal legal rights; rights to freedom and democracy. Rejected by the Conference</i>	Lần đầu tư tưởng về quyền của dân tộc thuộc địa (trước hết là bình đẳng, tự do) hình thành; chưa đòi độc lập <i>First appearance of his idea of colonial nations' rights (equality and freedom first); no demand for independence yet</i>
1930 <i>1930</i>	Chánh cương vắn tắt của Đảng <i>The Party's Brief Political Programme</i>	Mục tiêu chính trị: đánh đổ đế quốc chủ nghĩa Pháp và bọn phong kiến; làm cho nước Nam được hoàn toàn độc lập <i>Political goals: overthrow French imperialism and the feudalists; make the country completely independent</i>	Độc lập thành mục tiêu cương lĩnh của Đảng <i>Independence becomes a programme goal of the Party</i>
2/9/1945 <i>2 September 1945</i>	Tuyên ngôn Độc lập <i>Declaration of Independence</i>	Từ quyền con người trong Tuyên ngôn Độc lập Mỹ (1776), Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền Pháp (1791) suy ra quyền của mọi dân tộc; tuyên bố Việt Nam đã thành nước tự do, độc lập <i>From human rights in the US Declaration of Independence (1776) and the French Declaration of the Rights of Man and of the Citizen (1791) he derived the rights of all nations; proclaimed Vietnam free and independent</i>	Bước “suy rộng” từ quyền con người sang quyền dân tộc <i>The step of “extending” human rights to national rights</i>
1946 <i>1946</i>	Thư gửi Liên hợp quốc; Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến (19/12/1946) <i>Letter to the United Nations; Appeal for National Resistance (19 December 1946)</i>	Mong hòa bình nhưng quyết chiến đấu đến cùng để giữ toàn vẹn lãnh thổ và độc lập <i>Desire for peace but resolve to fight to the end for territorial integrity and independence</i>	Quyết tâm bảo vệ quyền vừa giành được <i>Resolve to defend the right just won</i>

Thời điểm Date	Văn bản / sự kiện Text / event	Nội dung về quyền dân tộc Content on national rights	Ghi chú thi Exam note
17/7/1966 17 July 1966	Lời kêu gọi đồng bào và chiến sĩ cả nước <i>Appeal to compatriots and fighters nationwide</i>	Khi Mỹ mở rộng chiến tranh (từ 1965: “Chiến tranh cục bộ” ở miền Nam, chiến tranh phá hoại miền Bắc), nêu chân lý “Không có gì quý hơn độc lập, tự do” <i>As the US widened the war (from 1965: “Local War” in the South, a war of destruction in the North), he stated the truth “Nothing is more precious than independence and freedom”</i>	Chân lý của thời đại; dẫn tới thắng lợi buộc Mỹ ký Hiệp định Paris <i>A truth of the era; led to the victory that forced the US to sign the Paris Agreement</i>

PHẢI THUỘC / MEMORISE — “Tất cả các dân tộc trên thế giới đều sinh ra bình đẳng, dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do... Đó là những lẽ phải không ai chối cãi được” (Hồ Chí Minh: Toàn tập, t.4, tr.1).

“All the nations of the world are born equal; every nation has the right to live, the right to happiness and the right to freedom... These are undeniable truths” (Hồ Chí Minh: Complete Works, vol. 4, p. 1).

PHẢI THUỘC / MEMORISE — “Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thực đã thành một nước tự do và độc lập. Toàn thể dân Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do và độc lập ấy” (Tuyên ngôn Độc lập; Toàn tập, t.4, tr.3).

“Vietnam has the right to enjoy freedom and independence, and has in fact become a free and independent country. The entire Vietnamese people are determined to devote all their spirit and strength, their lives and their property to safeguarding that freedom and independence” (Declaration of Independence; Complete Works, vol. 4, p. 3).

PHẢI THUỘC / MEMORISE — Thư gửi Liên hợp quốc (1946): “Nhân dân chúng tôi thành thật mong muốn hoà bình. Nhưng nhân dân chúng tôi cũng kiên quyết chiến đấu đến cùng để bảo vệ những quyền thiêng liêng nhất: toàn vẹn lãnh thổ cho Tổ quốc và độc lập cho đất nước” (Toàn tập, t.4, tr.522). Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến: “Không! Chúng ta thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ” (Toàn tập, t.4, tr.534). “Không có gì quý hơn độc lập, tự do” (Toàn tập, t.15, tr.131).

Letter to the United Nations (1946): “Our people sincerely desire peace. But our people are also resolved to fight to the end to defend their most sacred rights: territorial integrity for the Fatherland and independence for the country” (Complete Works, vol. 4, p. 522). Appeal for National Resistance: “No! We would rather sacrifice everything than lose our country; we are determined not to be enslaved” (vol. 4, p. 534). “Nothing is more precious than independence and freedom” (vol. 15, p. 131).

LỖI HAY GẶP / COMMON MISTAKE — Ba lỗi hay gặp ở luận điểm này: (1) viết “Yêu sách 1919 đòi độc lập cho Việt Nam” — Yêu sách chỉ đòi **bình đẳng pháp lý và tự do, dân chủ**; (2) đổi năm hai bản tuyên ngôn được viện dẫn: Mỹ **1776**, Pháp **1791** (theo cách ghi của Tuyên ngôn Độc lập và giáo trình); (3) gán “Không có gì quý hơn độc lập, tự do” cho Tuyên ngôn Độc lập 1945 — câu này thuộc **Lời kêu gọi ngày 17/7/1966**.

Three common mistakes here: (1) writing “the 1919 Demands asked for Vietnam’s independence” —

they asked only for **legal equality and freedom and democracy**; (2) swapping the years of the two declarations cited: American 1776, French 1791 (as the Declaration of Independence and the textbook write it); (3) attributing “Nothing is more precious than independence and freedom” to the 1945 Declaration — it belongs to the **Appeal of 17 July 1966**.

b. Độc lập dân tộc phải gắn liền với tự do, cơm no, áo ấm và hạnh phúc của nhân dân — b. National independence must be tied to the people’s freedom, food, clothing and happiness

Với Hồ Chí Minh, độc lập chưa phải đích cuối. Độc lập có giá trị khi người dân được tự do và sống no đủ. Người đánh giá cao học thuyết **Tam dân** của Tôn Trung Sơn với ba vế: dân tộc độc lập, dân quyền tự do, dân sinh hạnh phúc. Từ câu của Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền Pháp — người ta sinh ra tự do và bình đẳng về quyền lợi — Người suy ra: dân tộc Việt Nam cũng phải được tự do, bình đẳng như thế.

*For Hồ Chí Minh, independence was not the final goal. Independence has value when the people are free and live in sufficiency. He prized Sun Yat-sen’s **Three Principles of the People**: national independence, civil rights and freedom, the people’s livelihood and happiness. From the French Declaration of the Rights of Man and of the Citizen — men are born free and equal in rights — he concluded that the Vietnamese nation must be free and equal in the same way.*

Giai đoạn <i>Period</i>	Văn bản / lời nói <i>Text / statement</i>	Nội dung gắn độc lập với đời sống dân <i>Content linking independence to people’s lives</i>
1930 <i>1930</i>	Chánh cương vắn tắt <i>Brief Political Programme</i>	Bên cạnh mục tiêu nước Nam hoàn toàn độc lập: dân chúng được tự do; thủ tiêu các thứ quốc trái; thu ruộng đất của đế quốc đem chia cho dân cày nghèo; miễn sưu thuế cho dân cày nghèo; thi hành luật ngày làm 8 giờ (Toàn tập, t.3, tr.1-2) <i>Besides complete independence: freedom for the masses; cancel all national debts; confiscate the imperialists’ land as public property for poor peasants; abolish taxes for poor peasants; enforce the 8-hour day (Complete Works, vol. 3, pp. 1-2)</i>
Ngay sau Tháng Tám 1945 <i>Right after August 1945</i>	Lời khẳng định độc lập phải gắn với tự do <i>Statement that independence must go with freedom</i>	“Nước độc lập mà dân không hưởng hạnh phúc tự do, thì độc lập cũng chẳng có nghĩa lý gì” (Toàn tập, t.4, tr.64) <i>“If the country is independent but the people do not enjoy happiness and freedom, independence means nothing” (vol. 4, p. 64)</i>
Khi dân còn đói rét, mù chữ <i>When people were still hungry, cold, illiterate</i>	Yêu cầu bốn việc với chính quyền mới <i>Four tasks for the new government</i>	Làm cho dân có ăn; có mặc; có chỗ ở; có học hành (Toàn tập, t.4, tr.175) <i>Ensure the people have food; clothing; shelter; education (vol. 4, p. 175)</i>

Giai đoạn <i>Period</i>	Văn bản / lời nói <i>Text / statement</i>	Nội dung gắn độc lập với đời sống dân <i>Content linking independence to people's lives</i>
Suốt đời hoạt động <i>Throughout his life</i>	Lời bộc bạch về “ham muốn tốt bậc” <i>The confession of a “supreme desire”</i>	Nước hoàn toàn độc lập, dân hoàn toàn tự do, ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành (Toàn tập, t.4, tr.187) <i>Complete independence, complete freedom, food, clothes and schooling for all (vol. 4, p. 187)</i>

PHẢI THUỘC / MEMORISE — “Tôi chỉ có một sự ham muốn, ham muốn tốt bậc, là làm sao cho nước ta hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành” (Hồ Chí Minh: Toàn tập, t.4, tr.187).

“I have only one desire, a supreme desire: that our country be completely independent, that our people be completely free, and that all our compatriots have enough food to eat and clothes to wear and are all able to receive an education” (Hồ Chí Minh: Complete Works, vol. 4, p. 187).

VÍ DỤ / EXAMPLE — Mẹo nhớ bốn việc năm 1945 theo thứ tự nhu cầu từ thấp lên cao: **ĂN – MẶC – Ở – HỌC**. Ba việc đầu lo cho thân thể (đói, rét, không nhà), việc thứ tư lo cho trí tuệ (mù chữ).

*Memory aid for the four tasks of 1945, from basic to higher needs: **EAT – WEAR – LIVE – LEARN**. The first three care for the body (hunger, cold, homelessness); the fourth cares for the mind (illiteracy).*

Lý luận của Hồ Chí Minh <i>Hồ Chí Minh's theory</i>	Vận dụng hiện nay <i>Application today</i>	Câu hỏi tự kiểm khi đánh giá một chính sách <i>Self-check question for a policy</i>
Độc lập phải gắn với tự do của dân <i>Independence must go with the people's freedom</i>	Bảo đảm quyền con người, quyền công dân theo Hiến pháp; mở rộng dân chủ cơ sở; bảo vệ dữ liệu cá nhân trên môi trường số <i>Guarantee human and civil rights under the Constitution; widen grassroots democracy; protect personal data online</i>	Chính sách có mở rộng hay thu hẹp quyền được biết, được bàn, được giám sát của người dân? <i>Does the policy widen or narrow people's right to know, discuss and oversee?</i>
Làm cho dân có ăn, có mặc <i>Ensure food and clothing</i>	Giảm nghèo bền vững, an sinh xã hội, tạo việc làm; phát triển kinh tế tư nhân theo Nghị quyết 68-NQ/TW (4/5/2025) <i>Sustainable poverty reduction, social security, jobs; private-sector growth under Resolution 68-NQ/TW (4 May 2025)</i>	Thu nhập thực tế của nhóm yếu thế có tăng không? <i>Does real income of vulnerable groups rise?</i>
Làm cho dân có chỗ ở <i>Ensure shelter</i>	Nhà ở xã hội, nhà ở cho công nhân, xóa nhà tạm <i>Social housing, housing for workers, ending makeshift homes</i>	Người lao động thu nhập thấp có tiếp cận được không? <i>Can low-income workers access it?</i>

Lý luận của Hồ Chí Minh <i>Hồ Chí Minh's theory</i>	Vận dụng hiện nay <i>Application today</i>	Câu hỏi tự kiểm khi đánh giá một chính sách <i>Self-check question for a policy</i>
Làm cho dân có học hành <i>Ensure education</i>	Phổ cập giáo dục, học tập suốt đời, kỹ năng số cho mọi người dân <i>Universal education, lifelong learning, digital skills for all</i>	Vùng sâu, vùng xa có bị bỏ lại không? <i>Are remote areas left behind?</i>

LỖI HAY GẶP / COMMON MISTAKE — Trả lời “độc lập dân tộc” mà chỉ nói về quyền và chủ quyền, bỏ về **tự do, cơm no, áo ấm, hạnh phúc của nhân dân**. Bài như vậy thiếu hẳn một trong bốn nội dung và mất ý quan trọng nhất để nối sang chủ nghĩa xã hội ở phần sau của chương.

*Answering on “national independence” with only rights and sovereignty and omitting **the people’s freedom, food, clothing and happiness**. Such an answer misses one of the four elements and the key link to socialism later in the chapter.*

c. Độc lập dân tộc phải là nền độc lập thật sự, hoàn toàn và triệt để — c. National independence must be genuine, complete and thorough

Khi đi xâm lược, thực dân thường lập chính phủ bù nhìn bản xứ và tuyên truyền thứ “độc lập tự do” giả hiệu để che bản chất cướp bóc, giết người. Hồ Chí Minh đặt ra phép thử: nếu thiếu quyền tự quyết về ngoại giao, thiếu quân đội và tài chính của chính mình, thì độc lập chỉ còn là cái tên, chẳng có ý nghĩa gì. Độc lập phải thật trên tất cả các lĩnh vực.

When invading, colonialists often set up native puppet governments and advertised a sham “independence and freedom” to hide their robbery and murder. Hồ Chí Minh set a test: an independence in which the people have no say over foreign affairs, no army and no finances of their own has no meaning. Independence must be real in every field.

Tiêu chí <i>Criterion</i>	Độc lập giả hiệu (chiêu bài thực dân) <i>Sham independence (colonial ploy)</i>	Độc lập thật sự, hoàn toàn, triệt để (Hồ Chí Minh) <i>Genuine, complete, thorough independence (Hồ Chí Minh)</i>
Chính quyền <i>Government</i>	Chính phủ bù nhìn bản xứ, quyền quyết định ở nước ngoài <i>Native puppet government, real decisions made abroad</i>	Chính phủ của mình, Nghị viện của mình <i>Its own Government and Parliament</i>
Ngoại giao <i>Foreign affairs</i>	Không tự quyết; nước ngoài đại diện <i>No self-determination; represented by a foreign power</i>	Tự quyết về ngoại giao <i>Self-determination in foreign affairs</i>
Quốc phòng <i>Defence</i>	Không có quân đội riêng hoặc quân đội phụ thuộc <i>No army of its own, or a dependent army</i>	Quân đội của mình <i>Its own army</i>
Tài chính <i>Finance</i>	Ngân sách, thuế, tiền tệ do nước ngoài nắm <i>Budget, taxes and currency controlled abroad</i>	Tài chính của mình <i>Its own finances</i>
Mục đích thật <i>Real purpose</i>	Che giấu bản chất “ăn cướp”, “giết người” <i>Hiding the “robbing” and “murderous” nature</i>	Bảo đảm quyền tự quyết và đời sống của dân <i>Securing self-determination and the people’s life</i>

Sau Cách mạng Tháng Tám, đất nước bị thù trong giặc ngoài vây bốn phía. Để giữ nền độc lập thật sự vừa giành, Hồ Chí Minh đặt bút ký **Hiệp định Sơ bộ ngày 6/3/1946** với phía Pháp. Văn bản này buộc Pháp ghi nhận đủ bốn dấu hiệu chủ quyền nêu trong bảng trên.

After the August Revolution the country was besieged by enemies inside and invaders outside. To keep the genuine independence just won, Hồ Chí Minh signed on the Government’s behalf the Preliminary Agreement of 6 March 1946 with the French Government’s representative. The text made France record all four marks of sovereignty in the table above.

PHẢI THUỘC / MEMORISE — Hiệp định Sơ bộ 6/3/1946: “Chính phủ Pháp công nhận nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà là một quốc gia tự do có Chính phủ của mình, Nghị viện của mình, quân đội của mình, tài chính của mình” (Hồ Chí Minh: Toàn tập, t.4, tr.583). Mẹo nhớ bốn chữ **“của mình”**: Chính phủ – Nghị viện – quân đội – tài chính.

Preliminary Agreement, 6 March 1946: “The French Government recognises the Democratic Republic of Vietnam as a free state having its own Government, its own Parliament, its own army and its own finances” (Hồ Chí Minh: Complete Works, vol. 4, p. 583). Memory aid — four times “its own”: Government – Parliament – army – finances.

LỖI HAY GẶP / COMMON MISTAKE — Viết “Hiệp định Sơ bộ công nhận Việt Nam là quốc gia độc lập”. Văn bản dùng chữ **“quốc gia tự do”**. Đề trắc nghiệm hay đặt bẫy ở đúng chữ này, hoặc thay bốn yếu tố bằng “lãnh thổ, dân cư”.

Writing “the Preliminary Agreement recognised Vietnam as an independent state”. The text says “**a free state**”. Multiple-choice items often set the trap on exactly this word, or swap the four elements for “territory, population”.

d. Độc lập dân tộc gắn liền với thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ — d. National independence is tied to unity and territorial integrity

Kẻ thù nhiều lần tìm cách chia cắt Việt Nam. Hồ Chí Minh coi độc lập trên một phần lãnh thổ là độc lập chưa trọn; tư tưởng độc lập gắn với thống nhất Tổ quốc, toàn vẹn lãnh thổ xuyên suốt cuộc đời hoạt động của Người.

Enemies tried again and again to divide Vietnam. Hồ Chí Minh saw independence over part of the territory as incomplete; independence tied to national reunification and territorial integrity runs through his whole revolutionary life.

Thời kỳ <i>Period</i>	Mưu đồ chia cắt <i>Scheme of division</i>	Phản ứng của Hồ Chí Minh <i>Hồ Chí Minh's response</i>
Thời Pháp thuộc <i>French rule</i>	Chia nước ta làm ba kỳ, mỗi kỳ một chế độ cai trị riêng <i>Split the country into three regions, each with its own regime</i>	Đấu tranh giành độc lập cho cả nước, không cho riêng một kỳ <i>Fought for independence of the whole country, not one region</i>
Sau Tháng Tám 1945 <i>After August 1945</i>	Quân Tưởng Giới Thạch chiếm đóng miền Bắc; Pháp đánh chiếm miền Nam, dựng “Nam Kỳ tự trị” <i>Chiang Kai-shek's troops in the North; France invaded the South and set up “autonomous Cochinchina”</i>	Thư gửi đồng bào Nam Bộ (1946): “Đồng bào Nam Bộ là dân nước Việt Nam. Sông có thể cạn, núi có thể mòn, song chân lý đó không bao giờ thay đổi” <i>Letter to the Compatriots of Nam Bộ (1946): “The compatriots of Nam Bộ are citizens of Vietnam. Rivers may dry up and mountains may wear away, but that truth will never change”</i>
Sau Hiệp định Giơnevơ 1954 <i>After the 1954 Geneva Agreements</i>	Đất nước tạm thời chia làm hai miền <i>The country temporarily divided into two zones</i>	Tháng 2/1958: “Nước Việt Nam là một, dân tộc Việt Nam là một” <i>February 1958: “Vietnam is one, the Vietnamese nation is one”</i>
Cuối đời <i>Last years</i>	Chiến tranh còn tiếp diễn <i>The war still going on</i>	Di chúc: “Tổ quốc ta nhất định sẽ thống nhất. Đồng bào Nam Bắc nhất định sẽ sum họp một nhà” <i>Testament: “Our Fatherland will certainly be reunified. Our compatriots in the South and in the North will certainly be reunited under one roof”</i>

PHẢI THUỘC / MEMORISE — Ba câu về thống nhất, gắn với ba mốc: **1946** — “Đồng bào Nam Bộ là dân nước Việt Nam. Sông có thể cạn, núi có thể mòn, song chân lý đó không bao giờ thay đổi” (Thư gửi đồng bào Nam Bộ); **2/1958** — “Nước Việt Nam là một, dân tộc Việt Nam là một”; **Di chúc** — “Tổ quốc ta nhất định sẽ thống nhất. Đồng bào Nam Bắc nhất định sẽ sum họp một nhà”.

Three lines on unity, tied to three dates: 1946 — “The compatriots of Nam Bộ are citizens of Vietnam. Rivers may dry up and mountains may wear away, but that truth will never change” (Letter to the Compatriots of Nam Bộ); February 1958 — “Vietnam is one, the Vietnamese nation is one”; Testament — “Our Fatherland will certainly be reunified. Our compatriots in the South and in the North will certainly be reunited under one roof”.

LỖI HAY GẶP / COMMON MISTAKE — Gán câu “Nước Việt Nam là một, dân tộc Việt Nam là một” cho Thư gửi đồng bào Nam Bộ (1946). Năm 1946 là câu “Sông có thể cạn, núi có thể mòn”; câu “là một” là của **tháng 2/1958**, khi đất nước đã tạm chia hai miền sau Ginevơ.

Attributing “Vietnam is one, the Vietnamese nation is one” to the 1946 Letter to Nam Bộ. The 1946 line is “Rivers may dry up, mountains may wear away”; the “is one” line dates from February 1958, when the country was temporarily split after Geneva.

Luận điểm <i>Thesis</i>	Vận dụng hiện nay <i>Application today</i>
Thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ <i>Unity and territorial integrity</i>	Kiên quyết, kiên trì bảo vệ chủ quyền biển, đảo, biên giới bằng biện pháp hòa bình, theo luật pháp quốc tế; giữ môi trường hòa bình để phát triển <i>Firmly and patiently defend sovereignty over seas, islands and borders by peaceful means under international law; keep a peaceful environment for development</i>
Một dân tộc thống nhất <i>One united nation</i>	Phát huy khối đại đoàn kết toàn dân tộc, kể cả người Việt Nam ở nước ngoài; tổ chức bộ máy hành chính gọn hơn để điều hành thông suốt (34 đơn vị hành chính cấp tỉnh hoạt động từ 1/7/2025 theo Nghị quyết 202/2025/QH15) <i>Promote great national unity, including Vietnamese abroad; a leaner administration for smooth governance (34 provincial-level units operating from 1 July 2025 under Resolution 202/2025/QH15)</i>

3.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về cách mạng giải phóng dân tộc — 3.2. Hồ Chí Minh Thought on national liberation revolution

Cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX, các phong trào yêu nước chống Pháp lần lượt thất bại. Cách mạng Việt Nam đứng trước bốn câu hỏi: đi theo con đường nào, ai lãnh đạo, lực lượng là ai, dùng phương pháp gì. Hồ Chí Minh trả lời bằng năm luận điểm và dẫn cách mạng tới thắng lợi.

In the late 19th and early 20th centuries the anti-French patriotic movements failed one after another. The Vietnamese revolution faced four questions: which path, who leads, what forces, what method. Hồ Chí Minh answered with five theses and led the revolution to victory.

Câu hỏi lịch sử <i>Historical question</i>	Luận điểm của Hồ Chí Minh <i>Hồ Chí Minh's thesis</i>	Từ khóa nhớ <i>Keyword</i>
Đi theo con đường nào? <i>Which path?</i>	a. Phải đi theo con đường cách mạng vô sản <i>a. Must follow the path of proletarian revolution</i>	ĐƯỜNG <i>PATH</i>
Ai lãnh đạo? <i>Who leads?</i>	b. Phải do Đảng Cộng sản lãnh đạo <i>b. Must be led by the Communist Party</i>	ĐẢNG <i>PARTY</i>
Lực lượng là ai? <i>What forces?</i>	c. Dựa trên đại đoàn kết toàn dân tộc, lấy liên minh công – nông làm nền tảng <i>c. Rest on great national unity with the worker-peasant alliance as the foundation</i>	DÂN <i>PEOPLE</i>
Thế đứng với cách mạng thế giới? <i>Position toward world revolution?</i>	d. Chủ động, sáng tạo, có khả năng giành thắng lợi trước cách mạng vô sản ở chính quốc <i>d. Proactive and creative, able to win before the proletarian revolution in the metropolis</i>	TRƯỚC <i>FIRST</i>
Phương pháp nào? <i>What method?</i>	e. Tiến hành bằng phương pháp bạo lực cách mạng <i>e. Carried out by revolutionary violence</i>	BẠO LỰC <i>VIOLENCE</i>

VÍ DỤ / EXAMPLE — Mẹo nhớ 5 luận điểm theo chuỗi **ĐƯỜNG – ĐẢNG – DÂN – TRƯỚC – BẠO LỰC**, đọc thành câu: “Chọn **đường**, có **Đảng** dẫn, kéo cả **dân** đi, không chờ ai mà đi **trước**, mở lối bằng **bạo lực** cách mạng.”

*Memory aid for the 5 theses — **PATH – PARTY – PEOPLE – FIRST – VIOLENCE** — read as a sentence: “Choose the **path**, let the **Party** lead, bring all the **people**, wait for no one and go **first**, open the way by revolutionary **violence**.”*

a. Cách mạng giải phóng dân tộc muốn thắng lợi phải đi theo con đường cách mạng vô sản — a. To win, national liberation revolution must follow the path of proletarian revolution

Các phong trào yêu nước trước Hồ Chí Minh thất bại vì khủng hoảng về giai cấp lãnh đạo và đường lối. Hồ Chí Minh chọn sang phương Tây để tìm hiểu kẻ thù và kinh nghiệm cách mạng thế giới (ra đi ngày 5/6/1911). Người nói lý do: “Tôi muốn đi ra nước ngoài, xem nước Pháp và các nước khác. Sau khi xem xét họ làm như thế nào, tôi sẽ trở về giúp đồng bào chúng ta” (Trần Dân Tiên: Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch, Nxb Văn học, Hà Nội, 1970, tr.11).

The patriotic movements before Hồ Chí Minh failed because of a crisis of leading class and line. Hồ Chí Minh chose to go West to study the enemy and world revolutionary experience (leaving on 5 June 1911). He gave his reason: “I want to go abroad, to see France and other countries. After seeing how they do things, I will come back to help our compatriots” (Trần Dân Tiên: Stories about the Life and Activities of President Hồ, Literature Publishing House, Hà Nội, 1970, p. 11).

Bảng so sánh: hai con đường cách mạng trong nhận xét của Hồ Chí Minh —
Comparison: two revolutionary paths as Hồ Chí Minh judged them

Tiêu chí <i>Criterion</i>	Cách mạng tư sản (Pháp, Mỹ) <i>Bourgeois revolution (France, USA)</i>	Cách mạng Tháng Mười Nga (1917) <i>Russian October Revolution (1917)</i>
Đánh giá chung <i>Overall verdict</i>	“Cách mệnh không đến nơi” <i>“An unfinished revolution”</i>	Cách mạng “đã thành công và thành công đến nơi” <i>A revolution that “has succeeded, and succeeded to the end”</i>
Thực chất dân chủ <i>Real democracy</i>	Tiếng là cộng hòa và dân chủ; bên trong tước lộc công nông <i>Republican and democratic in name; plunders workers and peasants at home</i>	Dân chúng được hưởng hạnh phúc, tự do, bình đẳng thật <i>The masses enjoy real happiness, freedom and equality</i>
Với thuộc địa <i>Toward colonies</i>	Bên ngoài áp bức thuộc địa <i>Oppresses colonies abroad</i>	Mở ra con đường giải phóng cho các dân tộc bị áp bức <i>Opens the way of liberation for oppressed nations</i>
Kết quả lâu dài <i>Long-term outcome</i>	Đã làm cách mạng 4 lần mà công nông Pháp vẫn phải mưu cách mạng nữa <i>Four revolutions, yet French workers and peasants still need another</i>	Hồ Chí Minh kết luận: “phải theo chủ nghĩa Mã Khắc Tư và Lênin” <i>Hồ Chí Minh concluded: “one must follow Marxism and Leninism”</i>
Nguồn <i>Source</i>	Đường cách mệnh (1927); Toàn tập, t.2, tr.296 <i>The Revolutionary Path (1927); Complete Works, vol. 2, p. 296</i>	Đường cách mệnh (1927); Toàn tập, t.2, tr.304 <i>The Revolutionary Path (1927); Complete Works, vol. 2, p. 304</i>

PHẢI THUỘC / MEMORISE — “Cách mệnh Pháp cũng như cách mệnh Mỹ, nghĩa là cách mệnh tư bản, cách mệnh không đến nơi, tiếng là cộng hoà và dân chủ, kỳ thực trong thì nó tước lộc công nông, ngoài thì nó áp bức thuộc địa” (Hồ Chí Minh: Toàn tập, t.2, tr.296). “Mã Khắc Tư” là cách phiên âm Hán – Việt tên C.Mác trong Đường cách mệnh.

“The French revolution, like the American revolution, that is, a capitalist revolution, is an unfinished revolution: republican and democratic in name, in reality it plunders workers and peasants at home and oppresses the colonies abroad” (Hồ Chí Minh: Complete Works, vol. 2, p. 296). “Mã Khắc Tư” is the Sino-Vietnamese rendering of Marx’s name in The Revolutionary Path.

Năm 1920, đọc **Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa** của Lênin, Hồ Chí Minh tìm thấy con đường giải phóng dân tộc: con đường cách mạng vô sản. Trong bài **Con đường dẫn tôi đến chủ nghĩa Lênin**, Người kể lại niềm xúc động khi đọc văn kiện ấy và khẳng định từ đó tin theo Lênin, tin theo Quốc tế thứ ba (Toàn tập, t.12, tr.562).

*In 1920, reading Lenin’s **First Draft of Theses on the National and Colonial Questions**, Hồ Chí Minh found the path of national liberation: proletarian revolution. In the article **The Path That***

Led Me to Leninism he recalled how moved he was by that text and said that from then on he trusted Lenin and the Third International (*Complete Works*, vol. 12, p. 562).

PHẢI THUỘC / MEMORISE — “Muốn cứu nước và giải phóng dân tộc không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản” (Hồ Chí Minh: Toàn tập, t.12, tr.30).
“To save the country and liberate the nation there is no path other than that of proletarian revolution” (Hồ Chí Minh: Complete Works, vol. 12, p. 30).

- **Giải phóng dân tộc đi cùng giải phóng giai cấp, nhưng giải phóng dân tộc đứng trước hết, trên hết.** Hoàn cảnh lịch sử – chính trị của thuộc địa khác châu Âu nên trình tự giải phóng phải đổi.
National liberation tied to class liberation, with national liberation first and above all. The historical and political setting of a colony differs from Europe, so the order of liberation must change.
- **Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội.** Chánh cương vắn tắt (1930) xác định phương hướng: làm “tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản”.
National independence tied to socialism. The Brief Political Programme (1930) set the direction: carry out “the bourgeois democratic revolution and the agrarian revolution to advance to communist society”.

Bước Step	Mác, Ăngghen (cách mạng vô sản ở châu Âu) <i>Marx, Engels (proletarian revolution in Europe)</i>	Hồ Chí Minh (Việt Nam và các nước thuộc địa) <i>Hồ Chí Minh (Vietnam and the colonies)</i>
1 1	Giải phóng giai cấp <i>Class liberation</i>	Giải phóng dân tộc <i>National liberation</i>
2 2	Giải phóng dân tộc <i>National liberation</i>	Giải phóng xã hội <i>Social liberation</i>
3 3	Giải phóng xã hội <i>Social liberation</i>	Giải phóng giai cấp <i>Class liberation</i>
4 4	Giải phóng con người <i>Human liberation</i>	Giải phóng con người <i>Human liberation</i>

VÍ DỤ / EXAMPLE — Mẹo nhớ: hai trình tự **chung điểm cuối là con người**. Châu Âu mở đầu bằng **giai cấp** vì kẻ thù chính là tư sản trong nước; thuộc địa mở đầu bằng **dân tộc** vì kẻ thù chính là đế quốc ngoại bang. Ở Việt Nam, “giai cấp” lùi xuống thứ ba, sau “xã hội”.
Memory aid: both orders end with the human being. Europe starts with class because the main enemy is the domestic bourgeoisie; the colony starts with the nation because the main enemy is foreign imperialism. In Vietnam “class” drops to third place, after “society”.

Bảng so sánh: Chánh cương vắn tắt (1930) và văn kiện Đại hội VI Quốc tế Cộng sản (1928) — Comparison: the Brief Political Programme (1930) and the Comintern's 6th Congress documents (1928)

Vấn đề <i>Issue</i>	Quan niệm trong văn kiện Đại hội VI Quốc tế Cộng sản <i>View in the Comintern's 6th Congress documents</i>	Hồ Chí Minh trong Chánh cương vắn tắt <i>Hồ Chí Minh in the Brief Political Programme</i>	Giá trị sáng tạo <i>Creative value</i>
Khái niệm “cách mạng tư sản dân quyền” <i>The term “bourgeois democratic revolution”</i>	Chưa chứa đủ yêu cầu đánh đế quốc, giành lại nước cho dân thuộc địa <i>Did not fully include the anti-imperialist, national liberation task in colonies</i>	Trước hết phải đánh đổ đế quốc và phong kiến, làm cho nước Nam hoàn toàn độc lập <i>First overthrow imperialism and feudalism, make the country completely independent</i>	Đưa nội dung dân tộc vào khái niệm <i>Builds the national content into the term</i>
Hai nhiệm vụ chống đế quốc và chống phong kiến <i>The anti-imperialist and anti-feudal tasks</i>	Thực hiện đồng thời, khăng khít, ngang nhau <i>Carried out simultaneously, closely, equally</i>	Đặt chống đế quốc, giải phóng dân tộc lên hàng đầu; chống phong kiến làm từng bước <i>Anti-imperialism and national liberation first; anti-feudalism step by step</i>	Xuất phát từ đặc điểm nước thuộc địa <i>Starts from the features of a colony</i>
Ruộng đất <i>Land</i>	Gắn chặt cách mạng ruộng đất với cách mạng dân quyền <i>Ties land revolution tightly to the democratic revolution</i>	Chỉ “thâu hết ruộng đất của đế quốc chủ nghĩa làm của công, chia cho dân cày nghèo”; chưa nêu “người cày có ruộng” <i>Only “confiscate all the imperialists' land as public property and distribute it to poor peasants”; “land to the tiller” not yet raised</i>	Giữ được các tầng lớp yêu nước có ruộng đất trong khối dân tộc <i>Keeps patriotic landowning strata within the national bloc</i>

LỖI HAY GẶP / COMMON MISTAKE — Viết “Chánh cương vắn tắt 1930 nêu khẩu hiệu người cày có ruộng”. Giáo trình nhấn đúng điểm ngược lại: Chánh cương **chưa nêu** “người cày có ruộng”, chỉ thâu ruộng đất của đế quốc — đó là nét độc đáo, sáng tạo của Hồ Chí Minh.

*Writing “the 1930 Brief Political Programme raised the slogan land to the tiller”. The textbook stresses the opposite: the Programme **did not yet raise** “land to the tiller”, confiscating only the imperialists' land — that is Hồ Chí Minh's original, creative touch.*

b. Cách mạng giải phóng dân tộc, trong điều kiện Việt Nam, muốn thắng lợi phải do Đảng Cộng sản lãnh đạo — *b. To win in Vietnam's conditions, national liberation revolution must be led by the Communist Party*

Theo chủ nghĩa Mác – Lênin, giai cấp công nhân chỉ làm tròn sứ mệnh lịch sử khi có đảng cộng sản làm nhân tố chủ quan: giai cấp công nhân phải lập chính đảng; đảng làm cho quần chúng hiểu, gom họ lại, rèn họ rồi dẫn họ vào cuộc đấu tranh. Hồ Chí Minh tiếp thu điểm này và đặt việc lập đảng lên vị trí số một.

Marxism–Leninism sees the communist party as the subjective factor through which the working class fulfils its historic mission: the working class must form a party; the party awakens, gathers and trains the masses and leads them into struggle. Hồ Chí Minh took this over and put founding the party in first place.

Trong **Đường cách mệnh (1927)**, Người hỏi: cách mệnh trước hết phải có cái gì? Câu trả lời: trước hết phải có **đảng cách mệnh**, với hai việc — bên trong vận động và tổ chức dân chúng; bên ngoài bắt tay với dân tộc bị áp bức và giai cấp vô sản các nước. Thiếu một đảng vững thì cách mệnh không thể thành.

In The Revolutionary Path (1927) he asked: what must a revolution have first? The answer: first a revolutionary party, with two jobs — inside, to mobilise and organise the people; outside, to link with oppressed nations and the proletariat everywhere. Only with a firm party can the revolution succeed.

Tiêu chí <i>Criterion</i>	Quan niệm Mác – Lênin phổ biến <i>Common Marxist–Leninist view</i>	Bổ sung của Hồ Chí Minh <i>Hồ Chí Minh's addition</i>
Đảng là đội tiên phong của ai <i>Vanguard of whom</i>	Đội tiên phong của giai cấp công nhân <i>Vanguard of the working class</i>	Đội tiên phong của giai cấp công nhân và của nhân dân lao động — kiên quyết, hăng hái, trong sạch, tận tâm phụng sự Tổ quốc <i>Vanguard of the working class and of the working people — resolute, ardent, clean, devoted to the Fatherland</i>
Đảng của ai <i>Whose party</i>	Đảng của giai cấp công nhân <i>Party of the working class</i>	Còn là Đảng của dân tộc Việt Nam (Báo cáo chính trị tại Đại hội II, 1951) <i>Also the party of the Vietnamese nation (Political Report to the 2nd Congress, 1951)</i>
Lý do <i>Reason</i>	Bản chất giai cấp quyết định vai trò <i>Class nature decides the role</i>	Vì là Đảng của giai cấp công nhân và nhân dân lao động nên phải là Đảng của dân tộc; hoàn cảnh nước thuộc địa – phong kiến <i>Being the party of workers and working people, it must be the party of the nation; the colonial–feudal setting</i>
Ý nghĩa <i>Significance</i>	— —	Bổ sung, phát triển lý luận mácxít về đảng cộng sản <i>Supplements and develops Marxist theory on the communist party</i>

LỖI HAY GẶP / COMMON MISTAKE — Hai nhầm lẫn: (1) đặt Đường cách mệnh vào năm 1925 hoặc 1930 — tác phẩm ra năm **1927**; (2) cho rằng nói “Đảng của dân tộc” là xóa bản chất giai cấp công nhân. Hồ Chí Minh lập luận ngược lại: **chính vì** là Đảng của giai cấp công nhân và nhân dân lao động nên Đảng phải là Đảng của dân tộc.

Two confusions: (1) dating The Revolutionary Path to 1925 or 1930 — it appeared in 1927; (2) thinking “party of the nation” erases the working-class nature. Hồ Chí Minh argued the reverse: precisely because it is the party of the working class and working people, it must be the party of the nation.

c. Cách mạng giải phóng dân tộc phải dựa trên lực lượng đại đoàn kết toàn dân tộc, lấy liên minh công – nông làm nền tảng — *c. National liberation revolution must rest on great national unity, with the worker–peasant alliance as the foundation*

Các nhà kinh điển khẳng định cách mạng là sự nghiệp của quần chúng, quần chúng là chủ thể sáng tạo lịch sử. Lênin viết: “Không có sự đồng tình ủng hộ của đại đa số nhân dân lao động đối với đội tiên phong của mình tức là đối với giai cấp vô sản, thì cách mạng vô sản không thể thực hiện được” (V.I.Lênin: Toàn tập, Nxb Tiến bộ, Maxcova, 1979, t.39, tr.251).

The classics hold that revolution is the work of the masses, who are the creators of history. Lenin wrote: “Without the sympathy and support of the great majority of the working people for their vanguard, that is, for the proletariat, the proletarian revolution cannot be carried out” (V.I. Lenin: Complete Works, Progress Publishers, Moscow, 1979, vol. 39, p. 251).

Hồ Chí Minh kế thừa và nói theo lối dân gian: có dân là có tất cả; được lòng dân thì được tất cả, mất lòng dân thì mất tất cả. Lý do lực lượng phải là toàn dân: cách mạng dân tộc chưa phân giai cấp, nghĩa là sĩ, nông, công, thương đều nhất trí chống cường quyền.

Hồ Chí Minh carried this on in plain words: with the people we have everything; win the people’s hearts and we win everything, lose them and we lose everything. Why the forces must be the whole people: a national revolution does not yet divide by class — scholars, peasants, workers and traders all unite against tyranny.

PHẢI THUỘC / MEMORISE — “cách mệnh là việc chung cả dân chúng chứ không phải việc một hai người” (Hồ Chí Minh: Toàn tập, t.2, tr.283). “công nông là chủ cách mệnh... là gốc cách mệnh” (Toàn tập, t.2, tr.288).

“revolution is the common work of all the people, not the work of one or two persons” (Hồ Chí Minh: Complete Works, vol. 2, p. 283). “workers and peasants are the masters of the revolution... the root of the revolution” (vol. 2, p. 288).

Sách lược văn tắt (1930): đối xử với từng giai tầng — *The Brief Strategy (1930): treatment of each class and stratum*

Giai tầng <i>Class / stratum</i>	Chủ trương của Đảng <i>Party line</i>	Vị trí trong lực lượng <i>Place in the forces</i>
Giai cấp công nhân <i>Working class</i>	Thu phục đại bộ phận <i>Win over the majority</i>	Nòng cốt, lãnh đạo qua Đảng <i>Core, leading through the Party</i>
Nông dân <i>Peasants</i>	Tập hợp đại bộ phận dân cày; dựa vào dân cày nghèo làm thổ địa cách mạng <i>Gather the majority; rely on poor peasants for the agrarian revolution</i>	Cùng công nhân làm gốc <i>Root, together with workers</i>
Tiểu tư sản, trí thức, trung nông <i>Petty bourgeoisie, intellectuals, middle peasants</i>	Liên lạc để kéo về phía vô sản giai cấp <i>Link with them to draw them to the proletariat</i>	Đồng minh <i>Allies</i>
Phú nông, trung, tiểu địa chủ, tư bản Việt Nam chưa rõ mặt phản cách mạng <i>Rich peasants, middle and small landlords, Vietnamese capitalists not openly counter-revolutionary</i>	Lợi dụng; ít nhất làm cho họ trung lập <i>Make use of them; at least neutralise them</i>	Lực lượng có thể tranh thủ <i>Forces that can be won over</i>

Khi Pháp xâm lược lần thứ hai, Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến (12/1946) mở lực lượng ra mọi người Việt Nam: “Bất kỳ đàn ông, đàn bà, bất kỳ người già, người trẻ, không chia tôn giáo, đảng phái, dân tộc. Hễ là người Việt Nam thì phải đứng lên đánh thực dân Pháp để cứu Tổ quốc” (Toàn tập, t.4, tr.534).

When France invaded a second time, the Appeal for National Resistance (December 1946) opened the forces to every Vietnamese: “Men and women, old and young, regardless of religion, party or ethnicity. Whoever is Vietnamese must rise up to fight the French colonialists to save the Fatherland” (Complete Works, vol. 4, p. 534).

Trong khối toàn dân, công nhân và nông dân là gốc vì hai giai cấp này đông nhất, cách mạng nhất, bị bóc lột nặng nhất. Đường cách mệnh giải thích: công nông là tay không chân rồi, nếu thua chỉ mất một kiếp khổ, nếu được thì được cả thế giới, nên họ gan góc, “lòng cách mệnh càng bền, chí cách mệnh càng quyết”.

Within the whole people, workers and peasants are the root because they are the most numerous, most revolutionary and most exploited. The Revolutionary Path explains: workers and peasants have nothing; if they lose they lose only a life of misery, if they win they gain the whole world, so they are bold, “the more lasting their revolutionary heart, the firmer their revolutionary will”.

LỖI HAY GẶP / COMMON MISTAKE — Hai lỗi đối xứng: (1) viết lực lượng “chỉ gồm công nhân và nông dân” — đó là cách nhìn hẹp mà Hồ Chí Minh không theo; (2) viết “toàn

dân, không phân biệt ai là chính” — bỏ mất vế **liên minh công – nông làm nền tảng**. Câu trả lời đủ phải có cả hai vế.

*Two mirror errors: (1) writing that the forces “are only workers and peasants” — a narrow view Hồ Chí Minh did not hold; (2) writing “the whole people with no main group” — dropping **the worker–peasant alliance as the foundation**. A full answer needs both halves.*

d. Cách mạng giải phóng dân tộc cần chủ động, sáng tạo, có khả năng giành thắng lợi trước cách mạng vô sản ở chính quốc — d. National liberation revolution must be proactive and creative and can win before the proletarian revolution in the metropolis

Do chưa đánh giá hết tiềm năng của cách mạng thuộc địa, Quốc tế Cộng sản có lúc đặt nó vào thế lệ thuộc cách mạng ở chính quốc. **Đại hội VI Quốc tế Cộng sản (1928)** thông qua Những luận cương về phong trào cách mạng trong các nước thuộc địa và nửa thuộc địa, cho rằng chỉ giải phóng hoàn toàn thuộc địa được khi giai cấp vô sản thắng lợi ở các nước tư bản tiên tiến. Quan điểm đó làm giảm tính chủ động của nhân dân thuộc địa.

*Not fully appreciating the potential of colonial revolution, the Communist International at times treated it as dependent on the proletarian revolution in the metropolis. The **6th Congress of the Communist International (1928)** adopted the Theses on the Revolutionary Movement in the Colonies and Semi-Colonies, holding that colonies could be fully freed only when the proletariat won in advanced capitalist countries. That view sapped the colonial peoples’ initiative.*

Bảng so sánh: Hồ Chí Minh và quan điểm đương thời trong Quốc tế Cộng sản —
Comparison: Hồ Chí Minh and the prevailing view in the Communist International

Tiêu chí <i>Criterion</i>	Quan điểm đương thời (Đại hội VI Quốc tế Cộng sản, 1928) <i>Prevailing view (6th Comintern Congress, 1928)</i>	Quan điểm Hồ Chí Minh <i>Hồ Chí Minh's view</i>
Quan hệ hai cuộc cách mạng <i>Relation of the two revolutions</i>	Cách mạng thuộc địa phụ thuộc cách mạng chính quốc <i>Colonial revolution depends on the metropolitan one</i>	Gắn bó, tác động qua lại, bình đẳng, không lệ thuộc nhau <i>Linked, mutually influencing, equal, not dependent on each other</i>
Thời điểm thắng lợi <i>Timing of victory</i>	Thuộc địa chỉ giải phóng hoàn toàn sau khi vô sản chính quốc thắng <i>Colonies fully freed only after the metropolitan proletariat wins</i>	Thuộc địa có thể giành thắng lợi trước <i>Colonies can win first</i>
Vai trò của thuộc địa <i>Role of colonies</i>	Xem nhẹ <i>Underrated</i>	Nơi tập trung “nọc độc và sức sống” của chủ nghĩa tư bản <i>Where capitalism's “venom and vitality” are concentrated</i>
Tác động với phong trào <i>Effect on the movement</i>	Làm giảm tính chủ động, sáng tạo của nhân dân thuộc địa <i>Weakens colonial peoples' initiative and creativity</i>	Kêu gọi tự giải phóng bằng nỗ lực của chính mình <i>Calls for self-liberation by one's own efforts</i>
Kiểm nghiệm lịch sử <i>Historical test</i>	Không đúng với thực tế sau đó <i>Not borne out by later events</i>	Đúng: Việt Nam 1945, phong trào giải phóng dân tộc những năm 60 thắng lợi khi cách mạng chính quốc chưa nổ ra <i>Confirmed: Vietnam 1945 and the 1960s liberation movements won before any metropolitan revolution</i>

PHẢI THUỘC / MEMORISE — Đại hội V Quốc tế Cộng sản (1924): “Vận mệnh của giai cấp vô sản thế giới và đặc biệt là vận mệnh của giai cấp vô sản ở các nước đi xâm lược thuộc địa gắn chặt với vận mệnh của giai cấp bị áp bức ở các thuộc địa” (Toàn tập, t.1, tr.295). **Bản án chế độ thực dân Pháp (1925):** “Chủ nghĩa tư bản là một con đũa có một cái vôi bám vào giai cấp vô sản ở chính quốc và một cái vôi khác bám vào giai cấp vô sản ở thuộc địa. Nếu muốn giết con vật ấy, người ta phải đồng thời cắt cả hai vôi” (Toàn tập, t.2, tr.130).

5th Comintern Congress (1924): “The destiny of the world proletariat, and especially that of the proletariat of the colonising countries, is closely bound up with the destiny of the oppressed class in the colonies” (Complete Works, vol. 1, p. 295). **French Colonialism on Trial (1925):** “Capitalism is a leech with one sucker attached to the proletariat of the metropolis and another attached to the proletariat of the colonies. If one wants to kill the creature, one must cut off both suckers at the same time” (vol. 2, p. 130).

Hồ Chí Minh đi xa hơn: cách mạng thuộc địa không phụ thuộc mà có thể thắng trước. Người viết: “Ngày mà hàng trăm triệu nhân dân châu Á bị tàn sát và áp bức thức tỉnh để gạt bỏ sự bóc lột đê tiện của một bọn thực dân lòng tham không đáy, họ sẽ hình thành một lực lượng khổng lồ, và trong khi thủ tiêu một trong những điều kiện tồn tại của chủ nghĩa tư bản là chủ nghĩa đế quốc, họ có thể giúp đỡ những người anh em mình ở phương Tây trong nhiệm vụ giải phóng hoàn toàn” (Toàn tập, t.1, tr.48).

Hồ Chí Minh went further: colonial revolution is not dependent and can win first. He wrote: “The day when the hundreds of millions of massacred and oppressed Asians awaken to cast off the vile exploitation of a handful of insatiable colonialists, they will form a gigantic force, and in abolishing one of the conditions for the existence of capitalism, namely imperialism, they can help their brothers in the West in the task of complete emancipation” (Complete Works, vol. 1, p. 48).

Ba cơ sở của luận điểm — *Three grounds of the thesis*

Cơ sở <i>Ground</i>	Nội dung <i>Content</i>	Câu trích / nguồn <i>Quotation / source</i>
1. Vị trí của thuộc địa <i>1. Place of the colonies</i>	Thuộc địa là nơi duy trì sự tồn tại, là món mồi “béo bở” của chủ nghĩa đế quốc; thờ ơ với cách mạng thuộc địa là đánh sai chỗ <i>Colonies sustain imperialism and are its “fat prey”; neglecting colonial revolution hits the wrong spot</i>	Phiên họp thứ Tám Đại hội V Quốc tế Cộng sản (23/6/1924): “nọc độc và sức sống của con rắn độc tư bản chủ nghĩa đang tập trung ở các thuộc địa hơn là ở chính quốc”; thờ ơ thì như “đánh chết rắn đằng đuôi” (Toàn tập, t.1, tr.296) <i>8th session of the 5th Comintern Congress (23 June 1924): “the venom and vitality of the capitalist viper are concentrated in the colonies more than in the metropolis”; neglect is like “killing the snake by the tail” (vol. 1, p. 296)</i>
2. Tinh thần đấu tranh của dân tộc thuộc địa <i>2. Fighting spirit of colonial peoples</i>	Khi được tập hợp, hướng dẫn, giác ngộ, tinh thần đó bùng lên thành sức mạnh lớn <i>Once gathered, guided and awakened, that spirit flares into great strength</i>	“lực lượng khổng lồ” (Toàn tập, t.1, tr.48) <i>“a gigantic force” (vol. 1, p. 48)</i>
3. Khả năng tự giải phóng <i>3. Capacity for self-liberation</i>	C.Mác nói giai cấp công nhân tự giải phóng mình; Hồ Chí Minh mở rộng ý đó sang các dân tộc thuộc địa <i>Applies Marx’s idea of the working class’s self-emancipation to colonial peoples</i>	Tuyên ngôn của Hội liên hiệp thuộc địa: “công cuộc giải phóng anh em chỉ có thể thực hiện được bằng sự nỗ lực của bản thân anh em” (Toàn tập, t.2, tr.137-138) <i>Manifesto of the Intercolonial Union: “your liberation can only be achieved through your own efforts” (vol. 2, pp. 137-138)</i>

VÍ DỤ / EXAMPLE — Mẹo nhớ ba cơ sở bằng hình ảnh con rắn: **ĐẦU rắn ở thuộc địa** (nọc độc tập trung ở đó) – **dân thuộc địa là cây gây khổng lồ** (lực lượng khổng lồ) – **tự cầm**

gậy (tự giải phóng bằng nỗ lực của chính mình). Đánh rắn phải đánh đầu, và người bị rắn cắn phải tự ra tay trước.

*Memory aid for the three grounds, using the snake: **the snake's HEAD is in the colonies** (the venom is there) – **the colonial peoples are a giant stick** (a gigantic force) – **they hold the stick themselves** (self-liberation by their own efforts). Hit the snake on the head, and the one bitten must strike first.*

LỖI HAY GẶP / COMMON MISTAKE — Ba lỗi hay gặp: (1) hiểu “thắng lợi trước” là cách mạng thuộc địa **tách rời** cách mạng chính quốc — Hồ Chí Minh vẫn nói phải cắt **cả hai vôi**, và thuộc địa thắng trước để **giúp** anh em phương Tây; (2) nhầm **Đại hội V (1924)** — nơi Hồ Chí Minh phát biểu — với **Đại hội VI (1928)** — nơi thông qua quan điểm coi thuộc địa phụ thuộc; (3) gán hình ảnh con đũa cho Đường cách mệnh — giáo trình dẫn từ **Bản án chế độ thực dân Pháp (1925)**.

*Three common mistakes: (1) reading “win first” as colonial revolution **detached** from the metropolitan one — Hồ Chí Minh still said **both suckers** must be cut, and the colony wins first in order to **help** its Western brothers; (2) confusing the **5th Congress (1924)** — where Hồ Chí Minh spoke — with the **6th Congress (1928)** — which adopted the dependency view; (3) attributing the leech image to The Revolutionary Path — the textbook cites **French Colonialism on Trial (1925)**.*

e. Cách mạng giải phóng dân tộc phải được tiến hành bằng phương pháp bạo lực cách mạng — *e. National liberation revolution must be carried out by revolutionary violence*

Tác giả <i>Author</i>	Tác phẩm, năm <i>Work, year</i>	Ý chính về bạo lực cách mạng <i>Main idea on revolutionary violence</i>
C.Mác <i>K. Marx</i>	Tư bản, quyển I (xuất bản lần đầu 1867) <i>Capital, Volume I (first published 1867)</i>	“Bạo lực là bà đỡ của một chế độ xã hội cũ đang thai nghén một chế độ mới” <i>“Force is the midwife of every old society pregnant with a new one”</i>
Ph.Ăngghen <i>F. Engels</i>	Chống Duyrinh (1878) <i>Anti-Dühring (1878)</i>	Nhắc lại ý của Mác; bạo lực là công cụ để vận động xã hội mở đường, đập tan những hình thức chính trị đã hóa đá <i>Restates Marx; force is the tool by which social movement opens its way and smashes fossilised political forms</i>
V.I.Lênin <i>V.I. Lenin</i>	Từ kinh nghiệm Cách mạng Tháng Mười <i>From the October Revolution's experience</i>	Không có bạo lực cách mạng thì không thể thay nhà nước tư sản bằng nhà nước vô sản <i>Without revolutionary violence the bourgeois state cannot be replaced by a proletarian one</i>
Hồ Chí Minh <i>Hồ Chí Minh</i>	Vận dụng vào cách mạng Việt Nam <i>Applied to the Vietnamese revolution</i>	Dùng bạo lực cách mạng chống bạo lực phản cách mạng; bạo lực của quần chúng, hai lực lượng, hai hình thức đấu tranh <i>Revolutionary violence against counter-revolutionary violence; violence of the masses, two forces, two forms of struggle</i>

Vì sao phải dùng bạo lực cách mạng. Thực dân chiếm thuộc địa bằng vũ lực, cai trị bằng đàn áp, thủ tiêu quyền tự do, dân chủ cơ bản, bóc lột dân thuộc địa tới bước đường

cùng. Kẻ thù dùng bạo lực phản cách mạng thì muốn đánh đổ thực dân – phong kiến, giành độc lập, phải dùng bạo lực cách mạng.

Why revolutionary violence is needed. *Colonialists took colonies by force, ruled by repression, abolished basic freedoms and democratic rights and drove colonial peoples to the wall. Since the enemy uses counter-revolutionary violence, overthrowing colonialism and feudalism to win independence requires revolutionary violence.*

PHẢI THUỘC / MEMORISE — “Trong cuộc đấu tranh gian khổ chống kẻ thù của giai cấp và dân tộc, cần dùng bạo lực cách mạng chống lại bạo lực phản cách mạng, giành lấy chính quyền và bảo vệ chính quyền” (giáo trình dẫn). “Chế độ thực dân, tự bản thân nó, đã là một hành động bạo lực của kẻ mạnh đối với kẻ yếu rồi” (Hồ Chí Minh: Toàn tập, t.1, tr.114).

“In the arduous struggle against the enemies of the class and the nation, revolutionary violence must be used against counter-revolutionary violence to seize power and defend power” (as cited in the textbook). “Colonialism, in itself, is already an act of violence of the strong against the weak” (Hồ Chí Minh: Complete Works, vol. 1, p. 114).

Hình thức bạo lực cách mạng: hai lực lượng, hai hình thức đấu tranh — *Forms of revolutionary violence: two forces, two forms of struggle*

Mặt Aspect	Lực lượng, đấu tranh chính trị Political forces and struggle	Lực lượng, đấu tranh vũ trang Armed forces and struggle
Chủ thể Agent	Quần chúng nhân dân được tổ chức <i>The organised masses</i>	Lực lượng vũ trang nhân dân <i>The people's armed forces</i>
Vai trò Role	Cơ sở, nền tảng để xây dựng lực lượng vũ trang và đấu tranh vũ trang <i>Basis and foundation for building armed forces and armed struggle</i>	Có ý nghĩa quyết định trong tiêu diệt lực lượng quân sự, đập tan âm mưu thôn tính, kết thúc chiến tranh <i>Decisive in destroying military forces, defeating annexation schemes, ending the war</i>
Cách mạng Tháng Tám 1945 <i>August Revolution 1945</i>	Chủ yếu dựa vào lực lượng chính trị của quần chúng cả nước <i>Relied mainly on the political forces of the masses nationwide</i>	Kết hợp với lực lượng vũ trang <i>Combined with armed forces</i>

PHẢI THUỘC / MEMORISE — “Tuỳ tình hình cụ thể mà quyết định những hình thức đấu tranh cách mạng thích hợp, sử dụng đúng và khéo kết hợp các hình thức đấu tranh vũ trang và đấu tranh chính trị để giành thắng lợi cho cách mạng” (giáo trình dẫn). Công thức nhớ: **chính trị là nền tảng – vũ trang là quyết định – kết hợp tùy tình hình.**

*“Depending on the concrete situation, decide the suitable forms of revolutionary struggle, and use correctly and combine skilfully armed struggle and political struggle to win victory for the revolution” (as cited in the textbook). Formula: **politics is the foundation – arms are decisive – combine to fit the situation.***

LỖI HAY GẶP / COMMON MISTAKE — Đồng nhất bạo lực cách mạng với **đấu tranh vũ trang** hoặc với hành động khủng bố. Theo Hồ Chí Minh, đó là bạo lực **của quần chúng**,

gồm cả lực lượng chính trị và lực lượng vũ trang; Cách mạng Tháng Tám thắng chủ yếu nhờ lực lượng chính trị. Lỗi thứ hai: viết “đấu tranh chính trị có ý nghĩa quyết định” — giáo trình gán vai trò quyết định cho **đấu tranh vũ trang**, vai trò nền tảng cho chính trị.

*Equating revolutionary violence with **armed struggle** or with terrorism. For Hồ Chí Minh it is violence **of the masses**, with both political and armed forces; the August Revolution won mainly through political forces. Second error: writing “political struggle is decisive” — the textbook gives the decisive role to **armed struggle** and the foundational role to politics.*

Tổng hợp: năm luận điểm → nội dung → giá trị sáng tạo — Summary: five theses → content → creative value

Luận điểm <i>Thesis</i>	Nội dung cốt lõi <i>Core content</i>	Ý nghĩa / giá trị sáng tạo <i>Significance / creative value</i>
a. Con đường cách mạng vô sản <i>a. Proletarian path</i>	Gạt bỏ con đường tư sản; giải phóng dân tộc trước hết; độc lập gắn chủ nghĩa xã hội <i>Rejects the bourgeois path; national liberation first; independence tied to socialism</i>	Chấm dứt khủng hoảng đường lối; đổi trình tự giải phóng cho thuộc địa <i>Ends the crisis of line; reorders liberation for colonies</i>
b. Đảng Cộng sản lãnh đạo <i>b. Communist Party leadership</i>	Cách mệnh trước hết phải có đảng; Đảng của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và dân tộc <i>A revolution first needs a party; the party of the working class, working people and the nation</i>	Bổ sung lý luận mácxít về đảng <i>Adds to Marxist theory of the party</i>
c. Đại đoàn kết toàn dân, công – nông làm nền tảng <i>c. Great national unity on a worker–peasant base</i>	Cách mệnh là việc chung cả dân chúng; công nông là gốc <i>Revolution is everyone’s work; workers and peasants are the root</i>	Mở rộng lực lượng hơn hẳn cách nhìn chỉ công – nông <i>Far broader forces than a workers–and-peasants-only view</i>
d. Chủ động, thắng lợi trước <i>d. Initiative, winning first</i>	Quan hệ bình đẳng với cách mạng chính quốc; có thể thắng trước <i>Equal relation with the metropolitan revolution; can win first</i>	Sáng tạo nổi bật so với Đại hội VI Quốc tế Cộng sản; được 1945 và những năm 60 kiểm nghiệm <i>The most notable creation against the 6th Comintern Congress; proven in 1945 and the 1960s</i>
e. Bạo lực cách mạng <i>e. Revolutionary violence</i>	Bạo lực của quần chúng, hai lực lượng, hai hình thức, kết hợp tùy tình hình <i>Mass violence, two forces, two forms, combined to fit the situation</i>	Vận dụng sáng tạo học thuyết Mác – Lênin; dẫn tới tổng khởi nghĩa Tháng Tám <i>Creative application of Marxism–Leninism; led to the August general uprising</i>

Bảng tra nhanh: tác phẩm – năm – câu trích gắn với mục 3.1 – 3.2 — Quick reference: work – year – quotation for sections 3.1 – 3.2

Tác phẩm / văn kiện <i>Work / document</i>	Năm <i>Year</i>	Gắn với <i>Linked to</i>
Yêu sách của nhân dân An Nam <i>Demands of the Annamese People</i>	1919 <i>1919</i>	Bình đẳng pháp lý, tự do, dân chủ (3.1a) <i>Legal equality, freedom, democracy (3.1a)</i>
Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa (Lênin) <i>Lenin's First Draft of Theses on the National and Colonial Questions</i>	1920 <i>1920</i>	Tìm ra con đường cách mạng vô sản (3.2a) <i>Finding the proletarian path (3.2a)</i>
Phát biểu tại Đại hội V Quốc tế Cộng sản <i>Speech at the 5th Comintern Congress</i>	1924 <i>1924</i>	Vận mệnh gắn chặt; “đánh chết rắn đằng đuôi” (3.2d) <i>Linked destinies; “killing the snake by the tail” (3.2d)</i>
Bản án chế độ thực dân Pháp <i>French Colonialism on Trial</i>	1925 <i>1925</i>	Con đĩa hai vòi (3.2d) <i>The two-sucker leech (3.2d)</i>
Đường cách mệnh <i>The Revolutionary Path</i>	1927 <i>1927</i>	Cách mệnh không đến nơi; trước hết phải có đảng; công nông là gốc (3.2a, b, c) <i>Unfinished revolution; first a party; workers and peasants the root (3.2a, b, c)</i>
Đại hội VI Quốc tế Cộng sản <i>6th Comintern Congress</i>	1928 <i>1928</i>	Quan điểm thuộc địa phụ thuộc chính quốc (3.2d) <i>Colonies dependent on the metropolis (3.2d)</i>
Chánh cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt <i>Brief Political Programme, Brief Strategy</i>	1930 <i>1930</i>	Hoàn toàn độc lập; chưa nêu người cày có ruộng; phân loại giai tầng (3.1a, 3.2a, c) <i>Complete independence; no land-to-the-tiller yet; sorting of classes (3.1a, 3.2a, c)</i>
Tuyên ngôn Độc lập <i>Declaration of Independence</i>	2/9/1945 <i>2 Sep 1945</i>	Quyền của mọi dân tộc (3.1a) <i>Rights of all nations (3.1a)</i>
Hiệp định Sơ bộ <i>Preliminary Agreement</i>	6/3/1946 <i>6 Mar 1946</i>	Bốn yếu tố “của mình” (3.1c) <i>Four “its own” elements (3.1c)</i>
Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến <i>Appeal for National Resistance</i>	19/12/1946 <i>19 Dec 1946</i>	Thà hy sinh tất cả; mọi người Việt Nam đứng lên (3.1a, 3.2c) <i>Sacrifice everything; every Vietnamese rises (3.1a, 3.2c)</i>

Tác phẩm / văn kiện <i>Work / document</i>	Năm <i>Year</i>	Gắn với <i>Linked to</i>
Báo cáo chính trị tại Đại hội II <i>Political Report to the 2nd Congress</i>	1951 <i>1951</i>	Đảng của dân tộc Việt Nam (3.2b) <i>Party of the Vietnamese nation (3.2b)</i>
Lời kêu gọi đồng bào và chiến sĩ cả nước <i>Appeal to compatriots and fighters nationwide</i>	17/7/1966 <i>17 Jul 1966</i>	Không có gì quý hơn độc lập, tự do (3.1a) <i>Nothing is more precious than independence and freedom (3.1a)</i>

Lý luận → vận dụng hiện nay — Theory → application today

Luận điểm <i>Thesis</i>	Vận dụng hiện nay <i>Application today</i>
Con đường cách mạng vô sản, độc lập gắn chủ nghĩa xã hội <i>Proletarian path, independence tied to socialism</i>	Kiên định mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội trong công cuộc Đổi Mới; giữ mục tiêu đó khi đặt chiến lược phát triển cho giai đoạn mới <i>Hold firm to national independence tied to socialism in Đổi Mới (Renovation); keep that goal when setting development strategy for the new stage</i>
Đảng lãnh đạo <i>Party leadership</i>	Xây dựng, chỉnh đốn Đảng trong sạch, vững mạnh; chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực để giữ niềm tin của dân <i>Build and rectify a clean, strong Party; fight corruption, waste and negative practices to keep public trust</i>
Đại đoàn kết toàn dân, công – nông làm nền tảng <i>Great national unity on a worker–peasant base</i>	Liên minh công nhân – nông dân – trí thức; huy động doanh nhân, người Việt Nam ở nước ngoài; kinh tế tư nhân là một động lực theo Nghị quyết 68-NQ/TW <i>Worker–peasant–intellectual alliance; mobilising entrepreneurs and Vietnamese abroad; the private sector as a driving force under Resolution 68-NQ/TW</i>
Chủ động, sáng tạo, tự lực <i>Initiative, creativity, self-reliance</i>	Tự chủ chiến lược, tự chủ công nghệ; Nghị quyết 57-NQ/TW về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số <i>Strategic and technological self-reliance; Resolution 57-NQ/TW on science, technology, innovation and digital transformation</i>
Bạo lực cách mạng (hai lực lượng, kết hợp tùy tình hình) <i>Revolutionary violence (two forces, combined to fit the situation)</i>	Trong thời bình: kết hợp sức mạnh chính trị, kinh tế, ngoại giao, quốc phòng; giải quyết tranh chấp bằng biện pháp hòa bình, lấy thể trận lòng dân làm nền <i>In peacetime: combine political, economic, diplomatic and defence strength; settle disputes peacefully, on the foundation of popular support</i>

3.3. Quan niệm của Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội — *Hồ Chí Minh's conception of socialism*

Cách Hồ Chí Minh tiếp cận khái niệm chủ nghĩa xã hội — *How Hồ Chí Minh approached the concept*

Hồ Chí Minh không viết một định nghĩa duy nhất về chủ nghĩa xã hội. Người giải thích nó cho cán bộ, nông dân, công nhân bằng lời nói thường ngày, mỗi lần nhấn vào một mặt: kinh tế, chính trị, văn hóa, khoa học – kỹ thuật, động lực hay nguồn lực. Các cách nói ấy khác nhau về góc nhìn nhưng cùng chỉ về một đích: đời sống của người lao động.

Hồ Chí Minh never wrote a single definition of socialism. He explained it to cadres, peasants and workers in everyday language, each time stressing one side: the economy, politics, culture, science and technology, driving forces or resources. These formulations differ in angle but point to one target: the life of working people.

PHẢI THUỘC / MEMORISE — “Nói một cách tóm tắt, mộc mạc, chủ nghĩa xã hội trước hết nhằm làm cho nhân dân lao động thoát nạn bần cùng, làm cho mọi người có công ăn việc làm, được ấm no và sống một đời hạnh phúc” (Xem: Hồ Chí Minh: Toàn tập, t.12, tr.415; t.10, tr.390). Mục tiêu gói lại: **dân giàu, nước mạnh**.

*“Put briefly and plainly, socialism aims first of all to free the working people from poverty, to give everyone a job, to let them be well fed and live a happy life” (See: Hồ Chí Minh: Complete Works, vol. 12, p. 415; vol. 10, p. 390). The goal in short: **a rich people, a strong country**.*

Góc tiếp cận <i>Angle</i>	Hồ Chí Minh nhấn vào <i>What he stressed</i>	Cách nhớ <i>Memory cue</i>
Mục tiêu <i>Goal</i>	Thoát nghèo, có việc làm, ấm no, hạnh phúc; dân giàu, nước mạnh <i>Escape poverty, jobs, enough food, happiness; a rich people, a strong country</i>	Câu “mộc mạc” — học thuộc nguyên văn <i>The “plain” sentence — learn it word for word</i>
Chính trị <i>Politics</i>	Nhân dân làm chủ, Đảng lãnh đạo <i>The people as masters, the Party leading</i>	Dân là chủ <i>The people own</i>
Kinh tế <i>Economy</i>	Sức sản xuất phát triển cao, tư liệu sản xuất chủ yếu là của chung <i>Developed productive forces, principal means of production held in common</i>	Máy móc, sức điện, sức nguyên tử <i>Machines, electricity, atomic power</i>
Quan hệ cá nhân – tập thể <i>Individual and collective</i>	Lợi ích riêng nằm trong lợi ích chung <i>Private interest lies within the common interest</i>	Chung được bảo đảm thì riêng mới được thỏa mãn <i>Common first, then private</i>
Lịch sử – giai đoạn <i>History and stage</i>	Giai đoạn thấp của chủ nghĩa cộng sản <i>The lower stage of communism</i>	Còn “chút ít vết tích” xã hội cũ <i>Still “some traces” of the old society</i>

Chủ nghĩa xã hội khác các chế độ trước ở chỗ nào — *How socialism differs from earlier systems*

Để làm rõ chỗ khác về bản chất, Hồ Chí Minh đặt các chế độ cạnh nhau và lấy lợi ích cá nhân làm thước đo. Dưới ách giai cấp bóc lột, chỉ nhóm nhỏ cầm quyền được thỏa mãn quyền lợi riêng, còn quyền lợi của số đông lao động bị chà đạp. Ở chế độ do nhân dân lao động làm chủ, mỗi người là một thành viên của tập thể, có chỗ đứng và phần đóng góp riêng, nên lợi ích cá nhân trở thành một bộ phận của lợi ích chung.

To show the difference in nature, Hồ Chí Minh set the systems side by side and used individual interest as the yardstick. Under an exploiting class, only the small ruling group has its private interests satisfied, while those of the labouring majority are trampled. Under a system run by working people, each person is a member of the collective with a place and a contribution, so individual interest becomes part of the common interest.

PHẢI THUỘC / MEMORISE — “Lợi ích chung của tập thể được bảo đảm thì lợi ích riêng của cá nhân mới có điều kiện được thỏa mãn” (Hồ Chí Minh: Toàn tập, t.15, tr.391).

“Only when the common interests of the collective are ensured do the private interests of the individual have the conditions to be satisfied” (Hồ Chí Minh: Complete Works, vol. 15, p. 391).

Tiêu chí <i>Criterion</i>	Xã hội có giai cấp bóc lột thống trị <i>Society ruled by an exploiting class</i>	Xã hội xã hội chủ nghĩa <i>Socialist society</i>
Ai làm chủ <i>Who rules</i>	Thiểu số giai cấp thống trị <i>The ruling minority</i>	Nhân dân lao động <i>Working people</i>
Lợi ích cá nhân của số đông <i>Individual interests of the majority</i>	Bị giày xéo <i>Trampled</i>	Được tính đến, nằm trong lợi ích tập thể <i>Taken into account, part of the collective interest</i>
Vị trí của mỗi người <i>Each person's place</i>	Công cụ làm giàu cho người khác <i>A tool to enrich others</i>	Một bộ phận của tập thể, có đóng góp riêng <i>A member of the collective with a contribution</i>
Quan hệ riêng – chung <i>Private and common</i>	Đối lập nhau <i>Opposed</i>	Thống nhất, gắn chặt với nhau <i>United and closely bound</i>

Chủ nghĩa xã hội trong hai giai đoạn của chủ nghĩa cộng sản — *Socialism within the two stages of communism*

Hồ Chí Minh đặt mục đích của cách mạng Việt Nam là tiến tới chủ nghĩa xã hội rồi chủ nghĩa cộng sản. Người giải thích hình thái cộng sản có hai nấc: nấc thấp gọi là chủ nghĩa xã hội, nấc cao gọi là chủ nghĩa cộng sản (Xem: Hồ Chí Minh: Toàn tập, t.8, tr.289 – 290).

Hồ Chí Minh set the aim of the Vietnamese revolution as advancing to socialism and then communism. He explained that the communist formation has two levels: the lower one is called socialism, the higher one communism (See: Hồ Chí Minh: Complete Works, vol. 8, pp. 289–290).

Điểm so sánh <i>Point</i>	Giai đoạn thấp (chủ nghĩa xã hội) <i>Lower stage (socialism)</i>	Giai đoạn cao (chủ nghĩa cộng sản) <i>Higher stage (communism)</i>
Sức sản xuất <i>Productive forces</i>	Đã phát triển cao <i>Highly developed</i>	Đã phát triển cao <i>Highly developed</i>
Tư liệu sản xuất <i>Means of production</i>	Là của chung <i>Common property</i>	Là của chung <i>Common property</i>
Áp bức, bóc lột <i>Oppression and exploitation</i>	Không còn giai cấp áp bức, bóc lột <i>No oppressing or exploiting class</i>	Không còn giai cấp áp bức, bóc lột <i>No oppressing or exploiting class</i>
Dấu vết xã hội cũ <i>Traces of the old society</i>	Còn chút ít <i>Some remain</i>	Không còn <i>None remain</i>

PHẢI THUỘC / MEMORISE — Theo Hồ Chí Minh, **chủ nghĩa xã hội là giai đoạn đầu của chủ nghĩa cộng sản**: dù còn sót lại một ít tàn dư của xã hội cũ, ở đó không còn áp bức, bóc lột; nhân dân lao động làm chủ; con người được ấm no, tự do, hạnh phúc; lợi ích cá nhân và tập thể thống nhất, gắn bó với nhau.

For Hồ Chí Minh, socialism is the first stage of communism: though some remnants of the old society linger, there is no oppression or exploitation; working people are the masters; people live in plenty, freedom and happiness; individual and collective interests are united and bound together.

LỖI HAY GẶP / COMMON MISTAKE — Cho rằng chủ nghĩa xã hội đã “sạch” mọi dấu vết xã hội cũ. Đó là đặc điểm của giai đoạn cao; giai đoạn chủ nghĩa xã hội vẫn còn chút ít vết tích cũ, nên mới cần thời kỳ quá độ lâu dài và quan điểm “xây” đi đôi với “chống”.

Claiming socialism is “clean” of every trace of the old society. That describes the higher stage; socialism still bears some old traces, which is why a long transition and the view that “building” goes with “fighting” are needed.

Tiến lên chủ nghĩa xã hội là tất yếu khách quan — *Advancing to socialism is objectively inevitable*

Cơ sở lý luận là học thuyết hình thái kinh tế – xã hội của C. Mác: xã hội loài người phát triển như một quá trình lịch sử – tự nhiên. Mác và Ăngghen kết luận: “Sự sụp đổ của giai cấp tư sản và thắng lợi của giai cấp vô sản là tất yếu như nhau” (C.Mác và Ph.Ăngghen: Toàn tập, t.4, tr.613).

The theoretical basis is Marx’s theory of socio-economic formations: human society develops as a natural-historical process. Marx and Engels concluded: “The fall of the bourgeoisie and the victory of the proletariat are equally inevitable” (K. Marx and F. Engels: Complete Works, vol. 4, p. 613).

Hồ Chí Minh áp dụng học thuyết này vào tiến trình lịch sử bằng hình ảnh dễ hiểu: công cụ đi từ cành cây, búa đá tới máy móc, sức điện, sức nguyên tử; chế độ xã hội đi từ cộng sản nguyên thủy qua nô lệ, phong kiến, tư bản tới xã hội chủ nghĩa. Người khẳng định: “Sự phát triển và tiến bộ đó không ai ngăn cản được” (Hồ Chí Minh: Toàn tập, t.11, tr.600 – 601).

Hồ Chí Minh applied this theory to the course of history with plain images: tools went from branches and stone hammers to machines, electricity and atomic power; social systems went from primitive communism through slavery, feudalism and capitalism to socialism. He affirmed: “No one can stop that development and progress” (Hồ Chí Minh: Complete Works, vol. 11, p. 600 – 601).

Năm 1953, Người chỉ ra rằng lối đi lên chủ nghĩa xã hội không giống nhau giữa các nước, tùy hoàn cảnh (Xem: Hồ Chí Minh: Toàn tập, t.8, tr.293).

In 1953 he pointed out that the road to socialism differs between countries, depending on circumstances (See: Hồ Chí Minh: Complete Works, vol. 8, p. 293).

Con đường <i>Path</i>	Ví dụ Hồ Chí Minh nêu <i>His examples</i>	Điều kiện xuất phát <i>Starting point</i>
Đi thẳng đến chủ nghĩa xã hội <i>Straight to socialism</i>	Liên Xô <i>The Soviet Union</i>	Đã qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa <i>Has passed through capitalist development</i>
Kinh qua chế độ dân chủ mới rồi tiến lên chủ nghĩa xã hội <i>Through new democracy, then to socialism</i>	Các nước Đông Âu, Trung Quốc, Việt Nam <i>Eastern Europe, China, Vietnam</i>	Chưa qua tư bản chủ nghĩa; trước hết đánh đổ đế quốc, phong kiến dưới sự lãnh đạo của Đảng <i>Not yet capitalist; first overthrow imperialism and feudalism under the Party's leadership</i>

- **Chế độ dân chủ mới** theo Hồ Chí Minh: do Đảng và giai cấp công nhân lãnh đạo, sau khi nhân dân đã đánh đổ đế quốc và phong kiến; dựa trên liên minh công – nông; nhân dân lao động làm chủ, chuyên chính dân chủ nhân dân theo chủ nghĩa Mác – Lênin.
New democracy in Hồ Chí Minh's sense: led by the Party and the working class after the people have overthrown imperialism and feudalism; based on the worker-peasant alliance; working people as masters, a people's democratic dictatorship guided by Marxism-Leninism.
- Kết luận của Người: quy luật đi lên chủ nghĩa xã hội là chung, nhưng thời gian và phương thức ở mỗi nước khác nhau. Đây là cách Hồ Chí Minh kết hợp cái phổ biến với cái đặc thù.
His conclusion: the law of advancing to socialism is general, but its timing and method differ by country. This is how Hồ Chí Minh combined the universal with the particular.
- Với Việt Nam, các ngã cứu nước khác đều đã thất bại; theo Người, chỉ chủ nghĩa xã hội mới đem lại tự do, bình đẳng, bác ái và phá bỏ những bức tường ngăn cách con người (Xem: Hồ Chí Minh: Toàn tập, t.1, tr.496). Lựa chọn này vừa hợp quy luật vừa đáp ứng khát vọng của dân tộc.
For Vietnam, every other route to national salvation had failed; in his view, only socialism brings freedom, equality and fraternity and breaks the walls that divide people (See: Hồ Chí Minh: Complete Works, vol. 1, p. 496). The choice both follows historical law and answers the nation's aspirations.

LỖI HAY GẶP / COMMON MISTAKE — Nhầm hai chữ “thẳng”. Năm 1953, “đi thẳng đến chủ nghĩa xã hội như Liên Xô” là nói nước **không cần chặng dân chủ mới**. Khi bàn thời

kỳ quá độ, “tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội” của Việt Nam lại là **không kinh qua giai đoạn tư bản chủ nghĩa**. Viết bài cần nói rõ đang dùng nghĩa nào.

*Confusing two uses of “straight”. In 1953, “going straight to socialism like the Soviet Union” means a country **needing no new-democracy stage**. In the transition discussion, Vietnam “advancing straight to socialism” means **skipping the capitalist stage**. Say which sense you mean.*

Bốn đặc trưng cơ bản của xã hội xã hội chủ nghĩa — *Four basic features of socialist society*

Xét theo các lĩnh vực lớn của đời sống, xã hội xã hội chủ nghĩa trong tư tưởng Hồ Chí Minh có bốn đặc trưng. Bảng dưới gom mỗi đặc trưng thành một dòng để học và so sánh.

Viewed by the main fields of social life, socialist society in Hồ Chí Minh Thought has four features. The table puts each feature on one row for study and comparison.

Lĩnh vực <i>Field</i>	Đặc trưng <i>Feature</i>	Biểu hiện theo Hồ Chí Minh <i>As Hồ Chí Minh described it</i>	Từ khóa <i>Keyword</i>
Chính trị <i>Politics</i>	Xã hội có chế độ dân chủ <i>A democratic regime</i>	Nhân dân làm chủ dưới sự lãnh đạo của Đảng, trên nền liên minh công – nông; địa vị cao nhất là dân; Nhà nước của dân, do dân, vì dân <i>The people as masters under the Party, on the worker–peasant alliance; the highest position belongs to the people; a state of, by and for the people</i>	DÂN CHỦ <i>DEMOCRACY</i>
Kinh tế <i>Economy</i>	Kinh tế phát triển cao, lực lượng sản xuất hiện đại, công hữu tư liệu sản xuất chủ yếu <i>A highly developed economy, modern productive forces, public ownership of principal means of production</i>	Máy móc, sức điện, sức nguyên tử; nhà máy, xe lửa, ngân hàng là của chung <i>Machines, electricity, atomic power; factories, railways, banks as common property</i>	PHÁT TRIỂN CAO <i>HIGH DEVELOPMENT</i>
Văn hóa, đạo đức, quan hệ xã hội <i>Culture, ethics, social relations</i>	Văn hóa, đạo đức phát triển cao; công bằng, hợp lý <i>High culture and morality; fairness and reason</i>	Không còn người bóc lột người; bình đẳng trước pháp luật; làm nhiều hưởng nhiều, không làm không hưởng <i>No exploitation; equality before the law; more work, more reward; no work, no reward</i>	CÔNG BẰNG <i>FAIRNESS</i>
Chủ thể xây dựng <i>Builders</i>	Công trình tập thể của nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng <i>A collective work of the people led by the Party</i>	Dân là lực lượng quyết định tốc độ và độ vững; Đảng biết vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác – Lênin <i>The people set the pace and strength; a Party that applies Marxism–Leninism creatively</i>	DÂN + ĐẢNG <i>PEOPLE + PARTY</i>

PHẢI THUỘC / MEMORISE — Mẹo nhớ bốn đặc trưng theo thứ tự lĩnh vực **CHÍNH – KINH – VĂN – CHỦ**: chính trị dân chủ; kinh tế phát triển cao, công hữu; văn hóa – đạo đức cao, công bằng hợp lý; chủ thể là nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng.

*Memory cue for the four features by field, **POLITICS – ECONOMY – CULTURE – AGENT**: democratic politics; a highly developed economy with public ownership; high culture and morality, fair relations; the people as builders under the Party's leadership.*

Đặc trưng chính trị: chế độ dân chủ — *Political feature: a democratic regime*

Dân chủ ở đây trước hết có nghĩa là xã hội do nhân dân làm chủ, với Đảng Cộng sản lãnh đạo và liên minh công – nông làm nền. Mọi lợi ích, quyền hạn thuộc về dân; công việc xây dựng và bảo vệ đất nước cũng là việc của dân (Xem: Hồ Chí Minh: Toàn tập, t.13, tr.10; t.7, tr.434; t.6, tr.232...).

Democracy here means first of all a society run by the people, with the Communist Party leading and the worker-peasant alliance as its base. All interests and powers belong to the people; building and defending the country is also the people's work (See: Hồ Chí Minh: Complete Works, vol. 13, p. 10; vol. 7, p. 434; vol. 6, p. 232...).

Đặc trưng kinh tế: phát triển cao, công hữu tư liệu sản xuất chủ yếu — *Economic feature: high development and public ownership*

Chủ nghĩa xã hội là chế độ đứng cao hơn chủ nghĩa tư bản, vì vậy nền kinh tế của nó phải vượt kinh tế tư bản. Hồ Chí Minh mô tả hai mặt: lực lượng sản xuất là công cụ “đã phát triển dần đến máy móc, sức điện, sức nguyên tử” (Hồ Chí Minh: Toàn tập, t.11, tr.600); quan hệ sản xuất là đưa nhà máy, xe lửa, ngân hàng thành của chung, tư liệu sản xuất thuộc về nhân dân.

Socialism stands higher than capitalism, so its economy must surpass the capitalist one. Hồ Chí Minh described two sides: productive forces whose tools “have gradually developed into machinery, electric power and atomic power” (Hồ Chí Minh: Complete Works, vol. 11, p. 600); relations of production in which factories, railways and banks become common property and the means of production belong to the people.

VÍ DỤ / EXAMPLE — Liên hệ để hiểu chữ “hiện đại” theo tinh thần của Người: năm 1960 là sức điện, sức nguyên tử; hôm nay là dữ liệu, trí tuệ nhân tạo, năng lượng tái tạo. Nghị quyết 57-NQ/TW (22/12/2024) đặt khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số làm đột phá. Tiêu chí của Hồ Chí Minh không đổi: lực lượng sản xuất phải đứng ở trình độ tiên tiến của thời đại.

Read “modern” in his spirit: in 1960 it meant electricity and atomic power; today it means data, artificial intelligence and renewable energy. Resolution 57-NQ/TW (22 December 2024) makes science, technology, innovation and digital transformation the breakthrough. His criterion stays the same: productive forces must stand at the advanced level of the age.

Đặc trưng văn hóa, đạo đức và quan hệ xã hội — *Cultural, moral and social feature*

Văn hóa và đạo đức thấm vào mọi mặt đời sống, nhưng lộ rõ nhất trong quan hệ giữa người với người. Trình độ cao về văn hóa, đạo đức ở xã hội xã hội chủ nghĩa thể hiện qua

ba điều: chấm dứt cảnh người bóc lột người; con người được tôn trọng và đối xử công bằng; các dân tộc đoàn kết, gắn bó.

Culture and morality pervade every part of life but show most clearly in relations between people. A high cultural and moral level in socialist society shows in three things: an end to exploitation of man by man; people respected and treated fairly; ethnic groups united and attached to one another.

PHẢI THUỘC / MEMORISE — Theo Hồ Chí Minh, chỉ chủ nghĩa xã hội mới “chú ý xem xét những lợi ích cá nhân đúng đắn và bảo đảm cho nó được thỏa mãn” (Hồ Chí Minh: Toàn tập, t.11, tr.610); “chỉ ở trong chế độ xã hội chủ nghĩa thì mỗi người mới có điều kiện để cải thiện đời sống riêng của mình, phát huy tính cách riêng và sở trường riêng của mình” (Hồ Chí Minh: Toàn tập, t.11, tr.610).

For Hồ Chí Minh, only socialism “pays attention to and considers legitimate individual interests and ensures that they are satisfied” (Hồ Chí Minh: Complete Works, vol. 11, p. 610); “only under the socialist regime does each person have the conditions to improve his or her own life and to develop his or her own personality and particular strengths” (Hồ Chí Minh: Complete Works, vol. 11, p. 610).

Nguyên tắc công bằng <i>Principle of fairness</i>	Nội dung <i>Content</i>	Ngoại lệ, lưu ý <i>Exception, note</i>
Bình đẳng trước pháp luật <i>Equality before the law</i>	Mọi công dân có quyền và nghĩa vụ như nhau <i>All citizens share the same rights and duties</i>	Không phân biệt dân tộc, giàu nghèo <i>Regardless of ethnicity or wealth</i>
Lao động <i>Labour</i>	Ai cũng phải lao động, ai cũng có quyền lao động <i>Everyone must work and everyone has the right to work</i>	Xem: Hồ Chí Minh: Toàn tập, t.12, tr.377, 371; t.11, tr.241 <i>See: Complete Works, vol. 12, pp. 377, 371; vol. 11, p. 241</i>
Phân phối <i>Distribution</i>	Làm nhiều hưởng nhiều, làm ít hưởng ít, không làm không hưởng <i>More work, more reward; less work, less reward; no work, no reward</i>	Trừ người chưa có hoặc không còn khả năng lao động (Xem: t.10, tr.390) <i>Except those not yet or no longer able to work (See: vol. 10, p. 390)</i>

LỖI HAY GẶP / COMMON MISTAKE — Hiểu “công bằng” là “chia đều”. Nguyên tắc của Hồ Chí Minh là hưởng theo lao động; chia đều cho người làm nhiều và người không làm mới là bất công. Ngoại lệ dành cho trẻ em, người già, người mất sức lao động thể hiện tính nhân văn của chế độ.

Reading “fairness” as “equal shares”. Hồ Chí Minh’s principle is reward according to labour; equal shares for hard workers and idlers would be unfair. The exception for children, the elderly and the disabled shows the humane side of the system.

Đặc trưng về chủ thể xây dựng — *Feature of the builders*

Từ thời chiếm hữu nô lệ tới chủ nghĩa tư bản, người lao động liên tục đấu tranh để xóa chế độ bóc lột. Khi chế độ của dân đã lập, lợi ích của mỗi người gắn với lợi ích của chế độ, nên chính nhân dân quyết định nhanh hay chậm, vững hay yếu (Xem: Hồ Chí Minh:

Toàn tập, t.6, tr.232; t.11, tr.609 – 610; t.13, tr.54). Sự lãnh đạo của Đảng là điều kiện đi kèm.

From slavery to capitalism, working people fought continuously to end exploitation. Once the people's regime is set up, each person's interest is tied to the regime's, so the people themselves decide whether progress is fast or slow, strong or weak (See: Hồ Chí Minh: Complete Works, vol. 6, p. 232; vol. 11, pp. 609–610; vol. 13, p. 54). Party leadership is the accompanying condition.

PHẢI THUỘC / MEMORISE — “Chỉ có sự lãnh đạo của một đảng biết vận dụng một cách sáng tạo chủ nghĩa Mác-Lênin vào điều kiện cụ thể của nước mình thì mới có thể đưa cách mạng giải phóng dân tộc và cách mạng xã hội chủ nghĩa đến thành công” (Hồ Chí Minh: Toàn tập, t.15, tr.391).

“Only under the leadership of a party that knows how to apply Marxism–Leninism creatively to the specific conditions of its own country can the national liberation revolution and the socialist revolution be brought to success” (Hồ Chí Minh: Complete Works, vol. 15, p. 391).

Vấn đề <i>Issue</i>	Lý luận Mác – Lênin <i>Marxist–Leninist theory</i>	Cách Hồ Chí Minh diễn đạt <i>Hồ Chí Minh's formulation</i>
Định nghĩa chủ nghĩa xã hội <i>Defining socialism</i>	Phân tích khoa học về hình thái kinh tế – xã hội cộng sản chủ nghĩa <i>Scientific analysis of the communist socio-economic formation</i>	Không một định nghĩa cố định; nói mộc mạc theo từng mặt, quy về dân giàu, nước mạnh <i>No fixed definition; plain words for each aspect, centred on a rich people and strong country</i>
Con đường đi lên <i>Path forward</i>	Tất yếu theo quy luật lịch sử – tự nhiên <i>Inevitable under natural-historical law</i>	Tất yếu, nhưng thời gian và phương thức khác nhau theo hoàn cảnh từng nước <i>Inevitable, but timing and method vary with each country's conditions</i>
Thước đo hàng đầu <i>Primary yardstick</i>	Trình độ lực lượng sản xuất và quan hệ sở hữu <i>Level of productive forces and ownership relations</i>	Thêm đời sống, lợi ích, quyền làm chủ của dân và đạo đức xã hội <i>Adds people's living standards, interests, mastery and social morality</i>

3.4. Xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam: mục tiêu và động lực — *Building socialism in Vietnam: goals and driving forces*

Bốn mục tiêu của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam — *Four goals of socialism in Vietnam*

Đặc trưng nói chủ nghĩa xã hội “là gì”; mục tiêu nói Việt Nam “phải đạt được gì”. Hồ Chí Minh xếp mục tiêu theo bốn lĩnh vực, và các mục tiêu này ràng buộc lẫn nhau, không lĩnh vực nào đứng riêng.

Features say what socialism “is”; goals say what Vietnam “must achieve”. Hồ Chí Minh grouped the goals into four fields, and they bind one another; none stands alone.

Lĩnh vực <i>Field</i>	Mục tiêu <i>Goal</i>	Câu trích gắn với mục tiêu <i>Linked quotation</i>	Nguồn <i>Source</i>
Chính trị <i>Politics</i>	Xây dựng chế độ dân chủ <i>Build a democratic regime</i>	“Chế độ ta là chế độ dân chủ. Tức là nhân dân làm chủ” <i>“Our regime is a democratic regime. That is, the people are the masters”</i>	t.13, tr.10 <i>vol. 13, p. 10</i>
Kinh tế <i>Economy</i>	Kinh tế phát triển cao, gắn với mục tiêu chính trị <i>A highly developed economy tied to the political goal</i>	“với công nghiệp và nông nghiệp hiện đại, khoa học kỹ thuật tiên tiến” <i>“with modern industry and agriculture and advanced science and technology”</i>	t.12, tr.372 <i>vol. 12, p. 372</i>
Văn hóa <i>Culture</i>	Văn hóa dân tộc, khoa học, đại chúng, tiếp thu tinh hoa nhân loại <i>A national, scientific, popular culture absorbing the best of humanity</i>	“Xã hội thế nào, văn nghệ thế ấy” <i>“As society is, so are literature and the arts”</i>	t.9, tr.231 <i>vol. 9, p. 231</i>
Quan hệ xã hội <i>Social relations</i>	Dân chủ, công bằng, văn minh <i>Democracy, fairness, civility</i>	Mọi công dân bình đẳng trước pháp luật (diễn ý) <i>All citizens equal before the law (paraphrase)</i>	Xem t.12, tr.377 – 378 <i>See vol. 12, pp. 377–378</i>

Mục tiêu chính trị — *Political goal*

PHẢI THUỘC / MEMORISE — “Nước ta là nước dân chủ, địa vị cao nhất là dân, vì dân là chủ” (Hồ Chí Minh: Toàn tập, t.7, tr.434).

“Ours is a democratic country; the highest position belongs to the people, because the people are the masters” (Hồ Chí Minh: Complete Works, vol. 7, p. 434).

Hai cụm “dân là chủ” và “dân làm chủ” xác định cùng lúc địa vị, quyền hạn và trách nhiệm của dân. Hồ Chí Minh liệt kê cụ thể: lợi ích vì dân, quyền hạn của dân, việc xây dựng và bảo vệ đất nước là việc của dân, chính quyền các cấp do dân bầu, đoàn thể do dân lập; tóm lại, quyền hành và lực lượng đều ở nơi dân (Xem: Hồ Chí Minh: Toàn tập, t.6, tr.232).

The two phrases “the people are the owners” and “the people act as masters” fix the people’s status, powers and duties at once. Hồ Chí Minh listed them: benefits for the people, powers belonging to them, building and defending the country as their work, authorities elected by them, mass organisations formed by them; in short, power and strength lie with the people (See: Hồ Chí Minh: Complete Works, vol. 6, p. 232).

Mục tiêu kinh tế — *Economic goal*

Nền kinh tế Hồ Chí Minh hướng tới phải phát triển cao, “với công nghiệp và nông nghiệp hiện đại, khoa học kỹ thuật tiên tiến”, và là “một nền kinh tế thuần nhất, dựa trên chế độ sở hữu toàn dân và sở hữu tập thể” (Hồ Chí Minh: Toàn tập, t.12, tr.372). Kinh tế quốc

doanh giữ vai trò lãnh đạo, được Nhà nước ưu tiên; kinh tế hợp tác xã là sở hữu tập thể của người lao động, cần được khuyến khích, hướng dẫn, giúp đỡ (Xem: Hồ Chí Minh: Toàn tập, t.12, tr.373).

The economy Hồ Chí Minh aimed for had to be highly developed, “with modern industry and agriculture and advanced science and technology”, and “a homogeneous economy based on ownership by the entire people and collective ownership” (Hồ Chí Minh: Complete Works, vol. 12, p. 372). The state sector leads and gets state priority; cooperatives, the collective property of working people, are to be encouraged, guided and helped (See: Hồ Chí Minh: Complete Works, vol. 12, p. 373).

PHẢI THUỘC / MEMORISE — Kinh tế gắn với chính trị: “Chế độ kinh tế và xã hội của chúng ta nhằm thực hiện đầy đủ quyền dân chủ của nhân dân, trên cơ sở kinh tế xã hội chủ nghĩa ngày càng phát triển” (Hồ Chí Minh: Toàn tập, t.12, tr.376).

Economy tied to politics: “Our economic and social regime aims to realise fully the democratic rights of the people, on the basis of an ever more developed socialist economy” (Hồ Chí Minh: Complete Works, vol. 12, p. 376).

LỖI HAY GẶP / COMMON MISTAKE — Dùng câu “nền kinh tế thuần nhất, dựa trên chế độ sở hữu toàn dân và sở hữu tập thể” để phủ nhận kinh tế nhiều thành phần hiện nay. Câu ấy là mục tiêu Người nêu cho đích đến của chủ nghĩa xã hội; trên chặng quá độ, Đảng phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa nhiều thành phần, và Nghị quyết 68-NQ/TW (4/5/2025) coi kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng.

Using “a homogeneous economy based on ownership by the entire people and collective ownership” to deny today’s multi-sector economy. That sentence describes the end goal of socialism; during the transition the Party develops a multi-sector socialist-oriented market economy, and Resolution 68-NQ/TW (4 May 2025) treats the private sector as an important driving force.

Mục tiêu văn hóa — *Cultural goal*

Hồ Chí Minh nhìn văn hóa trong quan hệ biện chứng với chính trị và kinh tế: chế độ chính trị, kinh tế là nền và quyết định tính chất của văn hóa; ngược lại, văn hóa góp sức thực hiện mục tiêu chính trị, kinh tế. Về thứ tự, Người đặt kinh tế trước theo lẽ “có thực mới vực được đạo, vì thế kinh tế phải đi trước” (Hồ Chí Minh: Toàn tập, t.12, tr.470).

Hồ Chí Minh saw culture in a dialectical relation with politics and economics: the political and economic regime is culture’s base and decides its character; in turn culture helps reach political and economic goals. On order, he put the economy first, reasoning that “only with enough to eat can one uphold morality; therefore the economy must go first” (Hồ Chí Minh: Complete Works, vol. 12, p. 470).

Chiều tác động <i>Direction</i>	Nội dung <i>Content</i>	Câu trích <i>Quotation</i>
Chính trị, kinh tế → văn hóa <i>Politics, economy → culture</i>	Là nền tảng, quyết định tính chất văn hóa <i>Base that decides culture's character</i>	“Xã hội thế nào, văn nghệ thế ấy” (t.9, tr.231) <i>“As society is, so are literature and the arts” (vol. 9, p. 231)</i>
Văn hóa → chính trị, kinh tế <i>Culture → politics, economy</i>	Nâng dân trí giúp phát triển dân chủ, xây nước hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ, giàu mạnh <i>Higher education helps democracy and a peaceful, unified, independent, democratic, prosperous country</i>	Xem t.10, tr.458 – 459; t.13, tr.191 <i>See vol. 10, pp. 458–459; vol. 13, p. 191</i>
Thứ tự ưu tiên <i>Priority</i>	Kinh tế đi trước một bước <i>The economy goes one step ahead</i>	“Muốn tiến lên chủ nghĩa xã hội phải phát triển kinh tế và văn hóa” (t.12, tr.470) <i>“To advance to socialism, we must develop the economy and culture” (vol. 12, p. 470)</i>

PHẢI THUỘC / MEMORISE — “để phục vụ sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa thì văn hóa phải xã hội chủ nghĩa về nội dung và dân tộc về hình thức” (Hồ Chí Minh: Toàn tập, t.12, tr.471). Ba tính chất của nền văn hóa mới: **dân tộc, khoa học, đại chúng** (Hồ Chí Minh: Toàn tập, t.7, tr.40).

*“to serve the socialist revolution, culture must be socialist in content and national in form” (Hồ Chí Minh: Complete Works, vol. 12, p. 471). Three qualities of the new culture: **national, scientific, popular** (Hồ Chí Minh: Complete Works, vol. 7, p. 40).*

LỖI HAY GẶP / COMMON MISTAKE — Đảo vế câu nói thành “phát triển văn hóa và kinh tế”. Chính Hồ Chí Minh đặt câu hỏi vì sao không nói theo thứ tự ấy, rồi giải thích bằng tục ngữ “có thực mới vực được đạo”. Đề trắc nghiệm hay đánh tráo thứ tự này.

Swapping the order into “develop culture and the economy”. Hồ Chí Minh himself asked why not that order and answered with the proverb “only with enough to eat can one uphold morality”. Test items often swap this order.

Mục tiêu về quan hệ xã hội — *Goal for social relations*

Vì dân là chủ, dân phải làm tròn bổn phận người chủ, đồng thời được hưởng các quyền công dân: làm việc, nghỉ ngơi, học tập; tự do thân thể; tự do ngôn luận, báo chí, hội họp, lập hội, biểu tình; tự do tín ngưỡng, theo hoặc không theo tôn giáo; bầu cử, ứng cử. Công dân bình đẳng trước pháp luật. Nhà nước bảo đảm tự do dân chủ nhưng cấm lợi dụng tự do dân chủ để xâm phạm lợi ích của Nhà nước và nhân dân (Xem: Hồ Chí Minh: Toàn tập, t.12, tr.377 – 378).

Because the people are the owners, they must fulfil an owner's duties and enjoy citizens' rights: to work, rest and study; personal freedom; freedom of speech, press, assembly, association and demonstration; freedom of belief, to follow or not follow a religion; to vote and stand for

election. Citizens are equal before the law. The State guarantees democratic freedoms but forbids abusing them to harm the interests of the State and the people (See: Hồ Chí Minh: Complete Works, vol. 12, pp. 377–378).

VÍ DỤ / EXAMPLE — Một sinh viên đăng bài phê bình việc ký túc xá chậm sửa hệ thống nước nóng, kèm ảnh và thời gian thật: đó là dùng quyền tự do ngôn luận để góp ý. Một tài khoản khác dựng ảnh giả “ký túc xá sập trần” để câu tương tác: đó là lợi dụng tự do để gây hoang mang, thuộc vùng Hồ Chí Minh nói phải nghiêm cấm.

A student posts a criticism that the dormitory is slow to fix the hot-water system, with real photos and dates: that is using free speech to give feedback. Another account fakes a photo of a “collapsed dorm ceiling” for clicks: that is abusing freedom to spread alarm, exactly what Hồ Chí Minh said must be forbidden.

Động lực của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam — Driving forces of socialism in Vietnam

Muốn đạt mục tiêu phải nhận biết, sử dụng và phát huy đúng các động lực. Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, động lực là cả một hệ thống, có quan hệ biện chứng với nhau. Giữ vai trò quyết định là nội lực dân tộc, tức là nhân dân.

To reach the goals, the driving forces must be recognised, used and developed correctly. In Hồ Chí Minh Thought they form a system with dialectical links. The decisive role belongs to the nation’s internal strength, that is, the people.

- Phân loại động lực: theo thời gian (quá khứ, hiện tại, tương lai), theo tính chất (vật chất, tinh thần), theo nguồn gốc (nội lực, ngoại lực), theo lĩnh vực (kinh tế, chính trị, văn hóa, giáo dục...).

Kinds of driving force: by time (past, present, future), by nature (material, spiritual), by origin (internal, external), by field (economy, politics, culture, education...).

Ba động lực hàng đầu, gắn với nhau như ba chân kiềng: **lợi ích của dân, dân chủ của dân, sức mạnh đoàn kết toàn dân**. Chúng là cơ sở, tiền đề của nhau, nhưng chỉ phát huy được qua hoạt động của các tổ chức và của từng con người Việt Nam cụ thể.

*The three foremost driving forces, linked like the legs of a tripod: **the people’s interests, the people’s democracy, the strength of the whole people’s unity**. Each is the basis and premise of the others, but they work only through organisations and specific Vietnamese individuals.*

PHẢI THUỘC / MEMORISE — Về lợi ích của dân: “việc gì có lợi cho dân phải hết sức làm, việc gì có hại cho dân phải hết sức tránh”, “phải đặt quyền lợi của dân lên trên hết” (Hồ Chí Minh: Toàn tập, t.4, tr.50 – 51).

On the people’s interests: “whatever is beneficial to the people must be done with all our might, whatever is harmful to the people must be avoided with all our might”, “the interests of the people must be put above all else” (Hồ Chí Minh: Complete Works, vol. 4, p. 50 – 51).

- **Lợi ích của dân:** Hồ Chí Minh quan tâm cả lợi ích cộng đồng và lợi ích của từng người, coi đây là một điểm phân biệt căn bản giữa chủ nghĩa xã hội với các chế độ trước.

The people’s interests: Hồ Chí Minh cared for both community interests and each person’s interests, seeing this as a basic difference between socialism and earlier systems.

- **Dân chủ của dân:** dân chủ là thứ quý báu nhất của nhân dân (Xem: Hồ Chí Minh: Toàn tập, t.13, tr.10; t.7, tr.434; t.10, tr.457). Có dân chủ thì lợi ích mới vì dân, quyền hành mới ở nơi dân; vì vậy lợi ích và dân chủ không tách rời.

The people's democracy: democracy is the people's most precious treasure (See: Hồ Chí Minh: Complete Works, vol. 13, p. 10; vol. 7, p. 434; vol. 10, p. 457). Only with democracy do benefits serve the people and power rest with them; so interests and democracy cannot be separated.

- **Đoàn kết toàn dân:** lực lượng mạnh nhất trong mọi lực lượng; chủ nghĩa xã hội chỉ xây được khi dân giác ngộ đầy đủ quyền lợi, trách nhiệm và đem sức lao động sáng tạo của hàng chục triệu người vào việc chung (Xem: Hồ Chí Minh: Toàn tập, t.10, tr.453; t.11, tr.93).

Unity of the whole people: the strongest of all forces; socialism can be built only when the people fully grasp their rights and duties and bring the creative labour of tens of millions to the common cause (See: Hồ Chí Minh: Complete Works, vol. 10, p. 453; vol. 11, p. 93).

PHẢI THUỘC / MEMORISE — Ngày 3/3/1951, buổi ra mắt Đảng Lao động Việt Nam: “Mục đích của Đảng Lao động Việt Nam có thể gồm trong 8 chữ là: Đoàn kết toàn dân, phụng sự Tổ quốc” (Hồ Chí Minh: Toàn tập, t.7, tr.49).

On 3 March 1951, at the launch of the Vietnam Workers' Party: “The aim of the Vietnam Workers' Party can be summed up in 8 words: Unite the entire people, serve the Fatherland” (Hồ Chí Minh: Complete Works, vol. 7, p. 49).

Động lực qua các tổ chức và con người — *Driving forces through organisations and people*

Chủ thể <i>Agent</i>	Vai trò theo Hồ Chí Minh <i>Role in Hồ Chí Minh's view</i>	Ghi nhớ <i>Note</i>
Đảng Cộng sản <i>Communist Party</i>	Giữ vai trò quyết định trong các tổ chức; như người cầm lái, lái có vững thuyền mới chạy <i>Decisive among organisations; like the helmsman, the boat moves only if the helmsman is steady</i>	Xem t.2, tr.289 (Đường cách mệnh) <i>See vol. 2, p. 289 (The Revolutionary Path)</i>
Nhà nước <i>State</i>	Đại diện ý chí, quyền lực của dân; quản lý xã hội, biến đường lối của Đảng thành hiện thực <i>Represents the people's will and power; manages society and turns the Party's line into reality</i>	Xem t.4, tr.64 – 65; t.7, tr.434... <i>See vol. 4, pp. 64–65; vol. 7, p. 434...</i>
Các tổ chức chính trị – xã hội <i>Socio-political organisations</i>	Tổ chức quần chúng, cách làm khác nhau nhưng thống nhất về chính trị, tư tưởng; vì lợi ích hội viên gắn với lợi ích dân tộc <i>Mass organisations with different methods but one political line; serve members in line with national interests</i>	Phải cảnh giác với địch bên ngoài và “địch” bên trong là chủ nghĩa cá nhân <i>Guard against outside enemies and the inner “enemy”, individualism</i>
Con người Việt Nam <i>Vietnamese people</i>	Con người xã hội chủ nghĩa, có tư tưởng và tác phong xã hội chủ nghĩa <i>Socialist people with socialist thinking and work style</i>	Điều kiện “trước hết” để xây chủ nghĩa xã hội <i>The condition needed “first of all”</i>

PHẢI THUỘC / MEMORISE — “Muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội, trước hết cần có những con người xã hội chủ nghĩa” (Hồ Chí Minh: Toàn tập, t.13, tr.66).

“To build socialism, we must first of all have socialist people” (Hồ Chí Minh: Complete Works, vol. 13, p. 66).

Từ 13 đến 21/3/1961, ở hội nghị Ban Bí thư triệu tập để bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo các cấp miền Bắc, Hồ Chí Minh nói kỹ về tư tưởng, tác phong xã hội chủ nghĩa rồi tóm lại thành hai danh sách: cái cần bồi dưỡng và cái phải chống (Xem: Hồ Chí Minh: Toàn tập, t.13, tr.65 – 72).

At the training conference for leading cadres of all levels in the North, convened by the Secretariat (13–21 March 1961), Hồ Chí Minh spoke at length on socialist thinking and work style, then summed it up in two lists: what to cultivate and what to fight (See: Hồ Chí Minh: Complete Works, vol. 13, pp. 65–72).

Động lực cần bồi dưỡng <i>Forces to cultivate</i>	Trở lực phải chống <i>Obstacles to fight</i>
Ý thức làm chủ nhà nước <i>A sense of mastery over the State</i>	Chủ nghĩa cá nhân <i>Individualism</i>
Tinh thần tập thể xã hội chủ nghĩa, “mình vì mọi người, mọi người vì mình” <i>Socialist collective spirit, “one for all, all for one”</i>	Quan liêu, mệnh lệnh <i>Bureaucratism, commandism</i>
Quan điểm “tất cả phục vụ sản xuất” <i>“Everything serves production”</i>	Tham ô, lãng phí <i>Embezzlement, waste</i>
Ý thức cần kiệm xây dựng nước nhà <i>Diligence and thrift in building the country</i>	Bảo thủ, rụt rè <i>Conservatism, timidity</i>
Tinh thần tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội <i>The spirit of advancing fast, strongly and steadily to socialism</i>	Tư tưởng “làm quan cách mạng” (Xem t.13, tr.68; t.10, tr.572) <i>The “revolutionary mandarin” mentality (See vol. 13, p. 68; vol. 10, p. 572)</i>

PHẢI THUỘC / MEMORISE — Mẹo nhớ bốn tác phong xấu năm 1961 theo cặp: **CÁ NHÂN – QUAN LIÊU MỆNH LỆNH – THAM Ô LÃNG PHÍ – BẢO THỦ RỤT RÈ**. Quan điểm “xây” đi đôi với “chống” chạy suốt tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội: phát huy động lực luôn đi cùng gạt bỏ trở lực.
Memory cue for the four bad styles of 1961 in pairs: INDIVIDUALISM – BUREAUCRATISM AND COMMANDISM – EMBEZZLEMENT AND WASTE – CONSERVATISM AND TIMIDITY. The view that “building” goes with “fighting” runs through Hồ Chí Minh’s thought on socialism: developing driving forces always goes with removing obstacles.

LỖI HAY GẶP / COMMON MISTAKE — Trả lời “động lực quyết định là Đảng”. Theo giáo trình, trong toàn hệ thống động lực, nội lực dân tộc – nhân dân giữ vai trò quyết định; còn khi xét riêng các tổ chức (Đảng, Nhà nước, đoàn thể) thì sự lãnh đạo của Đảng giữ vai trò quyết định. Đọc kỹ đề hỏi ở cấp nào.
Answering “the decisive driving force is the Party”. In the textbook, across the whole system the nation’s internal strength – the people – is decisive; among organisations (Party, State, mass bodies) the Party’s leadership is decisive. Check which level the question asks about.

3.5. Thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam — *The period of transition to socialism in Vietnam*

Tính chất của thời kỳ quá độ — *Nature of the transition period*

Thời kỳ quá độ là quãng đường biến xã hội cũ thành một xã hội mới mà dân tộc ta chưa từng có. Phải đổi tận gốc nếp sống, thói quen, ý nghĩ, thành kiến đã bám rễ hàng nghìn năm; xóa giai cấp bóc lột; đưa một nước nghèo, đói thành nước văn hóa cao, đời sống vui tươi. Điểm xuất phát lại là một nước nông nghiệp lạc hậu vừa thoát ách thực dân, phong kiến.

The transition is the road from the old society to a new one our nation has never known. Ways of life, habits, ideas and prejudices rooted for thousands of years must be uprooted; exploiting classes abolished; a poor, uneducated country turned into one of high culture and joyful life. And the starting point is a backward farming country just freed from colonial and feudal rule.

PHẢI THUỘC / MEMORISE — Tính chất: **cải biến sâu sắc nhất**, nhưng **phức tạp, lâu dài, khó khăn, gian khổ**; khó khăn, phức tạp hơn cả đánh giặc (Xem: Hồ Chí Minh: Toàn tập, t.11, tr.91 – 92, 405); không thể làm mau, phải làm dần dần (Xem: t.10, tr.390, 392).
Nature: the most profound transformation, yet complex, long, difficult and arduous; harder and more complex than fighting a war (See: Hồ Chí Minh: Complete Works, vol. 11, pp. 91–92, 405); it cannot be rushed and must be done gradually (See: vol. 10, pp. 390, 392).

Vì sao khó hơn đánh giặc <i>Why harder than war</i>	Giải thích <i>Explanation</i>
Kẻ thù vô hình <i>An invisible enemy</i>	Đánh giặc thấy rõ đối phương; quá độ phải đánh vào thói quen, thành kiến nằm trong chính mỗi người <i>In war the enemy is visible; the transition fights habits and prejudices inside each person</i>
Xây cái chưa có <i>Building the unknown</i>	Không có mô hình sẵn trong lịch sử dân tộc để làm theo <i>No ready model in national history to follow</i>
Nền xuất phát thấp <i>Low starting base</i>	Nông nghiệp lạc hậu, kỹ thuật kém, vừa ra khỏi chiến tranh <i>Backward agriculture, poor technology, just out of war</i>
Đòi hỏi khoa học và kiên trì <i>Needs science and patience</i>	Nóng vội thì hỏng; phải làm dần dần, từng bước <i>Haste ruins it; work gradually, step by step</i>

Đặc điểm của thời kỳ quá độ — *Characteristics of the transition period*

Việt Nam có những đặc điểm chung với mọi nước bước vào quá độ: yếu tố cũ và mới đan xen trên mọi lĩnh vực; ở chặng đầu, khi cái cũ còn tụ lại thành thế lực, nó có lúc thắng cái mới vừa nhú. Ngoài ra, Hồ Chí Minh chỉ ra đặc điểm riêng, lớn nhất của Việt Nam.

Vietnam shares features with every country entering the transition: old and new elements intertwine in every field; at first, while the old still clusters into a force, it can at times defeat the newly emerged new. Beyond that, Hồ Chí Minh pointed to Vietnam's own, biggest characteristic.

PHẢI THUỘC / MEMORISE — “đặc điểm to nhất của ta trong thời kỳ quá độ là từ một nước nông nghiệp lạc hậu tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội không phải kinh qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa” (Hồ Chí Minh: Toàn tập, t.12, tr.411).
“our biggest characteristic in the period of transition is that, from a backward agricultural country, we are advancing straight to socialism without having to go through the stage of capitalist development” (Hồ Chí Minh: Complete Works, vol. 12, p. 411).

Điểm so sánh <i>Point</i>	Lý luận Mác – Lênin về quá độ <i>Marxist–Leninist theory of transition</i>	Hồ Chí Minh về Việt Nam <i>Hồ Chí Minh on Vietnam</i>
Tính tất yếu <i>Necessity</i>	Mọi nước đi lên chủ nghĩa xã hội đều phải qua thời kỳ quá độ <i>Every country moving to socialism must go through a transition</i>	Nhất trí; Việt Nam cũng phải qua quá độ lâu dài <i>Agrees; Vietnam too needs a long transition</i>
Điểm xuất phát <i>Starting point</i>	Mác, Ăngghen chủ yếu bàn các nước tư bản phát triển; Lênin nêu khả năng nước lạc hậu bỏ qua tư bản chủ nghĩa <i>Marx and Engels mainly discussed developed capitalist countries; Lenin raised the possibility of backward countries bypassing capitalism</i>	Cụ thể hóa cho một nước thuộc địa, nông nghiệp lạc hậu: tiến thẳng, không kinh qua tư bản chủ nghĩa <i>Applies it to a colonial, backward farming country: straight ahead, skipping capitalism</i>
Hệ quả rút ra <i>Consequence</i>	Quá độ dài hay ngắn tùy trình độ xuất phát <i>Length depends on the starting level</i>	Đặc điểm to nhất quy định nhiệm vụ: trước hết xây nền tảng vật chất – kỹ thuật <i>The biggest characteristic sets the tasks: first build the material and technical base</i>

LỖI HAY GẶP / COMMON MISTAKE — Hiểu “không phải kinh qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa” là gạt bỏ mọi thứ chủ nghĩa tư bản tạo ra. Cái được bỏ qua là việc xác lập địa vị thống trị của quan hệ sản xuất và kiến trúc thượng tầng tư bản chủ nghĩa; thành tựu khoa học, công nghệ, kinh nghiệm quản lý của nhân loại vẫn phải học và dùng.
Taking “without going through capitalist development” to mean rejecting everything capitalism created. What is skipped is the dominance of capitalist relations of production and superstructure; humanity’s science, technology and management experience must still be learned and used.

Nhiệm vụ của thời kỳ quá độ — *Tasks of the transition period*

Nhiệm vụ chung: đấu tranh cải tạo, xóa tàn tích của chế độ cũ và xây dựng các yếu tố mới hợp quy luật đi lên chủ nghĩa xã hội, trên mọi lĩnh vực.

The general task: struggle to reform and remove the remnants of the old system and build new elements suited to the laws of advance to socialism, in every field.

Lĩnh vực <i>Field</i>	Nhiệm vụ <i>Task</i>	Trọng tâm, cách làm <i>Focus and method</i>
Chính trị <i>Politics</i>	Xây chế độ dân chủ, vì đó là bản chất của chủ nghĩa xã hội <i>Build a democratic regime, the essence of socialism</i>	Chống mọi biểu hiện chủ nghĩa cá nhân, trước hết trong Đảng, bộ máy chính quyền từ cơ sở tới Trung ương; giáo dục để dân đủ hiểu biết, năng lực làm chủ <i>Fight individualism, first within the Party and the state apparatus from grassroots to centre; educate the people to be capable masters</i>
Kinh tế <i>Economy</i>	Cải tạo kinh tế cũ, xây kinh tế mới có công nghiệp và nông nghiệp hiện đại <i>Reform the old economy, build a new one with modern industry and agriculture</i>	Xây dựng là chủ chốt và lâu dài (Xem t.12, tr.412); gắn với quyền làm chủ của dân Construction is the key, long-term task (See vol. 12, p. 412); tied to the people's mastery
Văn hóa <i>Culture</i>	Tẩy trừ di tích thuộc địa, ảnh hưởng nô dịch của văn hóa đế quốc <i>Remove colonial remnants and the enslaving influence of imperialist culture</i>	Phát huy truyền thống tốt, hấp thụ cái mới tiến bộ; văn hóa dân tộc, khoa học, đại chúng <i>Develop good traditions, absorb progressive novelty; national, scientific, popular culture</i>
Quan hệ xã hội <i>Social relations</i>	Thay đổi triệt để quan hệ cũ đã thành thói quen <i>Thoroughly change old relations turned into habit</i>	Xã hội dân chủ, công bằng, văn minh; tôn trọng lợi ích cá nhân đúng đắn hài hòa với lợi ích chung <i>A democratic, fair, civilised society; legitimate personal interests in harmony with common ones</i>

PHẢI THUỘC / MEMORISE — Nhiệm vụ quan trọng nhất về kinh tế là xây **nền tảng vật chất và kỹ thuật** cho chủ nghĩa xã hội. So hai việc cải tạo và xây dựng thì **xây dựng là chủ chốt và lâu dài**.

*The most important economic task is building the **material and technical foundation** of socialism. Between reform and construction: **construction is the key, long-term task**.*

VÍ DỤ / EXAMPLE — Một xã miền núi được hỗ trợ kéo điện, mở đường bê tông và dạy bà con bán nông sản qua mạng. Đó là “xây” nền tảng vật chất – kỹ thuật. Song song, xã vận động bỏ tục thách cưới nặng và tang lễ kéo dài nhiều ngày: đó là “cải tạo” quan hệ xã hội cũ. Thiếu một vế, vế kia khó bền.

A mountain commune gets help to bring in electricity, pave roads and teach farmers to sell produce online. That is “building” the material and technical base. In parallel, the commune campaigns against heavy bride-price customs and funerals lasting many days: that is “reforming” old social relations. Without one side, the other will not last.

Bốn nguyên tắc xây dựng chủ nghĩa xã hội trong thời kỳ quá độ — *Four principles for building socialism during the transition*

Nguyên tắc <i>Principle</i>	Nội dung <i>Content</i>	Câu trích, nguồn <i>Quotation, source</i>	Bài học hôm nay <i>Lesson today</i>
1. Nền tảng chủ nghĩa Mác – Lênin <i>1. Marxist–Leninist foundation</i>	Chủ nghĩa Mác – Lênin là khoa học về cách mạng của người bị áp bức, bóc lột, về thắng lợi của chủ nghĩa xã hội; phải trung thành với nguyên tắc, đồng thời cụ thể hóa <i>Marxism–Leninism is the science of the oppressed masses’ revolution and of socialism’s victory; stay loyal to principles and concretise them</i>	“học lập trường, quan điểm và phương pháp của chủ nghĩa Mác-Lênin” (t.11, tr.95) <i>“study the stand, viewpoints and methods of Marxism–Leninism” (vol. 11, p. 95)</i>	Học lý luận để vận dụng, không thuộc lòng câu chữ <i>Study theory to apply it, not to recite</i>
2. Giữ vững độc lập dân tộc <i>2. Safeguard national independence</i>	Độc lập là điều kiện tiên quyết của chủ nghĩa xã hội; chủ nghĩa xã hội là cơ sở cho độc lập trường tồn <i>Independence is the prerequisite of socialism; socialism is the basis for lasting independence</i>	“Không có gì quý hơn độc lập, tự do” (t.15, tr.130) <i>“Nothing is more precious than independence and freedom” (vol. 15, p. 130)</i>	Hội nhập nhưng tự chủ về đường lối, an ninh, công nghệ lõi <i>Integrate while staying self-reliant in policy, security and core technology</i>
3. Đoàn kết, học kinh nghiệm nước anh em <i>3. Solidarity, learning from fraternal countries</i>	Cách mạng Việt Nam là bộ phận của lực lượng hòa bình, dân chủ, xã hội chủ nghĩa thế giới; học nhưng không áp đặt máy móc <i>Vietnam’s revolution is part of world forces for peace, democracy and socialism; learn but do not copy mechanically</i>	“Ta không thể giống Liên Xô, vì Liên Xô có phong tục tập quán khác, có lịch sử địa lý khác” (t.10, tr.391) <i>“We cannot be the same as the Soviet Union, because it has different customs, history and geography” (vol. 10, p. 391)</i>	Tham khảo mô hình nước ngoài, chọn cái hợp điều kiện Việt Nam <i>Study foreign models, pick what suits Vietnam</i>

Nguyên tắc <i>Principle</i>	Nội dung <i>Content</i>	Câu trích, nguồn <i>Quotation, source</i>	Bài học hôm nay <i>Lesson today</i>
4. Xây đi đôi với chống <i>4. Building goes with fighting</i>	Xây dựng mọi lĩnh vực đồng thời chống các thế lực cản trở, phá hoại <i>Build every field while fighting forces that obstruct and sabotage</i>	“đối với kẻ địch phải luôn tỉnh táo, giữ vững lập trường, quyết không vì hoàn cảnh hòa bình mà mất cảnh giác” (t.13, tr.68) <i>“towards the enemy we must always stay alert, hold firm and never lose vigilance because of peace” (vol. 13, p. 68)</i>	Phát triển kinh tế đi cùng chống tham nhũng, lãng phí, tin giả <i>Economic growth together with fighting corruption, waste and fake news</i>

- Nguyên tắc 1 có hai vế phải nói đủ: trung thành với nguyên tắc của chủ nghĩa Mác – Lênin, và “cụ thể hóa chủ nghĩa Mác-Lênin cho thích hợp với điều kiện hoàn cảnh từng lúc và từng nơi” (Hồ Chí Minh: Toàn tập, t.11, tr.95).
Principle 1 has two halves to state in full: loyalty to Marxist–Leninist principles, and “concretising Marxism–Leninism so that it suits the conditions and circumstances of each time and each place” (Hồ Chí Minh: Complete Works, vol. 11, p. 95).
- Nguyên tắc 2 gắn với hai câu cần thuộc: Tuyên ngôn Độc lập khẳng định cả dân tộc quyết đem tinh thần, lực lượng, tính mạng, của cải giữ quyền tự do, độc lập (Hồ Chí Minh: Toàn tập, t.4, tr.3); Di chúc gửi mong muốn cuối cùng là một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh (Xem: t.15, tr.624).
Principle 2 links to two texts to know: the Declaration of Independence affirms the whole nation will give its spirit, strength, lives and property to keep freedom and independence (Hồ Chí Minh: Complete Works, vol. 4, p. 3); the Testament states his last wish for a peaceful, unified, independent, democratic and prosperous Vietnam (See: vol. 15, p. 624).
- Nguyên tắc 4 hướng vào ba đối tượng: kẻ địch bên ngoài; tàn dư nếp sống, thành kiến của xã hội cũ (Xem: t.11, tr.92); và kẻ địch bên trong mỗi người là chủ nghĩa cá nhân, thứ vi trùng sinh ra tham lam, kiêu ngạo, háo danh, vô kỷ luật (Xem: t.5, tr.294 – 296).
Principle 4 targets three things: outside enemies; remnants of old ways and prejudices (See: vol. 11, p. 92); and the enemy inside each person, individualism, the germ that breeds greed, arrogance, vanity and indiscipline (See: vol. 5, pp. 294–296).

PHẢI THUỘC / MEMORISE — Bốn nguyên tắc, mẹo nhớ **NỀN – ĐỘC – ĐOÀN – CHỐNG**: nền tảng Mác – Lênin; giữ độc lập; đoàn kết, học kinh nghiệm có sáng tạo; xây đi đôi với chống. Căn bệnh phải chống: “Nghe những lời bình luận không đúng cũng làm thính, không biện bác” (Hồ Chí Minh: Toàn tập, t.5, tr.298).
*Four principles, cue **BASE – INDEPENDENCE – SOLIDARITY – FIGHT**: Marxist–Leninist base; keep independence; solidarity and creative learning; building with fighting. A disease to fight: “Hearing incorrect comments yet keeping silent, not refuting them” (Hồ Chí Minh: Complete Works, vol. 5, p. 298).*

LỖI HAY GẶP / COMMON MISTAKE — Ghi nguồn câu “Không có gì quý hơn độc lập, tự do” là Tuyên ngôn Độc lập 1945. Câu này nằm trong Lời kêu gọi năm 1966, giáo trình dẫn Toàn tập t.15, tr.130; Tuyên ngôn Độc lập ở t.4.

Citing “Nothing is more precious than independence and freedom” as the 1945 Declaration of Independence. It comes from the 1966 Appeal; the textbook cites Complete Works vol. 15, p. 130; the Declaration is in vol. 4.

3.6. Mối quan hệ giữa độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội — *The relationship between national independence and socialism*

Luận điểm <i>Thesis</i>	Nội dung chính <i>Main content</i>	Ý nghĩa, giá trị sáng tạo <i>Significance, creative value</i>
1. Độc lập dân tộc là cơ sở, tiền đề đi lên chủ nghĩa xã hội <i>1. National independence is the basis and premise for socialism</i>	Chánh cương vắn tắt (1930): giải phóng dân tộc là mục tiêu đầu tiên; độc lập gắn với dân chủ, thống nhất, chủ quyền, cơm no, áo ấm <i>Brief Political Programme (1930): liberation is the first goal; independence tied to democracy, unity, sovereignty, food and clothing</i>	Vận dụng sáng tạo lý luận cách mạng không ngừng vào nước thuộc địa; độc lập không phải đích cuối <i>Creative application of uninterrupted revolution to a colony; independence is not the final goal</i>
2. Chủ nghĩa xã hội là điều kiện bảo đảm độc lập vững chắc <i>2. Socialism is the condition for secure independence</i>	Chế độ dân chủ thể chế hóa bằng pháp luật; xã hội công bằng; kinh tế phát triển cao; hòa bình, hữu nghị <i>A democratic regime institutionalised by law; a fair society; a developed economy; peace and friendship</i>	Độc lập chỉ trọn vẹn khi đi tới chủ nghĩa xã hội; gắn cách mạng Việt Nam với xu thế thời đại <i>Independence is complete only when it leads to socialism; ties Vietnam's revolution to the trend of the era</i>
3. Điều kiện bảo đảm độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội <i>3. Conditions linking independence with socialism</i>	Đảng lãnh đạo tuyệt đối; đại đoàn kết dân tộc trên nền liên minh công – nông; đoàn kết quốc tế <i>Absolute Party leadership; great national unity on the worker–peasant alliance; international solidarity</i>	Ba điều kiện gắn chặt, thiếu một thì cả độc lập lẫn chủ nghĩa xã hội lung lay <i>The three are bound together; missing one shakes both independence and socialism</i>

Luận điểm 1: độc lập dân tộc là cơ sở, tiền đề — *Thesis 1: independence as basis and premise*

PHẢI THUỘC / MEMORISE — Chánh cương vắn tắt của Đảng (1930) xác định phương hướng chiến lược: “làm tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản”. Giải phóng dân tộc là **mục tiêu đầu tiên**, chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản là **mục tiêu tiếp theo**.

*The Party's Brief Political Programme (1930) set the strategic direction: “to carry out the bourgeois democratic revolution and the agrarian revolution in order to advance to communist society”. National liberation is the **first goal**; socialism and communism are the **next goal**.*

- Nội hàm độc lập trong tư tưởng Hồ Chí Minh rộng hơn việc đuổi ngoại xâm: gồm nội dung dân tộc và dân chủ; gắn với thống nhất, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ; gắn với tự do, cơm no, áo ấm, hạnh phúc của dân. Vì thế khi đặt mục tiêu giải phóng, Người đã hướng sẵn tới chủ nghĩa xã hội.

Independence in Hồ Chí Minh Thought means more than expelling invaders: it has national and democratic content; it goes with unity, sovereignty and territorial integrity; it goes with the people's freedom, food, clothing and happiness. So when he set the goal of liberation he had already pointed it towards socialism.

- Cách mạng giải phóng dân tộc Việt Nam theo con đường cách mạng vô sản, nên từ đầu đã mang định hướng xã hội chủ nghĩa. Cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân càng triệt để, tiền đề và sức mạnh dành cho cách mạng xã hội chủ nghĩa càng lớn.

Vietnam's national liberation revolution followed the proletarian path, so it had a socialist orientation from the start. The more thorough the people's national democratic revolution, the greater the premises and strength it leaves for the socialist revolution.

LỖI HAY GẶP / COMMON MISTAKE — Gán câu “làm tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản” cho Luận cương chính trị tháng 10/1930. Câu này thuộc Chánh cương vắn tắt do Nguyễn Ái Quốc soạn, thông qua tại Hội nghị thành lập Đảng đầu năm 1930; Luận cương tháng 10/1930 do Trần Phú soạn thảo.

Attributing “bourgeois democratic revolution and agrarian revolution in order to advance to communist society” to the Political Theses of October 1930. It belongs to the Brief Political Programme drafted by Nguyễn Ái Quốc and adopted at the Party's founding conference in early 1930; the October 1930 Theses were drafted by Trần Phú.

Luận điểm 2: chủ nghĩa xã hội bảo đảm độc lập vững chắc — *Thesis 2: socialism secures independence*

Chủ nghĩa xã hội là xu thế tất yếu của thời đại và hợp với lợi ích của nhân dân Việt Nam, nên cách mạng giải phóng dân tộc phải có định hướng xã hội chủ nghĩa mới thắng lợi trọn vẹn. Năm 1960, Hồ Chí Minh khẳng định chỉ có chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản mới đưa người lao động và các dân tộc bị áp bức trên thế giới thoát khỏi ách nô lệ.

Socialism is the inevitable trend of the era and fits the interests of the Vietnamese people, so the national liberation revolution needed a socialist orientation to win fully. In 1960 Hồ Chí Minh affirmed that only socialism and communism can free oppressed nations and working people from slavery.